

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI**

VŨ THỊ VÂN LINH

**KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH
TẠI CÔNG TY TNHH SH TECH VINA**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

HÀ NỘI

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI**

VŨ THỊ VÂN LINH

**KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH
TẠI CÔNG TY TNHH SH TECH VINA**

Chuyên ngành: Kế toán

Mã ngành: 8340301

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. NGHIÊM VĂN LỢI

Hà Nội

LỜI CAM ĐOAN

Tôi là Vũ Thị Vân Linh, học viên lớp Cao học Khóa 4, chuyên ngành Kế toán. Sau quá trình nghiên cứu, khảo sát tại Công ty TNHH SH Tech Vina, tôi đã lựa chọn thực hiện luận văn thạc sỹ với đề tài “Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty TNHH SH Tech Vina”.

Tôi xin cam đoan luận văn này là công trình nghiên cứu khoa học, độc lập của tôi, với sự hướng dẫn của giảng viên PGS.TS. Nghiêm Văn Lợi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và có nguồn gốc rõ ràng và được sự cho phép của Công ty mà tôi khảo sát.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm với những nội dung được nêu ra trong luận văn.

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2019

Tác giả

Vũ Thị Vân Linh

LỜI CẢM ƠN

Qua thời gian nghiên cứu lý luận và thực tế, tác giả đã hoàn thành luận văn thạc sĩ kế toán với đề tài “Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty TNHH SH Tech Vina”.

Tác giả xin gửi lời cảm ơn chân thành và bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc nhất tới thầy giáo PGS. TS. Nghiêm Văn Lợi đã tận tình hướng dẫn, quan tâm giúp đỡ, chỉ bảo và đóng góp nhiều ý kiến quý báu giúp tác giả hoàn thiện Luận văn này.

Tác giả cũng xin tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới các thầy cô giáo, các anh chị đã dìu dắt, hỗ trợ trong suốt khóa học. Xin cảm ơn gia đình và bạn bè, những người luôn khuyến khích và giúp đỡ tác giả trong mọi hoàn cảnh khó khăn. Ngoài ra, tác giả cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành của mình đến các anh chị phòng kế toán tài chính Công ty TNHH SH Tech Vina đã cung cấp số liệu để tác giả hoàn thành luận văn này.

Trong thời gian thực hiện, mặc dù đã nỗ lực hết sức mình trong quá trình học tập và nghiên cứu nhưng khó có thể tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế, vì vậy tác giả rất mong nhận được đóng góp ý kiến của quý thầy, cô giáo để Luận văn được hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, ngày 16 tháng 11. năm 2019

Tác giả

Vũ Thị Vân Linh

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	vii
DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU	viii
CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU	1
1.1. Lí do chọn đề tài	1
1.2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài	2
1.3. Mục tiêu nghiên cứu	4
1.4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	4
1.5. Phương pháp nghiên cứu	4
1.6. Những đóng góp mới của luận văn	5
1.7. Kết cấu của đề tài	6
CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT	7
2.1. Khái niệm chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm	7
2.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất	7
2.1.2. Khái niệm giá thành sản phẩm sản xuất	10
2.1.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm	11
2.1.4. Nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm	12
2.2. Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm dưới góc độ kế toán tài chính	13
2.2.1. Phân loại chi phí sản xuất	13

<i>2.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm sản xuất</i>	18
<i>2.2.3 Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm</i>	20
<i>2.2.4. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất</i>	22

2.2.5. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất	23
2.2.6. Phương pháp tính giá thành sản phẩm	28
2.3. Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm sản xuất dưới góc độ kế toán quản trị	31
2.3.1. Phân loại chi phí	33
2.3.2. Đối tượng hạch toán chi phí	37
2.3.3. Xây dựng định mức chi phí	38
2.3.4. Dự toán chi phí sản xuất	41
2.3.5. Phân tích biến động chi phí sản xuất nhằm mục đích quản trị	42
2.3.6. Báo cáo kiểm soát chi phí phục vụ đánh giá trách nhiệm quản lý	45
CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TẠI CÔNG TY TNHH SH TECH VINA	49
3.1. Tổng quan về Công ty TNHH SH Tech Vina	49
3.1.1. Thông tin chung về công ty	49
3.1.2. Đặc điểm sản phẩm và quy trình sản xuất sản phẩm của Công ty	49
3.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty	52
3.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty	54
3.1.5. Các chính sách kế toán hiện đang áp dụng tại Công ty	56
3.2. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty dưới góc độ kế toán tài chính	58
3.2.1. Thực trạng phân loại chi phí	58
3.2.2. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất	59

3.2.2. <i>Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp</i>	60
3.2.3. <i>Kế toán chi phí nhân công trực tiếp</i>	63
3.2.4. <i>Kế toán chi phí sản xuất chung</i>	64

3.2.5. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp, tính và kết chuyển giá thành sản phẩm	68
3.3. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty dưới góc độ kế toán quản trị	70
3.3.1. Phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm	70
3.3.2. Tổ chức lập dự toán chi phí	70
3.3.3. Tổ chức báo cáo chi phí	71
3.4. Đánh giá thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty TNHH SH Tech Vina	71
3.4.1. Những ưu điểm đạt được	71
3.4.2. Các bất cập trong hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm theo yêu cầu quản trị doanh nghiệp tại Công ty	72
CHƯƠNG 4: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TẠI CÔNG TY TNHH SH TECH VINA	77
4.1. Nguyên tắc và yêu cầu hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị tại Công ty TNHH SH Tech Vina	77
4.1.1. Nguyên tắc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm phục vụ quản trị doanh nghiệp	77
4.1.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện	77
4.2. Một số giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị doanh nghiệp	79
4.2.1. Dưới góc độ kế toán tài chính	79

4.2.2. Dưới góc độ kế toán quản trị	84
4.3. Kiến nghị	91
4.3.1. Kiến nghị với Nhà nước	91
4.3.2. Kiến nghị đối với doanh nghiệp	92
KẾT LUẬN	95

vi

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	97
PHỤ LỤC	98

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Từ đầy đủ
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
CCDC	Công cụ dụng cụ
CP NVLTT	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
CP NCTT	Chi phí nhân công trực tiếp
CP SXC	Chi phí sản xuất chung
CPSX	Chi phí sản xuất
DD	Dở dang
GĐ	Giám đốc
GTGT	Giá trị gia tăng
HTK	Hàng tồn kho
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
PGĐ	Phó Giám đốc
QTCP	Quản trị chi phí
QTSX	Quy trình sản xuất
SP	Sản phẩm
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TK	Tài khoản
TSCĐ	Tài sản cố định

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

	Quy trình sản xuất sản phẩm của Công ty
Sơ đồ 3.1:	Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty
Sơ đồ 3.2:	Trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty
Sơ đồ 3.3:	Bảng tổng hợp CPSX của đơn hàng Bending JIG
Bảng 3.1:	Bảng đề xuất tiêu thức phân bổ theo hoạt động
Bảng 4.1:	Bảng đề xuất phân loại chi phí sản xuất tại Công ty
Bảng 4.2:	Bảng đề xuất các báo cáo kiểm soát chi phí nguyên vật
Bảng 4.3:	liệu chủ yếu tại Công ty
Bảng 4.4:	Bảng đề xuất các báo cáo kiểm soát chi phí nhân công
	chủ yếu tại Công ty
Bảng 4.5:	Bảng đề xuất các báo cáo kiểm soát chi phí sản xuất
	chung chủ yếu tại Công ty
Bảng 4.6:	

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

1.1. Lí do chọn đề tài

Trong những năm gần đây, với sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước cùng với xu hướng hội nhập, các mô hình tập đoàn sản xuất kinh doanh, các công ty ngày càng nhiều tạo ra sự cạnh tranh quyết liệt giữa các công ty, không chỉ dừng lại ở trong nước mà còn cả tầm quốc tế. Với bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt, các doanh nghiệp luôn quan tâm đến việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu vào để tối thiểu hóa chi phí sản xuất kinh doanh, tối đa hóa lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu này, các nhà quản trị doanh nghiệp cần được cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin kinh tế, tài chính thông qua các công cụ đặc lực là kế toán.

Quá trình sản xuất kinh doanh trong bất kỳ doanh nghiệp nào cũng là một quá trình kết hợp và tiêu hao các yếu tố đầu vào để tạo ra sản phẩm. Tổng hợp toàn bộ các hao phí mà doanh nghiệp bỏ ra liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ đó là chi phí sản xuất. Để doanh nghiệp có thể tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường thì hoạt động sản xuất kinh doanh ít nhất phải bù đắp được chi phí sản xuất. Do đó, trong quá trình SXKD của mình, các doanh nghiệp cần phải hạch toán chi phí đầu vào một cách hợp lý, tìm ra các biện pháp tốt nhất để giảm chi phí không cần thiết nhằm tránh gây lãng phí.

Việc hạch toán chi phí sản xuất chính xác sẽ giúp doanh nghiệp chủ động kiểm soát chi phí sản xuất, làm tốt công tác tính giá thành sản phẩm. Đặc biệt, trong xu thế hội nhập với khu vực và thế giới, các doanh nghiệp Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều thách thức lớn, vì thế họ phải không ngừng nâng cao chất lượng, hạ giá thành nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh, chiếm thị phần lớn, làm tăng doanh thu. Như vậy, kế toán chi phí sản

xuất và tính giá thành sản phẩm là một phần hành trọng tâm trong toàn bộ công tác kế toán của các DN sản xuất.

Từ việc cung cấp thông tin đúng về CPSX, chi phí hoạt động, giá thành sản phẩm giúp các nhà quản trị có các quyết định trong ngắn hạn và dài hạn. Đồng thời, các nhà quản trị còn đánh giá được việc thực hiện kế hoạch sản xuất để từ đó nâng cao hiệu quả sản xuất, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề, tác giả đã chọn đề tài “Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty TNHH SH Tech Vina” để nghiên cứu cho luận văn của mình với mong muốn tìm ra những giải pháp hữu ích góp phần vào công việc đổi mới phương thức quản lý của Công ty TNHH SH Tech Vina.

1.2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Nền kinh tế những năm gần đây đang trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, đặc biệt hệ thống doanh nghiệp có nhiều thay đổi về hình thức sở hữu, phương pháp huy động bổ sung vốn, cũng như phương pháp phân tích đánh giá doanh nghiệp nhất là về kinh tế tài chính. Chính vì vậy, để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp sản xuất và tính giá thành sản phẩm tốt nhất với chi phí nhỏ nhất. Thời gian qua có rất nhiều tác giả quan tâm thông qua các công trình nghiên cứu chuyên sâu về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm các công trình khoa học, luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, luận văn đại học,... nghiên cứu về phân tích báo cáo tài chính của các tập đoàn, công ty, cụ thể như:

Luận văn thạc sĩ “Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm may mặc tại Công ty CP May II Hải Dương” (Nguyễn Ngọc Anh, 2015) đã hệ thống những lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản

phẩm trong doanh nghiệp sản xuất và vận dụng những lý luận đó vào thực tiễn để tìm hiểu và đánh giá thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm may mặc tại Công ty CP May II Hải Dương, từ đó, tìm ra giải pháp phù hợp để hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty. Tuy vậy, đề tài này chỉ nghiên cứu về công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm mà không nghiên cứu về mục đích quản trị.

Luận văn thạc sỹ “Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành phục vụ quản trị doanh nghiệp tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Z179” (Kim Thị Hiền, 2017) đã nghiên cứu kỹ lưỡng thực trạng về kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất nhằm hoàn thiện phương pháp hạch toán kế toán CPSX và cải thiện phương pháp tính giá thành cũng như xử lý sản phẩm sản xuất dở dang.

Luận văn thạc sỹ “Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty CP Xây dựng Phục Hưng 8” (Nguyễn Xuân Thanh, 2017) đã cụ thể hóa những vấn đề lý luận trở thành thực tiễn về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm từ cả hai khía cạnh kế toán tài chính và kế toán quản trị. Trên cơ sở phân tích thực trạng và dẫn dắt đến những ưu điểm, bất cập còn tồn tại, tác giả đã đề xuất các biện pháp hoàn thiện kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại doanh nghiệp này.

Ngoài ra có rất nhiều đề tài nghiên cứu, luận văn thạc sỹ, tiến sỹ của các tác giả đã nghiên cứu về vấn đề kế toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; hoặc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; hoặc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại một đơn vị kinh doanh cụ thể. Và trong đề tài luận văn của mình, tác giả đã nêu ra những ưu điểm, hạn chế để khắc phục và hoàn thiện vấn đề nghiên cứu. Về phía Công ty TNHH SH Tech Vina, một doanh nghiệp

mới, còn lúng túng trong công tác kế toán và quản trị nói chung và phân hành chi phí nói riêng, vì vậy đề tài tác giả lựa chọn không có sự trùng lặp và tính khai thác cao.

1.3. Mục tiêu nghiên cứu

- Nghiên cứu lý thuyết: Luận văn hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản, làm rõ bản chất, vai trò và nội dung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành trong doanh nghiệp sản xuất.
- Nghiên cứu đánh giá thực trạng: Luận văn nghiên cứu thực tế, đánh giá thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty TNHH SH Tech Vina để tìm ra những vấn đề còn hạn chế, qua đó đề xuất giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty TNHH SH Tech Vina dưới góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị.

1.4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Luận văn tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm về lý thuyết và thực tiễn tại Công ty TNHH SH Tech Vina.
- Phạm vi nghiên cứu: Các đơn đặt hàng Công ty đã thiết kế hoàn chỉnh và tiến hành sản xuất.

1.5. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện luận văn, tác giả đã sử dụng phối hợp nhiều phương pháp khác nhau bao gồm:

- Phương pháp quan sát:

Việc quan sát được tiến hành thường xuyên, liên tục từ khi khảo sát, làm

đề tài và kết thúc đề tài. Quan sát trực tiếp tại văn phòng và phân xưởng sản xuất tại Công ty TNHH SH Tech Vina.

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu:

Các dữ liệu thực tế được thu thập gồm: chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo kế toán liên quan đến kế toán chi phí sản xuất tại Công ty TNHH SH Tech Vina. Nguồn thông tin thứ cấp được thu thập từ các tài liệu kế toán, thông tin nội bộ của Công ty TNHH SH Tech Vina, các công trình khoa học đã thực hiện trước đó, qua sách, tạp chí kế toán, qua internet,... Nguồn dữ liệu sơ cấp thu thập thông tin dựa trên số liệu đã có sẵn của Công ty TNHH SH Tech Vina.

Đây là cơ sở đưa ra một số vấn đề lý luận về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, từ đó nêu ra thực trạng tại Công ty để đưa ra giải pháp. Phương pháp này được sử dụng trong quá trình làm luận văn với nội dung và nghiên cứu khái quát đặc điểm tổ chức quản lý và tổ chức kế toán nói chung, mà cụ thể là tìm hiểu về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành. Kết quả phương pháp nghiên cứu tài liệu thể hiện xuyên suốt quá trình làm bài với tài liệu tham khảo thể hiện qua phụ lục và tài liệu tham khảo.

- Phương pháp phân tích và xử lý dữ liệu:

Tác giả đã thu thập các dữ liệu, phân loại, sắp xếp và tổng hợp dữ liệu để làm rõ nội dung nghiên cứu mà đề tài đặt ra.

Phương pháp này có nội dung dựa trên các thông tin thu thập được tại các công ty, từ đó nêu lên thực trạng và giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty TNHH SH Tech Vina.

1.6. Những đóng góp mới của luận văn

Luận văn những hệ thống hóa những vấn đề cơ bản của kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp gia công, sản xuất, phân tích thực trạng kế toán chi phí sản xuất tại Công ty TNHH SH Tech Vina; hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành dưới góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty bao gồm cách phân loại chi phí sản xuất để phục vụ cung cấp thông tin cho quản

trị doanh nghiệp, kiểm soát chi phí sản xuất và phân tích xử lý thông tin kế toán quản trị chi phí sản xuất phục vụ cho việc ra quyết định và xây dựng lập báo cáo bộ phận.

1.7. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu, phụ lục, danh mục bảng biểu, sơ đồ, danh mục hình vẽ, danh mục các chữ viết tắt, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận văn bao gồm bốn chương:

Chương 1: Giới thiệu về đề tài nghiên cứu.

Chương 2: Cơ sở lý luận về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.

Chương 3: Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH SH Tech Vina.

Chương 4: Một số giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty TNHH SH Tech Vina.

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

2.1. Khái niệm chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

2.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất

Chi phí là một trong những mối quan tâm hàng đầu của các nhà quản trị vì lợi nhuận thu được nhiều hay ít chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi những chi phí đầu vào, chi phí còn được xem là một trong những tiêu chí để đánh giá hiệu quả quản lý. Nói một cách chung nhất, chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp đã bỏ ra có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ nhất định.

Quá trình SXKD là quá trình mà doanh nghiệp phải thường xuyên đầu tư các loại chi phí khác nhau để cùng đạt được mục đích là tạo ra khối lượng sản phẩm, lao vụ hoặc khối lượng công việc phù hợp với nhiệm vụ sản xuất đã xác định và thực hiện. Thực chất, hoạt động SXKD của doanh nghiệp là sự vận động, kết hợp, tiêu dùng và chuyển đổi giữa các yếu tố tư liệu lao động, đối tượng lao động và sức lao động để tạo ra kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất. Như vậy, chi phí hoạt động của doanh nghiệp phát sinh trong tất cả các giai đoạn sản xuất, tuy nhiên chỉ các chi phí phát sinh trong giai đoạn biến đổi các yếu tố đầu vào để trở thành các sản phẩm, lao vụ, dịch vụ mới được gọi là chi phí sản xuất. Chi phí sản xuất có thể được định nghĩa theo nhiều phương diện khác nhau.

Theo VAS 01 và IAS 01 “Chuẩn mực chung”, “Chi phí là các yếu tố làm giảm các lợi ích kinh tế của doanh nghiệp trong kỳ, dưới hình thức các khoản tiền chi ra hoặc giảm tài sản hoặc làm phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm

giảm nguồn vốn chủ sở hữu nhưng không bao gồm khoản phân phối cho các cổ đông hoặc chủ sở hữu”. Với định nghĩa này, chi phí được xem xét theo

từng kỳ kế toán và là các khoản mục trong báo cáo tài chính. Theo cách đó thì chi phí được ghi nhận, phản ánh theo những nguyên tắc nhất định. Định nghĩa chi phí như vậy phù hợp khi đứng trên góc độ của đối tượng sử dụng thông tin kế toán tài chính, chủ yếu là đối tượng bên ngoài doanh nghiệp.

Vậy, để tiến hành hoạt động SXKD, các doanh nghiệp phải huy động, sử dụng các nguồn lực như lao động, vật tư, tiền vốn,... để tạo ra sản phẩm hay hoàn thành công việc, lao vụ của mình. Những chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để tiến hành sản xuất sản phẩm, hoàn thành công việc, lao vụ đó được gọi là chi phí sản xuất. Chi phí SXKD của các doanh nghiệp phát sinh thường xuyên trong suốt quá trình tồn tại và hoạt động của doanh nghiệp. Nhưng để phục vụ cho nhu cầu quản lý chi phí sản xuất kinh doanh phải được tập hợp theo từng thời kỳ: tháng, quý, năm.

Trên góc độ kế toán tài chính

Chi phí sản xuất hay chi phí chế tạo sản phẩm là toàn bộ các khoản chi phí liên quan tới việc sản xuất, chế tạo sản phẩm phát sinh trong quá trình sản xuất. Toàn bộ các chi phí này được tính vào giá thành sản phẩm. Chỉ những chi phí dùng để tiến hành các hoạt động sản xuất mới được coi là chi phí sản xuất và là bộ phận quan trọng trong chi phí SXKD của doanh nghiệp. Chi phí sản xuất gồm nhiều khoản mục khác nhau, thông thường gồm: CP nguyên vật liệu trực tiếp, CP nhân công trực tiếp, CP sản xuất chung.

Trên góc độ kế toán quản trị

Chi phí có thể là dòng phí tổn thực tế gắn liền với hoạt động hàng ngày khi doanh nghiệp thực hiện kiểm tra, ra quyết định, chi phí cũng có thể là dòng phí tổn ước tính để thực hiện dự án, những phí tổn mất đi do chọn lựa phương án, hy sinh cơ hội kinh doanh. Như vậy, chi phí có thể đã thực tế phát sinh,

cũng có thể chưa phát sinh mà mới chỉ ước tính; có thể là những cơ hội bị mất đi do chúng ta đã lựa chọn một cơ hội khác. Chi phí không phải gắn

liên với một kỳ cụ thể nào mà nó được xem xét gắn liền với các phương án, cơ hội kinh doanh gắn liền với một quyết định cụ thể mà nhà quản trị phải đưa ra. Chi phí là các hy sinh về các lợi ích kinh tế, phản ánh các nguồn lực mà đơn vị sử dụng để cung cấp các sản phẩm, dịch vụ.

Xét về mặt bản chất thì chi phí sản xuất là sự chuyển dịch vốn vào đối tượng tính giá nhất định, vốn này được doanh nghiệp bỏ ra trong quá trình sản xuất. Xuất phát từ mục đích và nguyên tắc kinh doanh thì mọi sản phẩm tạo ra luôn được doanh nghiệp quan tâm đến hiệu quả mang lại.

Với cơ chế hội nhập và phát triển như hiện nay, mỗi doanh nghiệp đều có đối thủ cạnh tranh. Do đó, trước khi lựa chọn sản xuất bất kỳ một loại sản phẩm nào đòi hỏi các doanh nghiệp cần phải nắm bắt được nhu cầu thị trường, giá cả thị trường và điều tất yếu phải xác định đúng đắn mức chi phí sản xuất, tiêu hao sản phẩm mà doanh nghiệp phải đầu tư. Trong đó, kế toán CPSX với tư cách là một bộ phận của hệ thống kế toán doanh nghiệp, nó đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin về chi phí sản xuất phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và giúp cho nhà quản trị thực hiện việc hoạch định, kiểm soát và ra quyết định. Chính vì vậy, các doanh nghiệp sản xuất nói chung và Công ty TNHH SH Tech Vina đang ngày càng chú trọng đến việc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất nhằm kiểm soát chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, tối đa hóa lợi nhuận.

Trong điều kiện hoạt động theo cơ chế thị trường cùng với chất lượng sản phẩm, giá thành sản phẩm luôn là vấn đề được quan tâm hàng đầu của các nhà sản xuất. Phân đầu hạ được giá thành sản phẩm và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và thu nhập của người lao động, đảm bảo sự tồn tại và phát triển của một doanh nghiệp. Vì vậy, xác định đúng đối tượng hạch toán CPSX là công việc khởi đầu có ý nghĩa quan trọng.

Các thông tin chi phí chính xác sẽ đảm bảo kết quả tính toán chi phí, từ đó sẽ có các quyết định phù hợp về chiến lược SXKD cho doanh nghiệp. Thông tin chi phí thường được lấy từ các dữ liệu kế toán. Như vậy, để đạt yêu cầu chính xác, doanh nghiệp cần một hệ thống kiểm tra kế toán nội bộ chặt chẽ. Hệ thống này là một tập hợp các chính sách và quy trình hoạt động xử lý các dữ liệu tài chính nhằm mục đích tránh những sai lầm.

Các thông tin quản trị chi phí phải được cung cấp đầy đủ và đúng lúc cho yêu cầu giúp nhà quản trị xây dựng được các quyết định chính xác. Chậm trễ trong việc cung cấp thông tin này có thể đưa đến sự lãng phí rất lớn trong sản xuất. Cung cấp thông tin kịp thời giúp hạn chế được sự lãng phí, nhằm giảm thiểu chi phí cho doanh nghiệp trong quá trình hoạt động.

2.1.2. Khái niệm giá thành sản phẩm sản xuất

Quá trình sản xuất ở một doanh nghiệp không chỉ đơn thuần xét đến yếu tố chi phí mà còn tính đến yếu tố giá thành. Chi tiết hơn, quá trình sản xuất ở một doanh nghiệp phải bỏ ra những chi phí sản xuất, mặt khác kết quả sản xuất doanh nghiệp thu được là một lượng sản phẩm, công việc nhất định đã hoàn thành đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội. Những sản phẩm, công việc đã hoàn thành gọi chung là thành phẩm, cần được tính giá thành, tức những chi phí bỏ ra để sản xuất chúng.

Giá thành sản phẩm là những CPSX gắn liền với một kết quả sản xuất nhất định, biểu hiện mối liên hệ tương quan giữa hai đại lượng: chi phí sản xuất bỏ ra và kết quả sản xuất đạt được. Tuy nhiên, không phải có CPSX phát sinh thì xác định ngay được giá thành, mà giá thành là chi phí đã kết tinh trong một kết quả sản xuất được các định theo những tiêu chuẩn nhất định.

Hiệu một cách chung nhất, giá thành là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh chất lượng hoạt động SXKD, quản lý tài chính và kết quả sử dụng các loại tài sản, vật tư, nhân lực, tiền vốn trong quá trình sản xuất cũng như giải

pháp kinh tế - kỹ thuật mà doanh nghiệp đã thực hiện nhằm đạt được mục đích sản xuất ra khối lượng sản phẩm nhiều nhất với CPSX tiết kiệm nhất.

Giá thành vừa mang tính khách quan, vừa mang tính chủ quan trong một phạm vi nhất định, do đó phải xem xét giá thành trên nhiều góc độ khác nhau nhằm sử dụng dụng chỉ tiêu giá thành có hiệu quả nhất. Giá thành là toàn bộ biểu hiện bằng tiền của các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa kết tinh trong một đơn vị sản phẩm, mang tính khách quan về sự di chuyển giá trị tư liệu sản xuất, sức lao động trong mỗi sản phẩm.

Mặt khác, giá thành là một đại lượng tính toán trên cơ sở chi phí sản xuất đã bỏ ra và kết quả sản xuất đã được trong kỳ nên nó là một chỉ tiêu được xác định theo những tiêu chuẩn nhất định. Ngoài ra, giá thành sản phẩm còn là căn cứ để tính toán xác định hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2.1.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có mối liên hệ mật thiết với nhau, chúng giống nhau về chất nhưng khác nhau về lượng. Khi tiến hành hoạt động sản xuất, doanh nghiệp phải bỏ ra các chi phí về vật tư, lao động, máy móc, thiết bị và các chi phí khác, các yếu tố đó tập hợp lại được gọi là CPSX. Sau một thời gian nhất định, các yếu tố đó tạo thành một sản phẩm hoàn chỉnh. Kết quả của một quá trình sử dụng các yếu tố sản xuất thể hiện ở chỉ tiêu giá thành sản phẩm. Do vậy, cả chi phí và giá thành sản phẩm là hai mặt thống nhất của quá trình hoàn thành sản phẩm. Chúng bao gồm các chi phí về lao động sống và lao động vật hóa kết tinh trong sản phẩm. Tuy nhiên, giữa chi phí và giá thành sản phẩm có sự khác nhau về quy mô giá trị, phạm

vi tập hợp. Điều	Giá thành =	sản phẩm
đó được thể hiện	CPSX dở dang +	đầu kỳ
qua công thức sau:	CPSX	
	phát sinh	trong kỳ

CPSX dở dang

cuối kỳ

Khi giá trị sản phẩm sản xuất dở dang đầu kỳ và cuối kỳ bằng nhau hoặc khi không có sản phẩm dở dang thì tổng giá thành sản phẩm bằng tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ.

2.1.4. Nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

Trong các doanh nghiệp sản xuất, để sản xuất ra một mặt hàng, một sản phẩm bao gồm rất nhiều loại chi phí khác nhau, mỗi loại có một nội dung, tính chất kinh tế cũng như mục đích, công dụng khác nhau. Việc quản lý chi phí sản xuất không thể dựa vào số liệu cụ thể của từng loại chi phí riêng biệt, chi phí sản xuất của doanh nghiệp phải được tập hợp và tính toán theo từng thời kỳ nhất định, phù hợp với thực tế có thể là tháng, quý hoặc năm.

Trong các doanh nghiệp sản xuất nói chung và Công ty TNHH SH Tech Vina nói riêng, việc thực hiện công tác kế toán chi phí sản xuất một cách khoa học, hợp lý và đúng đắn có ý nghĩa rất lớn trong việc lập kế hoạch điều hành, tổ chức thực hiện và quản lý chi phí, giá thành, cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần tăng cường quản lý tài sản, vật tư, lao động, tiền vốn một cách tiết kiệm, có hiệu quả. Đó là một trong những điều kiện quan trọng, tạo cho doanh nghiệp một ưu thế cạnh tranh. Bên cạnh đó, kế toán chi phí sản xuất còn là công cụ quản lý quan trọng, hữu hiệu về chi phí sản xuất, kiểm soát chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, tối đa hóa lợi nhuận.

Để tổ chức tốt kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm đáp ứng đầy đủ trung thực và kịp thời yêu cầu quản lý chi phí sản xuất và giá thành của doanh nghiệp, kế toán cần thực hiện được các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Xác định đúng đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và phương pháp tính giá thành sản phẩm thích hợp. Tổ chức vận dụng các tài

khoản kế toán để hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phù hợp với phương pháp kế toán hàng tồn kho.

- Tổ chức tập hợp, kết chuyển hoặc phân bổ từng loại chi phí sản xuất theo đúng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất đã xác định và bằng phương pháp thích hợp đã chọn, cung cấp kịp thời những số liệu thông tin tổng hợp về các khoản mục chi phí và yếu tố chi phí đã quy định, xác định đúng đắn trị giá sản phẩm dở dang cuối kỳ.

- Vận dụng phương pháp tính giá thành thích hợp để tính toán giá thành và giá thành đơn vị của các đối tượng tính giá thành theo đúng khoản mục quy định và đúng kỳ tính giá thành sản phẩm đã xác định.

- Định kỳ cung cấp các báo cáo về chi phí sản xuất và giá thành cho các cấp quản lý doanh nghiệp, tiến hành phân tích tình hình thực hiện các định mức và dự toán chi phí phân tích tình hình thực hiện giá thành và kế hoạch hạ giá thành sản phẩm. Phát hiện các hạn chế và khả năng tiềm tàng, đề xuất các biện pháp để giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

Để phù hợp với yêu cầu quản lý, kiểm tra, chi phí sản xuất cần phải được phân loại chi phí sản xuất một cách khoa học không những có ý nghĩa quan trọng đối với hạch toán mà còn là tiền đề rất quan trọng của kế hoạch hóa. Kiểm tra và phân tích chi phí sản xuất của toàn doanh nghiệp, thúc đẩy doanh nghiệp không ngừng tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm, phát huy hơn nữa vai trò của công tác hạch toán kế toán đối với sự phát triển của doanh nghiệp.

2.2. Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm dưới góc độ kế toán tài chính

2.2.1. Phân loại chi phí sản xuất

Đối với các nhà quản lý, chi phí là mối quan tâm hàng đầu vì nó có ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận. Do đó, vấn đề đặt ra là làm sao kiểm soát được chi phí. Việc nhận diện và hiểu biết cách phân loại của từng loại chi phí là

điều mấu chốt để có thể quản lý chi phí, từ đó đưa ra những quyết định đúng đắn trong quá trình tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh của nhà quản trị.

Chi phí sản xuất do nhiều yếu tố cấu thành, mỗi yếu tố tác động vào quá trình sản xuất theo phương diện khác nhau. Do vậy, CPSX bao gồm nhiều loại chi phí có đặc điểm, nội dung, công dụng khác nhau, đòi hỏi yêu cầu và cách thức quản lý thích hợp. Để phục vụ cho yêu cầu của nhà quản trị trong việc phân tích, đánh giá chi phí, kiểm soát và quản trị chi phí một cách tốt nhất, cần thiết phải phân loại chi phí. Tùy theo đặc điểm của chi phí, mục đích, yêu cầu quản trị, chi phí được phân loại theo nhiều tiêu thức khác nhau.

Mục tiêu quản trị chi phí là lập kế hoạch và tính chính xác giá thành, khống chế và thống nhất các loại chi phí, nhằm nghiên cứu các yếu tố phát sinh trong quá trình hình thành giá thành sản phẩm, yêu cầu khách quan đặt ra là phải phân loại chi phí thành từng nhóm riêng theo từng tiêu thức nhất định. Trên cơ sở đó, phân tích tình hình biến động của từng loại chi phí, tìm ra những nhân tố ảnh hưởng đến sự biến động đó để đưa ra những biện pháp quản lý hữu hiệu nhất.

Phân loại chi phí sản xuất là việc sắp xếp những chi phí sản xuất vào từng loại, từng nhóm khác nhau theo những tiêu thức nhất định. Việc hạch toán chi phí theo từng tiêu thức sẽ nâng cao tính chi tiết của thông tin, là cơ sở cho việc phân đấu hạ chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng và tăng cường hạch toán kế toán trong các đơn vị sản xuất.

Phân loại chi phí theo nội dung, tính chất kinh tế của chi phí

Đặc điểm của cách phân loại này là căn cứ vào nội dung, tính chất kinh tế của chi phí, các chi phí giống nhau được xếp vào một yếu tố, không phân biệt chi phí đó phát sinh trong lĩnh vực hoạt động nào, bao gồm:

- Yếu tố nguyên liệu, vật liệu: bao gồm toàn bộ giá trị nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, phụ tùng thay thế, công cụ, dụng cụ sử dụng vào sản xuất

kinh doanh, loại trừ giá trị dùng không hết nhập kho và phế liệu thu hồi cùng với nhiên liệu, động lực.

- Yếu tố nhiên liệu: là động lực sử dụng vào quá trình sản xuất kinh doanh trong kỳ, trừ giá trị dùng không hết nhập kho và phế liệu thu hồi.
- Yếu tố tiền lương và các khoản trích theo lương: phản ánh tổng số tiền lương và phụ cấp mang tính chất lương phải trả cho công nhân viên, các khoản trích theo lương như BHXH, BHYT, KPCĐ.
- Yếu tố khấu hao tài sản cố định: phản ánh tổng số khấu hao tài sản cố định phải trích trong kỳ của tất cả các tài sản cố định sử dụng cho sản xuất kinh doanh trong kỳ.
- Yếu tố chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh toàn bộ chi phí dịch vụ mua ngoài dùng cho sản xuất kinh doanh.
- Chi phí bằng tiền khác: là quá trình hoạt động, đơn vị phải chi những loại chi phí như lập dự toán chi phí sản xuất, lập kế hoạch cung ứng vật tư, kế hoạch quỹ tiền lương, tính toán như cầu vốn lưu động định mức. Đối với kế toán, đó là cơ sở cho việc hạch toán lập báo cáo chi phí theo khoản mục, phân tích, kiểm tra chi phí theo khoản mục.

Cách phân loại này thể hiện thành phẩm ban đầu của chi phí bỏ vào sản xuất, tỷ trọng từng loại chi phí trong tổng số làm cơ sở cho việc kiểm tra tình hình thực hiện dự toán chi phí, lập kế hoạch cung ứng vật tư, tính nhu cầu vốn và thuyết minh báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Đồng thời, phục vụ cho việc lập các cân đối chung (lao động, vật tư, tiền vốn,...). Tuy nhiên, cách phân loại này không cho biết tỉ lệ chi phí sản xuất sản phẩm trên tổng chi phí của doanh nghiệp.

Phân loại chi phí theo mục đích, công dụng chi phí và quản lý giá thành

Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất được xếp thành một số khoản mục nhất định có công dụng kinh tế khác nhau để phục vụ cho nhu cầu tính giá thành, bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: bao gồm toàn bộ giá trị vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu được sử dụng trực tiếp cho sản xuất sản phẩm, dịch vụ; là chi phí của những loại nguyên vật liệu cấu thành thực thể của sản phẩm, có thể xác định một cách tách biệt, rõ ràng, cụ thể cho từng sản phẩm.
- Chi phí nhân công trực tiếp: bao gồm toàn bộ chi phí liên quan đến bộ phận lao động trực tiếp sản xuất sản phẩm như chi phí tiền lương chính, tiền lương phụ, các khoản trích theo lương và các khoản phải trả khác được tính vào chi phí theo quy định.
- Chi phí sản xuất chung: là chi phí phục vụ và quản lý sản xuất gắn liền với từng phân xưởng sản xuất, là những chi phí cần thiết khác để sản xuất ra sản phẩm ngoài CPNVLTT và CPNCTT bao gồm tất cả những chi phí vật liệu, khấu hao TSCĐ sử dụng cho sản xuất, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí quản lý phục vụ chung ở phạm vi phân xưởng.

Đối với các doanh nghiệp sản xuất ra nhiều loại sản phẩm thì chi phí sản xuất còn có thể được hạch toán theo từng khoản mục chi phí cho từng sản phẩm. Cách phân loại này là cơ sở để doanh nghiệp quản lý chi phí theo định mức, tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo khoản mục. Ngoài ra, đây căn cứ để phân tích tình hình thực hiện kế hoạch và xây dựng định mức chi phí sản xuất cho kỳ sau.

Cách phân loại này có ý nghĩa lớn trong việc tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất thực tế ở các doanh nghiệp, tìm ra nguyên nhân làm thay đổi giá

thành so với định mức và có thể đề ra các biện pháp hạ giá thành sản phẩm, giúp doanh nghiệp hoạt động hiệu quả hơn.

Phân loại chi phí theo mối quan hệ với khối lượng sản phẩm hoàn thành

Đây là phương pháp phân loại chi phí được sử dụng nhiều trong kế toán quản trị chi phí sản xuất. Mỗi yếu tố chi phí tham gia vào quá trình sản xuất với mức độ khác nhau, có yếu tố chủ yếu chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất sản phẩm, có yếu tố không chủ yếu chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng chi phí sản xuất đó. Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất được chia thành:

- Chi phí biến đổi là những chi phí có sự thay đổi về lượng tương quan tỷ lệ thuận với sự thay đổi của khối lượng SP sản xuất trong kỳ. CP biến đổi cho một đơn vị sản phẩm lại không đổi như CP nhân công, CP nguyên vật liệu,...)
- Chi phí cố định là những chi phí không biến đổi khi mức độ hoạt động thay đổi, nhưng khi tính cho một đơn vị hoạt động thì chi phí này lại thay đổi như chi phí thuê nhà xưởng, lương của ban quản lý.
- Chi phí hỗn hợp là những chi phí gồm các yếu tố của chi phí cố định và chi phí biến đổi. Trong một giới hạn nhất định nó là chi phí cố định nhưng vượt qua giới hạn đó nó trở thành chi phí biến đổi (như CP điện thoại, fax,...)

Việc phân loại chi phí theo tiêu thức này có ý nghĩa quan trọng trong quá trình quản lý chi phí sản xuất tại doanh nghiệp, là cơ sở thiết kế và xây dựng mô hình chi phí trong mối quan hệ giữa chi phí - khối lượng - lợi nhuận, dùng để phân tích điểm hòa vốn và đưa ra các quyết định quan trọng trong kinh doanh. Ngoài ra, cách phân loại này còn giúp các nhà quản trị xác định đúng đắn phương hướng sử dụng và nâng cao hiệu quả của các loại chi phí.

Phân loại chi phí sản xuất theo tiêu thức này giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp dễ dàng thiết kế, xây dựng các mô hình chi phí trong mối quan

hệ giữa chi phí - khối lượng hoạt động và lợi nhuận, xác định điểm hòa vốn, giảm thấp các chi phí không cần thiết vì mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận theo đúng hướng phát triển của doanh nghiệp, đặc biệt là với việc ra các quyết định ngắn hạn.

Phân loại chi phí theo chức năng trong sản xuất kinh doanh

Theo chức năng hoạt động trong quá trình sản xuất kinh doanh và chi phí liên quan đến việc thực hiện các chức năng thì chi phí sản xuất bao gồm:

- Chi phí thực hiện chức năng sản xuất: gồm nhưng chi phí phát sinh liên quan đến việc thực hiện các hoạt động, dịch vụ hay chế tạo sản phẩm trong phạm vi phân xưởng.
- Chi phí thực hiện chức năng tiêu thụ: gồm tất cả những chi phí phát sinh liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa.
- Chi phí thực hiện chức năng quản lý: gồm các chi phí quản lý kinh doanh hành chính và những chi phí chung phát sinh liên quan đến hoạt động của toàn doanh nghiệp.

Cách phân loại này có ý nghĩa quan trọng đối với việc xác định phương hướng, biện pháp quản lý chi phí để phấn đấu hạ thấp chi phí và hạ giá thành sản phẩm. Để quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm có hiệu quả, ngoài việc quản lý chi phí về mặt lượng, ta cần nắm được tỷ trọng giữa các khoản chi để có các biện pháp điều chỉnh hợp lý.

Trong thực tế, mỗi loại hình sản xuất khác nhau thì cơ cấu chi phí sản xuất cũng khác nhau về số lượng, khoản mục và tỷ trọng của chúng, thậm chí cả các doanh nghiệp cùng loại, do điều kiện sản xuất khác nhau nên kết cấu chi phí cũng khác nhau. Qua việc phân loại chi phí sản xuất theo các tiêu thức khác nhau ở trên, ta có thể biết căn cứ nội dung và tính chất của chi phí, tác dụng của mỗi loại trong quá trình tạo ra sản phẩm, mức độ, phạm vi quan hệ của mỗi loại chi phí quá trình sản xuất.

2.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm sản xuất

Việc phân loại giá thành sẽ giúp cho kế toán phân tích được những biến động của giá thành và chiều hướng của chúng để có phương pháp thích hợp nhằm hạ giá thành sản phẩm. Có hai cách phân loại giá thành chủ yếu sau:

Phân loại giá thành theo thời gian và cơ sở số liệu tính giá thành

- Giá thành kế hoạch: là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở CPSX kế hoạch và sản lượng kế hoạch. Việc tính giá thành kế hoạch do bộ phận kế hoạch của doanh nghiệp thực hiện và được tiến hành trước khi bắt đầu quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm, giá thành kế hoạch là mục tiêu phấn đấu của doanh nghiệp, là căn cứ để so sánh, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hạ giá thành của doanh nghiệp.

- Giá định mức: là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở các định mức chi phí hiện hành và tính cho đơn vị sản phẩm. Việc tính giá thành định mức cũng được tiến hành trước khi tiến hành sản xuất, chế tạo sản phẩm. Giá thành định mức là công cụ quản lý định mức của doanh nghiệp, là thước đo chính xác để xác định kết quả sử dụng tài sản, vật tư, lao động trong sản xuất giúp đánh giá đúng đắn các giải pháp kinh tế kỹ thuật mà doanh nghiệp đã thực hiện trong quá trình hoạt động sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Giá thành thực tế: là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở số liệu chi phí sản xuất thực tế phát sinh và tập hợp được trong kỳ cũng như sản lượng sản phẩm thực tế đã sản xuất trong kỳ. Giá thành thực tế chỉ có thể tính toán được sau khi kết thúc quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm. Giá thành thực tế là một chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh kết quả của việc quản lý và sử dụng lao động, vật tư, tài sản để tạo ra sản phẩm, đồng thời là cơ sở để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Phân loại giá thành theo phạm vi phát sinh chi phí

- Giá thành sản xuất (giá thành công xưởng) phản ánh tất cả những chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, chế tạo sản phẩm trong phạm vi phân xưởng bao gồm CPNVLT, CPNCTT và CPSXC.

- Giá thành toàn bộ (giá thành tiêu thụ) là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành} & & \text{Giá thành sản} & & \text{Chi phí quản lý} & & \text{Chi phí bán} \\ \text{toàn bộ SP} = & & \text{xuất tính cho} & + & \text{doanh nghiệp tính} & + & \text{hàng tính cho} \\ \text{tiêu thụ} & & \text{SP tiêu thụ} & & \text{cho SP tiêu thụ} & & \text{SP tiêu thụ} \end{array}$$

2.2.3 Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

2.2.3.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất

Việc xác định đối tượng hạch toán CPSX là khâu đầu tiên và quan trọng của tổ chức hạch toán quá trình sản xuất. Từ khâu thu thập ban đầu, tổng hợp số liệu, tổ chức tài khoản kế toán, sổ chi tiết đều phải theo đúng đối tượng tập hợp CPSX đã xác định. Xác định đúng đối tượng hạch toán CPSX phù hợp với đặc điểm tình hình hoạt động sản xuất, đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất và yêu cầu quản lý CPSX của doanh nghiệp mới giúp cho việc tổ chức tốt công việc kế toán chi phí sản xuất.

Đối tượng tập hợp CPSX là phạm vi, giới hạn nhất định để tập hợp chi phí sản xuất. Sản phẩm của doanh nghiệp được sản xuất, chế tạo ở nhiều bộ phận khác nhau, theo quy trình công nghệ khác nhau. Để xác định đúng đối tượng tập hợp CPSX cần phải căn cứ vào đặc điểm cụ thể của từng doanh nghiệp để xác định đối tượng tập hợp CPSX riêng cho từng doanh nghiệp.

Căn cứ để xác định đối tượng là: đặc điểm tổ chức SXKD của doanh nghiệp; quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp; địa điểm phát sinh của chi phí, mục đích, công dụng của chi phí trong SXKD; yêu cầu, trình độ quản lý của doanh nghiệp cũng như yêu cầu tính giá thành.

Trên cơ sở đó, đối tượng hạch toán chi phí có thể là: hạch toán theo từng phân xưởng, bộ phận, tổ đội sản xuất hay toàn doanh nghiệp; từng giai đoạn công nghệ hay toàn bộ quy trình công nghệ; từng sản phẩm, đơn đặt hàng, hạng mục công trình; từng nhóm sản phẩm, chi tiết hay bộ phận sản phẩm.

Việc tập hợp CPSX theo đúng đối tượng có tác dụng tăng cường quản lý sản xuất, quản lý chi phí, tăng cường quản lý nội bộ, phục vụ công tác tính giá

thành sản phẩm chính xác. Thực chất, việc xác định đối tượng hạch toán là xác định nơi phát sinh chi phí và đối tượng chịu chi phí.

2.2.3.2. Đối tượng và kỳ tính giá thành sản phẩm

Mục đích của quá trình sản xuất là tạo ra sản phẩm, dịch vụ đáp ứng nhu cầu của xã hội. Sau quá trình sản xuất, để có cơ sở xác định hiệu quả của sản xuất cần phải xác định được giá thành sản phẩm, dịch vụ. Vì vậy, đối tượng tính giá thành là các sản phẩm, dịch vụ do doanh nghiệp tạo ra, cần phải xác định được giá thành và giá thành đơn vị. Tùy theo đặc điểm của sản xuất, tính chất của sản phẩm, đặc điểm của quá trình công nghệ, cũng như yêu cầu của trình độ hạch toán kinh tế và quản lí của doanh nghiệp, đối tượng tính giá thành sẽ khác nhau.

Về mặt sản xuất:

Nếu sản xuất đơn chiếc thì đối tượng tính giá thành là từng sản phẩm, dịch vụ hoàn thành. Nếu sản xuất hàng loạt thì đối tượng tính giá thành là từng sản phẩm. Nếu tổ chức sản xuất hàng loạt sản phẩm khác nhau thì đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm.

Về mặt quy trình công nghệ:

Nếu quy trình công nghệ giản đơn thì đối tượng tính giá thành chỉ có thể là sản phẩm hoàn thành ở cuối quy trình công nghệ đó. Nếu quy trình công nghệ sản xuất phức tạp, liên tục (phân bước) thì đối tượng tính giá thành có thể là thành phẩm ở giai đoạn cuối, cũng có thể là nửa thành phẩm ở từng giai đoạn và thành phẩm ở giai đoạn cuối cùng. Nếu quy trình công nghệ sản xuất phức tạp kiểu song song thì đối tượng tính giá thành có thể bao gồm cả chi tiết, phụ tùng lắp ráp, bộ phận sản xuất hay thành phẩm.

Ngoài ra cũng cần xem xét chu kỳ sản xuất, yêu cầu trình độ quản lý của doanh nghiệp để xác định đối tượng tính giá thành cho phù hợp.

Kỳ tính giá thành là thời kỳ mà bộ phận kế toán giá thành cần thiết tiến hành công việc tính giá thành cho các đối tượng tính giá thành. Xác định kỳ tính giá thành cho từng đối tượng tính giá thành thích hợp sẽ giúp cho tổ chức công việc tính giá thành sản phẩm khoa học, hợp lý, đảm bảo cung cấp số liệu thông tin về giá thành thực tế được kịp thời, đầy đủ, phát huy được vai trò kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch giá thành, đáp ứng yêu cầu quản lý nội bộ của doanh nghiệp. Kỳ tính giá thành có thể là tháng, hay năm tùy thuộc đặc điểm tổ chức sản xuất và chu kỳ sản xuất để xác định cho thích hợp.

2.2.4. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất

Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất là cách thức mà kế toán sử dụng để tập hợp, phân loại các khoản chi phí sản xuất phát sinh trong một kỳ theo các đối tượng tập hợp chi phí đã xác định. Thông thường tại các doanh nghiệp hiện nay có hai phương pháp tập hợp chi phí như sau:

2.2.4.1. Phương pháp tập hợp chi phí trực tiếp

Phương pháp này được sử dụng để tập hợp các loại chi phí có liên quan trực tiếp đến các đối tượng tập hợp chi phí đã xác định, tức là đối với các loại chi phí phát sinh liên quan đến đối tượng nào có thể xác định được trực tiếp cho đối tượng đó, chi phí phát sinh liên quan đến từng đối tượng tập hợp chi phí cụ thể đã xác định sẽ được tập hợp và quy nạp trực tiếp cho đối tượng đó.

Phương pháp này đòi hỏi phải tổ chức việc ghi chép ban đầu theo đúng đối tượng. Trên cơ sở đó kế toán tập hợp số liệu theo từng đối tượng liên quan và ghi trực tiếp vào sổ kế toán theo đúng đối tượng. Phương pháp này đảm bảo việc hạch toán chi phí sản xuất chính xác.

2.2.4.2. Phương pháp tập hợp chi phí gián tiếp

Là phương pháp áp dụng khi chi phí sản xuất phát sinh liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí sản xuất mà không thể tập hợp trực tiếp các chi phí này cho từng đối tượng.

Theo phương pháp này, các chi phí sản xuất phát sinh kế toán phải tiến hành tập hợp chung cho các chi phí có liên quan đến nhiều đối tượng theo địa điểm phát sinh chi phí hoặc nội dung chi phí...Sau đó lựa chọn các tiêu chuẩn hợp lý và tiến hành phân bổ các chi phí đó cho từng đối tượng liên quan. Việc phân bổ chi phí cho từng đối tượng thường được tiến hành theo hai bước sau:

Bước 1: Xác định hệ số phân bổ (H):

$$H = \text{tổng chi phí cần phân bổ} / \text{Tổng tiêu thức phân bổ}$$

Bước 2: Xác định chi phí cần phân bổ cho từng đối tượng tập hợp cụ thể: CP phân bổ cho từng đối tượng = H x Tiêu thức phân bổ cho từng đối tượng Việc xác định tiêu chuẩn phân bổ chi phí có thể được xác định chung riêng rẽ theo từng nội dung chi phí cần phân bổ, khi đó cũng phải xác định hệ số phân bổ theo từng nội dung chi phí này hoặc cũng có thể xác định chung cho tất cả các chi phí cần phân bổ. Việc xác định tiêu chuẩn phân bổ tùy thuộc vào đặc thù của từng doanh nghiệp.

Việc tập hợp CPSX được tiến hành theo các bước cụ thể sau:

Bước 1: Mở sổ hạch toán chi tiết chi phí sản xuất theo từng đối tượng tập hợp chi phí. Sổ được mở riêng cho từng TK 621, 622, 627, 154, 631, 142, 242... Căn cứ vào các sổ chi tiết các tài khoản, các chứng từ gốc, các bảng phân bổ,... để ghi vào sổ.

Bước 2: Tập hợp các chi phí phát sinh trong kỳ có liên quan cho từng đối tượng hạch toán.

Bước 3: Tổng hợp toàn bộ chi phí phát sinh. Lập thẻ tính giá thành sản phẩm theo từng loại.

2.2.5. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất

Nguyên tắc kế toán chi phí sản xuất

Công tác quản lý cũng như công tác kế toán đều tuân thủ theo một số nguyên tắc nhất định. Các nguyên tắc này ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Cụ thể:

- Nguyên tắc giá phí: Tất cả các nguyên vật liệu tại doanh nghiệp đều được tính theo giá thực tế của nguyên vật liệu bỏ ra.
- Nguyên tắc nhất quán: Các chính sách và phương pháp kế toán tại doanh nghiệp đã được áp dụng cho một kỳ kế toán năm. Bên cạnh đó, các chi phí đều được áp dụng thống nhất trong quá trình hạch toán.
- Nguyên tắc thận trọng: Việc ghi nhận chi phí sản xuất tại doanh nghiệp phải phù hợp với tình hình thực tế phát sinh.

2.2.5.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp gồm giá trị nguyên liệu, vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu,...được xuất dùng trực tiếp cho sản xuất sản phẩm. Đối với những vật liệu khi xuất dùng có liên quan trực tiếp đến đối tượng tập hợp chi phí riêng biệt (phân xưởng, bộ phận sản xuất hoặc sản phẩm, loại sản phẩm, lao vụ,...) thì hạch toán trực tiếp cho đối tượng đó. Trường hợp vật liệu xuất dùng có liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí, không thể tổ chức hạch toán riêng được thì phải áp dụng phương pháp phân bổ gián tiếp để phân bổ chi phí cho các đối tượng có liên quan.

$$\begin{aligned} \text{Chi phí NVL phân bổ} &= \frac{\text{Tổng tiêu thức phân bổ}}{\text{Tỷ lệ phân bổ}} \\ \text{cho từng đối tượng} & \quad \text{của từng đối tượng} \\ \text{Tỷ lệ phân bổ} &= \frac{\text{Tổng chi phí vật liệu cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của tất cả các đối tượng}} \end{aligned}$$

Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp sử dụng TK 621 “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”. (Phụ lục 01)

2.2.5.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp là toàn bộ tiền lương chính, lương phụ, phụ cấp mang tính chất lương mà doanh nghiệp phải trả cho người lao động trực tiếp sản xuất sản phẩm, thực hiện các dịch vụ. Ngoài ra còn bao gồm cả các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo lương công nhân sản xuất mà doanh nghiệp phải chịu.

Giống như CPNVLT, CPNCTT thường là các khoản chi phí trực tiếp nên nó được tập hợp trực tiếp vào các đối tượng tập hợp chi phí liên quan. Trường hợp không tập hợp trực tiếp được thì chi phí nhân công trực tiếp cũng được tập hợp chung sau đó kế toán sẽ phân bổ cho từng đối tượng theo một tiêu chuẩn phân bổ hợp lý. Các tiêu chuẩn thường được sử dụng để phân bổ chi phí nhân công trực tiếp là: chi phí tiền lương định mức (hoặc kế hoạch), giờ công định mức, giờ công thực tế, khối lượng sản phẩm sản xuất ra...

Chi phí nhân công trực tiếp: tổ chức tập hợp chi phí theo đối tượng chịu chi phí có liên quan (sản phẩm, đơn đặt hàng...). Trường hợp chi phí nhân công trực tiếp liên quan đến nhiều đối tượng mà không hạch toán trực tiếp thì có thể tập hợp chung, sau đó lựa chọn tiêu thức thích hợp để phân bổ cho các đối tượng chịu chi phí có liên quan.

Kế toán chi phí nhân công trực tiếp sử dụng tài khoản 622 “Chi phí nhân công trực tiếp” (Phụ lục 02).

2.2.5.3. Kế toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung chi chi phí phục vụ và quản lý ở phân xưởng sản xuất. Chi phí sản xuất chung được tổ chức theo dõi riêng theo từng phân xưởng và cuối mỗi kỳ mới phân bổ và kết chuyển vào chi phí sản xuất của các loại sản phẩm. Tùy theo loại sản phẩm được sản xuất ở phân xưởng mà kế toán tiến

hành phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng loại sản phẩm theo tiêu thức phân bổ phù hợp.

Kế toán chi phí sản xuất chung sử dụng tài khoản 627 “Chi phí sản xuất chung” (Phụ lục 03), đồng thời phải theo dõi chi tiết chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi để phục vụ cho việc phân bổ chi phí xuất vào giá thành sản phẩm.

2.2.5.4. Tổng hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp

Cuối kỳ, trên cơ sở các khoản CP NVLTT, CP NCTT và CP SXC đã được kết chuyển, kế toán tổng hợp CPSX phát sinh trong kỳ, đồng thời đánh giá SPDD của kỳ để làm căn cứ tính giá thành sản phẩm hoàn thành.

Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm hoàn thành sử dụng tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” (Phụ lục 04).

2.2.5.5. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ

Sản phẩm dở dang là sản phẩm chưa hoàn thành trên dây chuyền sản xuất hay ở các phân xưởng sản xuất. Đánh giá giá trị sản phẩm dở dang là sử dụng các công cụ kế toán để xác định giá trị SPDD cuối kỳ tương ứng với số lượng sản phẩm dở dang. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ tương ứng với số lượng sản phẩm dở dang. Đánh giá sản phẩm dở dang là công việc cần phải được thực hiện trước khi xác định giá thành sản phẩm. CPSX phát sinh trong kỳ liên quan đến sản phẩm hoàn thành và sản phẩm dở dang. Việc đánh giá một cách hợp lý CPSX liên quan đến sản phẩm dở dang có ý nghĩa rất quan trọng trong việc xác định chính xác giá thành sản phẩm.

Để đánh giá sản phẩm dở dang, doanh nghiệp có thể sử dụng một trong các phương pháp khác nhau tùy thuộc vào loại hình sản xuất và đặc điểm sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp.

Phương pháp tính theo chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc chi phí nguyên vật liệu trực tiếp)

Phương pháp này áp dụng phù hợp với những doanh nghiệp mà chi phí nguyên vật liệu chính chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm.

Đặc điểm của phương pháp này là chỉ tính cho sản phẩm dở dang khoản chi phí nguyên vật liệu chính, các chi phí khác được tính cho sản phẩm hoàn thành trong kỳ. Nguyên vật liệu chính được xuất dùng toàn bộ ngay từ đầu quá trình sản xuất và mức tiêu hao về nguyên vật liệu chính tính cho sản phẩm hoàn thành và sản phẩm dở dang là như nhau. Công thức tính theo

phương pháp này như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{CPSX của} & & \text{CPSX của} & & \text{Chi phí NVLTT phát} & & \text{Số lượng} \\ & & & & + & & \\ \text{SPDD} & = & \text{SPDD đầu kỳ} & & \text{sinh và phân bổ trong kỳ} & \times & \text{SPDD} \\ \text{cuối kỳ} & & \frac{\text{SL SP hoàn thành} + \text{SL SPDD cuối kỳ}}{\text{SL SP hoàn thành} + \text{SL SPDD cuối kỳ}} & & & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Phương pháp tính theo ước lượng sản phẩm hoàn thành tương đương

Đánh giá sản phẩm dở dang theo phương pháp ước lượng sản phẩm hoàn thành tương đương với mức độ hoàn thành thực tế và gắn liền với tất cả các khoản mục cấu thành giá thành sản phẩm. Để áp dụng phương pháp này, doanh nghiệp phải có phương pháp khoa học trong việc xác định mức độ hoàn thành của sản phẩm dở dang và mức tiêu hao của từng khoản mục chi phí trong quá trình sản xuất sản phẩm.

Trong chi phí sản xuất dở dang tính theo phương pháp này bao gồm đầy đủ các khoản mục chi phí, từng khoản mục được xác định trên cơ sở quy đổi, sản phẩm dở dang thành sản phẩm hoàn thành theo mức độ hoàn thành thực tế. Công thức tính theo phương pháp này như sau:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Số lượng sản phẩm} & = & \text{Số lượng sản phẩm} & \times & \text{Tỷ lệ} \\ \text{quy đổi} & & \text{dở dang} & & \text{hoàn thành} \end{array}$$

Khi áp dụng phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo sản lượng tương đương hoàn thành, kế toán thực hiện theo trình tự như sau:

- Đối với chi phí bỏ vào một lần ngay từ đầu quy trình sản xuất: chi phí NVLTT thì tính cho sản phẩm dở dang và sản phẩm hoàn thành là như nhau.

- Đối với chi phí bỏ dần vào quá trình sản xuất: chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung thì tính theo công thức như sau:

$$\text{CPSX của SPDD cuối kì} = \text{CPSX của SPDD đầu kì} + \frac{\text{CPSX phát sinh và phân bổ trong kì}}{\text{SLSP hoàn thành} + \text{SLSP quy đổi}} \times \text{Số lượng SP quy đổi}$$

Phương pháp tính theo chi phí sản xuất định mức

Theo phương pháp này, căn cứ vào định mức các loại chi phí cho thành phẩm, nửa thành phẩm và sản phẩm dở dang để tính ra giá trị sản phẩm dở dang. Phương pháp này đơn giản nhưng kém chính xác, chỉ áp dụng đối với các doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống định mức tiên tiến chính xác.

2.2.6. Phương pháp tính giá thành sản phẩm

2.2.6.1. Phương pháp giản đơn (phương pháp trực tiếp)

Phương pháp này chủ yếu áp dụng cho những doanh nghiệp QTSX giản đơn, đối tượng hạch toán CPSX và đối tượng tính giá thành phù hợp với nhau. Ngoài ra, phương pháp này còn áp dụng cho những doanh nghiệp có QTSX phức tạp nhưng sản xuất khối lượng lớn và ít loại SP hoặc để tính toán giá thành của những công việc, kết quả trong từng giai đoạn sản xuất nhất định.

$$\begin{array}{ccccccccc} \text{Tổng giá} & & \text{CPSX của} & & \text{CPSX} & & \text{CPSX của} & & \text{CPSX của} \\ \text{thành thực} & = & \text{SPDD đầu} & + & \text{phát sinh} & - & \text{SPDD} & - & \\ \text{tế của SP} & & \text{kì} & & \text{trong kì} & & \text{cuối kì} & & \text{SP hỏng} \\ & & & & & & & & \\ \text{Giá thành đơn vị} & & & & & & \text{Tổng giá thành thực tế} & & \\ & & & & & & & & \\ & & \text{thực tế} & = & \frac{\text{Số lượng sản phẩm thực tế nhập kho}}{\text{}} \end{array}$$

2.2.6.2. Phương pháp hệ số

Phương pháp này được áp dụng khi trong cùng một quy trình sản xuất tạo ra nhiều loại sản phẩm chính và giữa chúng có hệ số quy đổi (quy đổi thành sản phẩm chuẩn, sản phẩm có hệ số là 1 được xem là sản phẩm chuẩn).

Đặc điểm tổ chức kế toán của phương pháp này là đối tượng hạch toán CPSX là nhóm sản phẩm, còn đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm.

Công thức tính theo phương pháp này như sau:

$$\begin{aligned} & \text{Tỷ lệ tính giá thành} && \text{Tổng chi phí sản xuất thực tế} \\ & \text{(theo từng khoản mục)} && \frac{\text{Số lượng sản phẩm thực tế nhập kho}}{\text{Tiêu chuẩn phân bổ giá thành}} \times 100\% \\ & \text{Giá thành thực tế của} &= & \text{Tiêu chuẩn phân bổ giá thành} \times \text{Tỷ lệ tính} \\ & \text{từng quy cách sản phẩm} && \text{của từng quy cách sản phẩm} && \text{giá thành} \end{aligned}$$

2.2.6.3. Phương pháp phân bước

Phương pháp này chủ yếu được áp dụng cho những doanh nghiệp sản xuất phức tạp kiểu chế biến liên tục, quy trình công nghệ chia thành nhiều giai đoạn nối tiếp nhau theo một trình tự nhất định. Có thể chia ra hai phương pháp nhỏ sau:

- Phương pháp kết chuyển song song (không tính giá thành bán thành phẩm mà chỉ tính giá thành sản phẩm hoàn chỉnh).

Phương pháp này áp dụng cho những doanh nghiệp có quy trình sản xuất qua nhiều giai đoạn chế biến liên tục để tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh, đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là từng giai đoạn công nghệ, còn đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành.

Công thức cho phương pháp này như sau:

$$\begin{aligned} Z_{sp} = & \text{CPSX giai đoạn 1 nằm} && \text{CPSX giai đoạn 2 nằm} \\ & \text{trong thành phẩm} &+ & \text{trong thành phẩm} &+ \dots \end{aligned}$$

- Phương pháp kết chuyển tuần tự (có tính giá thành bán thành phẩm ở từng giai đoạn sản xuất trước khi tính giá thành sản phẩm hoàn thành):

Phương pháp này áp dụng cho những doanh nghiệp có QTSX phức tạp qua nhiều giai đoạn chế biến và có yêu cầu tính giá thành bán thành phẩm ở mỗi giai đoạn. Đối tượng hạch toán CPSX là từng giai đoạn sản xuất, còn đối

tượng tính giá thành là các bán thành phẩm ở từng giai đoạn và sản phẩm hoàn chỉnh ở giai đoạn cuối cùng.

2.2.6.4. Phương pháp đơn đặt hàng

Phương pháp này chủ yếu được áp dụng cho những xí nghiệp sản xuất đơn chiếc hoặc sản xuất hàng loạt nhỏ, công việc sản xuất thường được tiến hành căn cứ vào các đơn đặt hàng của người mua. Đơn đặt hàng có thể chỉ là một sản phẩm riêng biệt hoặc một số sản phẩm cùng loại. Từng đơn đặt hàng là đối tượng hạch toán CPSX và cũng là đối tượng tính giá thành. Giá thành của từng đơn đặt hàng là toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh kể từ lúc bắt đầu thực hiện cho đến lúc hoàn thành, hay giao sản phẩm cho khách hàng.

2.2.6.5. Phương pháp định mức

Phương pháp này được áp dụng khi các doanh nghiệp có hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật hoàn chỉnh, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh đồng thời có hệ thống hạch toán được thiết kế tương ứng có khả năng cung cấp và phân tích thông tin nhanh nhạy, đảm bảo được độ tin cậy cần thiết. Đây là phương pháp tính giá thành dựa vào các định mức tiêu hao về vật tư, lao động, các dự toán về chi phí phục vụ sản xuất và quản lý, khoản chênh lệch do những thay đổi định mức cũng như chênh lệch trong quá trình thực hiện so với định mức. Theo phương pháp này thì giá thành thực tế của sản

phẩm được xác định như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng giá} & & \text{Tổng giá} & & \text{Chênh lệch do} & & \text{Chênh lệch do} \\ & & & & \text{thay đổi định} & & \text{thoát li định} \\ & & = & \text{mức} & \pm & & \pm \\ \text{thành thực tế} & & & & & & \\ & & & & & & \\ & & & \text{mức} & & \text{mức} & \text{mức} \end{array}$$

Chênh lệch do thay đổi định mức sẽ được xử lý vào đầu kỳ kế toán nên giá thành thực tế có sự khác biệt so với giá thành định mức là do việc thực hiện định mức trong kỳ kế toán.

Đầu kỳ, căn cứ vào các định mức tiêu hao của từng khoản mục để xác định giá thành định mức và phản ánh vào các tài khoản có liên quan theo định mức tiêu hao đã được xác định theo lượng sản phẩm đã được sản xuất.

Trong kỳ, khi thực hiện có thể có những khoản mục vượt định mức hoặc có thể tiết kiệm so với định mức. Để theo dõi chênh lệch, kế toán có thể mở các tài khoản chi tiết để ghi chép số vượt định mức hoặc tiết kiệm. Các tài khoản chi tiết này được mở riêng cho từng tài khoản 621, 622, 627 và cuối kỳ cũng được kết chuyển sang tài khoản 154 để xác định tổng CPSX vượt hoặc tiết kiệm so với định mức và phục vụ cho việc xác định giá thành thực tế sản phẩm hoàn thành.

2.3. Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm sản xuất dưới góc độ kế toán quản trị

Các nhà quản trị trong doanh nghiệp phải thực hiện các chức năng: lập kế hoạch, kiểm soát và đánh giá hiệu quả. Để thực hiện các chức năng này, các nhà quản trị doanh nghiệp cần được cung cấp thông tin về chi phí và giá thành theo từng bộ phận, từng loại sản phẩm và theo từng trách nhiệm được phân quyền. Cụ thể:

Để lập kế hoạch, các nhà quản trị cần có các thông tin về định mức chi phí bao gồm chi phí biến đổi và chi phí cố định. Dựa trên cơ sở khối lượng hoạt động, mỗi bộ phận sẽ phân tích chi phí để lập dự toán cho các hoạt động của bộ phận. Các dự toán được lập thường bao gồm: dự toán bán hàng, dự toán sản xuất, dự toán mua vật liệu, dự toán chi phí nhân công, dự toán CPSXC, dự toán tiền,... Phạm vi lập dự toán thường theo các trung tâm trách nhiệm hoặc các bộ phận trong doanh nghiệp. Kỳ lập dự toán thường theo năm, hoặc theo quý, tháng. Dự toán được lập là cơ sở để kiểm soát các hoạt động trong doanh

nghiệp và là thước đo đánh giá hiệu quả hoạt động của các bộ phận trong doanh nghiệp. Các thông tin chi phí cần thiết để lập dự toán

bao gồm thông tin về số lượng sản phẩm sản xuất, khối lượng hoạt động mỗi loại, định mức chi phí cho mỗi hoạt động,...

Chức năng kiểm soát hoạt động là chức năng đảm bảo cho các hoạt động của doanh nghiệp được thực hiện theo đúng kế hoạch như dự toán nhằm đạt được mục tiêu đã đặt ra. Trong quá trình thực hiện dự toán, các nhà quản trị cần phải được cung cấp thông tin thực hiện để so sánh với dự toán và có các điều chỉnh kịp thời để đảm bảo đạt được mục tiêu đã đặt ra. Các thông tin chi phí được sử dụng để kiểm soát chủ yếu là các thông tin về kết quả hoạt động thực tế tương ứng với các thông tin chi phí dự toán.

Đánh giá là chức năng cuối cùng của nhà quản trị. Mục đích của đánh giá là để chỉ ra những hoạt động hiệu quả và chưa hiệu quả. Đối với những hoạt động hiệu quả, doanh nghiệp có chính sách khen thưởng phù hợp sẽ khuyến khích và tạo động lực để các nhà quản trị bộ phận hoạt động hiệu quả hơn. Ngược lại, với những hoạt động chưa hiệu quả, doanh nghiệp cần tìm nguyên nhân để có biện pháp cải thiện nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trong tương lai. Thông qua đánh giá, các hoạt động của doanh nghiệp sẽ ngày càng hiệu quả cao. Việc đánh giá này được thực hiện bằng cách so sánh số liệu thực tế với dự toán và phân tích chênh lệch để tìm nguyên nhân của các chênh lệch bất lợi. Để thực hiện chức năng này, bộ phận kế toán phải cung cấp cho các nhà quản trị các báo cáo hoạt động trên đó phản ánh các số liệu thực tế, dự đoán cũng như các chênh lệch có lợi và bất lợi.

Báo cáo kế toán quản trị kết quả đầu ra của công tác kế toán quản trị chi phí, là loại báo cáo kế toán phản ánh một cách chi tiết, cụ thể tình hình CP của doanh nghiệp theo yêu cầu quản lý của các cấp quản trị khác nhau trong doanh nghiệp để ra các quyết định quản lý kinh doanh. Hệ thống báo cáo kế toán quản trị CP của một doanh nghiệp thường bao gồm các loại báo cáo sau:

Báo cáo dự toán phục vụ cho chức năng lập kế hoạch: Báo cáo dự toán là rất cần thiết cho tất cả các doanh nghiệp. Báo cáo dự toán là một kế hoạch hành động, nó lượng hóa các mục đích của tổ chức theo các mục tiêu về tài chính và hoạt động của doanh nghiệp. Cùng với chức năng hệ thống hóa việc lập kế hoạch, các thông tin trên báo cáo dự toán cũng đưa ra những tiêu chuẩn cho việc đánh giá kết quả hoạt động, hoàn thiện sự truyền tải thông tin và sự hợp tác trong nội bộ tổ chức.

Các báo cáo dự toán còn hữu dụng với các nhà quản lý trong quá trình ra quyết định tài trợ và điều hành. Loại báo cáo này thường bao gồm: báo cáo dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, báo cáo dự toán chi phí nhân công trực tiếp báo cáo dự toán chi phí sản xuất chung, báo cáo dự toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp,... Các báo cáo này được lập theo từng bộ phận sản xuất, từng loại sản phẩm,...

Báo cáo phục vụ cho quá trình kiểm tra, đánh giá báo cáo kiểm soát chi phí và ra quyết định: Các báo cáo này được lập nhằm kiểm tra tình hình thực hiện chi phí, dự toán chi phí, đánh giá kết quả thực hiện của từng đơn vị nội bộ trong doanh nghiệp. Báo cáo này có thể lập theo nhiều phương pháp khác nhau, cho nhiều đối tượng và phạm vi khác nhau, tùy theo yêu cầu quản lý cụ thể của từng doanh nghiệp mà xây dựng loại báo cáo này cho phù hợp.

2.3.1. Phân loại chi phí

2.3.1.1. Theo mối quan hệ với quy trình sản xuất

Chi phí sản xuất

Giai đoạn sản xuất là giai đoạn chế biến nguyên vật liệu thành thành phẩm bằng sức lao động của công nhân kết hợp với việc sử dụng máy móc

thiết bị. Chi phí sản xuất bao gồm ba khoản mục: chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp: bao gồm các loại nguyên vật liệu xuất dùng trực tiếp cho việc chế tạo sản phẩm. Trong đó, nguyên vật liệu chính dùng để cấu tạo nên thực thể chính của sản phẩm và các loại vật liệu phụ khác có tác dụng kết hợp với nguyên vật liệu chính để hoàn chỉnh sản phẩm về mặt chất lượng và hình dáng.

- Chi phí nhân công trực tiếp: bao gồm tiền lương phải trả cho bộ phận công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm và những khoản trích theo lương của họ được tính vào chi phí. Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận công nhân phục vụ hoạt động chung của bộ phận sản xuất hoặc nhân viên quản lý các bộ phận sản xuất thì không bao gồm trong khoản mục chi phí này mà được tính là một phần của khoản mục chi phí sản xuất chung.

- Chi phí sản xuất chung: là các chi phí phát sinh trong phạm vi các phân xưởng để phục vụ hoặc quản lý quá trình sản xuất sản phẩm. Khoản mục chi phí này bao gồm: chi phí vật liệu phục vụ quá trình sản xuất hoặc quản lý sản xuất, tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý phân xưởng, chi phí khấu hao, sửa chữa và bảo trì máy móc thiết bị, nhà xưởng, chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ sản xuất và quản lý ở phân xưởng, v.v..

Chi phí ngoài sản xuất

Đây là các chi phí phát sinh ngoài quá trình sản xuất sản phẩm liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm hoặc phục vụ công tác quản lý chung toàn doanh nghiệp. Thuộc loại chi phí này gồm có hai khoản mục chi phí: Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí bán hàng: bao gồm các chi phí phát sinh phục vụ cho tiêu thụ sản phẩm như chi phí vận chuyển, bốc dỡ thành phẩm giao cho khách

hàng, chi phí bao bì, khấu hao các phương tiện vận chuyển, tiền lương nhân viên bán hàng, hoa hồng bán hàng, chi phí tiếp thị quảng cáo, ...

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: bao gồm tất cả các chi phí phục vụ cho công tác tổ chức và quản lý quá trình sản xuất kinh doanh nói chung trên giác độ toàn doanh nghiệp. Khoản mục này bao gồm các chi phí như: chi phí văn phòng, tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý doanh nghiệp, khấu hao TSCĐ của doanh nghiệp, chi phí dịch vụ mua ngoài khác, ...

2.3.1.2. Theo hình thái biến đổi của chi phí

Chi phí biến đổi: là các chi phí có sự thay đổi tỉ lệ với các mức độ hoạt động. Chi phí biến đổi chỉ phát sinh khi có các hoạt động xảy ra. Tổng số chi phí biến đổi sẽ tăng (hoặc giảm) tương ứng với sự tăng (hoặc giảm) của mức độ hoạt động, nhưng chi phí biến đổi tính theo đơn vị của mức độ hoạt động thì không thay đổi.

Trong các doanh nghiệp sản xuất, các khoản mục chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp thể hiện rõ nhất đặc trưng của chi phí biến đổi. Ngoài ra, chi phí biến đổi còn bao gồm các chi phí khác thuộc khoản mục chi phí sản xuất chung (ví dụ: các chi phí vật liệu phụ, chi phí động lực, chi phí lao động gián tiếp trong chi phí sản xuất chung có thể là chi phí biến đổi) hoặc thuộc khoản mục chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp (như chi phí vật liệu, phí hoa hồng, phí vận chuyển,...)

Chi phí cố định: là những chi phí không có sự thay đổi theo các mức độ hoạt động đạt được. Vì tổng số chi phí cố định là không đổi, cho nên, khi mức độ hoạt động tăng thì chi phí cố định tính theo đơn vị các mức độ hoạt động sẽ giảm và ngược lại. Trong các doanh nghiệp sản xuất, các loại chi phí cố định thường gặp là chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí tiền lương nhân viên quản lý, chi phí quảng cáo,... Xét ở khía cạnh quản lý, chi phí cố định được chia thành hai loại: chi phí cố định bắt buộc và chi phí cố định không bắt buộc.

Chi phí hỗn hợp: là những chi phí mà cấu thành nên nó bao gồm cả yếu tố chi phí biến đổi và chi phí cố định. Ở một mức độ hoạt động cụ thể nào đó,

chi phí hỗn hợp mang đặc điểm của chi phí cố định, và khi mức độ hoạt động tăng lên, chi phí hỗn hợp sẽ biến đổi như đặc điểm của chi phí biến đổi. Hiểu theo một cách khác, phần cố định trong chi phí hỗn hợp thường là bộ phận chi phí cơ bản để duy trì các hoạt động ở mức độ tối thiểu, còn phần biến đổi là bộ phận chi phí sẽ phát sinh tỉ lệ với mức độ hoạt động tăng thêm.

2.3.1.3. Phân loại chi phí trong kiểm tra và ra quyết định

Để phục vụ cho việc kiểm tra và ra quyết định trong quản lý, chi phí của DN còn được xem xét ở nhiều khía cạnh khác phục vụ cho việc phân tích, so sánh để ra quyết định lựa chọn phương án tối ưu trong các tình huống.

Chi phí kiểm soát được và chi phí không kiểm soát được: Khoản chi phí mà ở một cấp quản lý nào đó có quyền ra quyết định để chi phối nó thì được gọi là chi phí kiểm soát được (ở cấp quản lý đó), nếu ngược lại thì là chi phí không kiểm soát được. Xem xét chi phí ở khía cạnh kiểm soát có ý nghĩa lớn trong phân tích chi phí và ra các quyết định xử lý, góp phần thực hiện tốt kế toán trách nhiệm trong doanh nghiệp.

Chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp: Trong các doanh nghiệp sản xuất, các khoản chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất sản phẩm hoặc thực hiện các đơn đặt hàng nên có thể tính trực tiếp cho từng loại sản phẩm hay từng đơn đặt hàng thì được gọi là chi phí trực tiếp. Ngược lại, các khoản chi phí phát sinh cho mục đích phục vụ và quản lý chung, liên quan đến việc sản xuất và tiêu thụ nhiều loại sản phẩm, nhiều đơn đặt hàng cần tiến hành phân bổ cho các đối tượng sử dụng chi phí theo các tiêu thức phân bổ được gọi là chi phí gián tiếp. Thông thường, khoản mục CPNVLT và CPNCTT là các khoản mục chi phí trực tiếp, còn các khoản mục CPSXC, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí gián tiếp.

Chi phí chìm: được hiểu là khoản chi phí đã bỏ ra trong quá khứ và sẽ
hiển hiện ở tất cả mọi phương án với giá trị như nhau. Hiểu một cách khác,

chi phí chìm được xem như là khoản chi phí không thể tránh được cho dù người quản lý quyết định lựa chọn thực hiện theo phương án nào. Chính vì vậy, chi phí chìm là loại chi phí không thích hợp cho việc xem xét, ra quyết định của người quản lý. Tuy nhiên, trong thực tế, việc nhận diện được chi phí chìm cũng như sự nhận thức rằng chi phí chìm cần được loại bỏ trong tiến trình ra quyết định không phải lúc nào cũng dễ dàng.

Chi phí chênh lệch: cũng chỉ xuất hiện khi so sánh chi phí gắn liền với các phương án trong quyết định lựa chọn phương án tối ưu. Chi phí chênh lệch được hiểu là phần giá trị khác nhau của các loại chi phí của một phương án so với một phương án khác. Có hai dạng chi phí chênh lệch: giá trị của những chi phí chỉ phát sinh ở phương án này mà không có ở phương án khác, hoặc là phần chênh lệch về giá trị của cùng một loại chi phí ở các phương án khác nhau. Người quản lý đưa ra các quyết định lựa chọn các phương án trên cơ sở phân tích bộ phận chi phí chênh lệch này nên chi phí chênh lệch là dạng thông tin thích hợp cho việc ra quyết định.

Chi phí cơ hội: là những thu nhập tiềm tàng bị mất đi khi lựa chọn thực hiện phương án này thay cho phương án khác. Chi phí cơ hội là một yếu tố đòi hỏi luôn phải được tính đến trong mọi quyết định của quản lý. Để đảm bảo chất lượng của các quyết định, việc hình dung và dự đoán tất cả các phương án hành động có thể liên quan đến tình huống cần ra quyết định là quan trọng hàng đầu. Có như vậy, phương án hành động được lựa chọn mới thực sự là tốt nhất khi so sánh với các khoản lợi ích mất đi của tất cả các phương án bị loại bỏ khác.

2.3.2. Đối tượng hạch toán chi phí

Để phục vụ lập kế hoạch, kiểm soát, đánh giá và ra quyết định, đối tượng hạch toán chi phí trong doanh nghiệp có thể hạch toán theo từng giai đoạn công nghệ hay toàn bộ quy trình công nghệ; từng sản phẩm, đơn đặt hàng,

hạng mục công trình; từng nhóm sản phẩm, chi tiết hay bộ phận sản phẩm như kế toán tài chính.

Ngoài ra, với mục đích nêu trên, đối tượng hạch toán chi phí còn bao gồm theo từng bộ phận như dây chuyền sản xuất, phân xưởng sản xuất, bộ phận, từng phòng ban,...

2.3.3. Xây dựng định mức chi phí

Định mức chi phí là cơ sở để doanh nghiệp lập dự toán hoạt động vì muốn lập dự toán chi phí NVL phải có định mức NVL, chi phí nhân công phải có định mức số giờ công.

Đồng thời, định mức chi phí giúp cho các nhà quản lý kiểm soát hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp vì chi phí định mức là tiêu chuẩn, cơ sở để đánh giá, cũng như góp phần thông tin kịp thời cho các nhà quản lý ra quyết định hàng ngày như định giá bán sản phẩm, chấp nhận hay từ chối một đơn đặt hàng, phân tích khả năng sinh lời. Hơn nữa, định mức chi phí còn gắn liền trách nhiệm của công nhân với việc sử dụng nguyên liệu sao cho tiết kiệm.

2.3.3.1. Nguyên tắc xây dựng định mức chi phí chuẩn

Dù quá trình xây dựng định mức tiêu chuẩn ở bất kỳ khía cạnh nào đó là một công việc mang tính định tính hơn là định lượng. Nó kết hợp giữa suy nghĩ với tài năng chuyên môn của tất cả những người có trách nhiệm với giá và chất lượng sản phẩm. Do đó, phải xem xét một cách nghiêm túc toàn bộ kết quả đã đạt được. Từ đó, kết hợp với những thay đổi về điều kiện kinh tế, đặc điểm giữa cung và cầu và kỹ thuật để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

2.3.3.2. Phương pháp xác định chi phí định mức

Phương pháp kỹ thuật: Phương pháp này đòi hỏi sự kết hợp của các chuyên gia kỹ thuật để nghiên cứu thời gian thao tác công việc nhằm mục đích xác định lượng nguyên vật liệu và lao động hao phí cần thiết để sản xuất

sản phẩm trong điều kiện công nghệ, khả năng quản lý và nguồn nhân lực hiện có tại doanh nghiệp.

Phương pháp phân tích số liệu lịch sử: Xem lại giá thành đạt được ở các kỳ trước như thế nào. Tuy nhiên phải xem xét lại kỳ này có gì thay đổi và phải xem xét những chi phí phát sinh các kỳ trước đã phù hợp chưa, nếu không hợp lý hợp lệ thì nên bỏ hay xây dựng lại.

Phương pháp điều chỉnh: Điều chỉnh chi phí định mức cho phù hợp với điều kiện hoạt động trong tương lai của doanh nghiệp.

2.3.3.3. *Xây dựng định mức cho các loại chi phí sản xuất*

Xây dựng định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Về mặt lượng: Định mức tiêu hao NVL để sản xuất một sản phẩm là:

- Nguyên vật liệu cần thiết để sản xuất 1 sản phẩm.
- Hao hụt cho phép.
- Lượng vật liệu tính cho sản phẩm hỏng.

Về mặt giá: Phản ánh giá cuối cùng của một đơn vị nguyên vật liệu trực tiếp sau khi trừ đi một khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán. Khi đó định mức về giá nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm là: Giá mua (trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán) và chi phí thu mua nguyên vật liệu. Như vậy:

Định mức chi phí NVL = Định mức về lượng x Định mức về giá

Xây dựng định mức chi phí nhân công trực tiếp

Định mức về giá một đơn vị thời gian lao động trực tiếp: bao gồm không chỉ mức lương cơ bản mà còn gồm cả các khoản phụ cấp lương(BHXXH, BHYT, BHTN, KPCĐ) của lao động trực tiếp. Định mức giá một giờ công lao

động trực tiếp ở một phân xưởng gồm: Mức lương cơ bản một giờ và các khoản trích đóng BHXH.

Định mức về lượng thời gian cho phép để hoàn thành một đơn vị sản phẩm, có thể được xác định bằng hai cách:

Cách 1: Phương pháp kỹ thuật: chia công việc theo nhiều công đoạn rồi kết hợp với bảng thời gian tiêu chuẩn của những thao tác kỹ thuật để định thời gian chuẩn cho từng công việc.

Cách 2: Phương pháp bấm giờ: về lượng thời gian để sản xuất một sản phẩm được xác định như sau: (1) Thời gian cần thiết để sản xuất một sản phẩm; (2) Thời gian nghỉ ngơi, lau chùi máy; (3) Thời gian tính cho sản phẩm hỏng. Như vậy:

Định mức chi phí NCTT = Định mức lượng x Định mức giá

Xây dựng định mức chi phí sản xuất chung

Do đặc điểm của chi phí sản xuất chung là mang tính gián tiếp và liên quan đến nhiều bộ phận quản lý nên không thể tính trực tiếp cho từng đơn vị sản phẩm, do đó việc tính CP SXC được thực hiện qua việc phân bổ chi phí.

$$\text{Đơn giá chi phí SXC phân bổ} = \frac{\text{Tổng chi phí sản xuất chung dự kiến}}{\text{Tổng đơn vị tiêu chuẩn chọn để phân bổ dự kiến}}$$

Việc lựa chọn tiêu chuẩn phân bổ tùy thuộc vào từng doanh nghiệp cho phù hợp với sản phẩm sản xuất hay công việc thực hiện. Thông thường có thể chọn tiêu chuẩn phân bổ là tổng số giờ công lao động trực tiếp, tổng số giờ máy chạy, tổng khối lượng sản xuất...

Chi phí sản xuất chung bao gồm cả chi phí biến đổi và chi phí cố định, sự tác động và ảnh hưởng của chi phí biến đổi và chi phí cố định với sự biến động chung của chi phí sản xuất chung khác nhau, do đó phải xây dựng riêng định mức chi phí biến đổi và định mức chi phí cố định.

Định mức chi phí sản xuất chung biến đổi: Cũng được xây dựng theo định mức giá và lượng. Định mức giá phản ánh chi phí biến đổi của đơn giá chi phí sản xuất chung phân bổ. Định mức CP SXC cố định: Cũng được xây

dựng tương tự như ở phần chi phí biến đổi. Sở dĩ tách riêng là nhằm giúp cho quá trình phân tích chi phí sản xuất chung sau này được rõ ràng hơn.

2.3.4. Dự toán chi phí sản xuất

Trên cơ sở định mức chi phí được xây dựng, doanh nghiệp tiến hành lập dự toán chi phí sản xuất. Dự toán là một kế hoạch chi tiết mô tả việc sử dụng các nguồn lực của một doanh nghiệp, tổ chức trong một kỳ nhất định. Dự toán CPSX là việc xác định các khoản mục chi phí dự kiến phát sinh trong kỳ, nguồn cung cấp, nguồn thanh toán nhằm sản xuất sản phẩm cần thiết để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ dự kiến và mức dự trữ hàng tồn kho.

2.3.4.1. Lập dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Là việc xác định chi phí nguyên vật liệu dự kiến phát sinh trong kỳ; khối lượng nguyên vật liệu cần mua để đáp ứng nhu cầu sản xuất; nguồn vốn thanh toán và lịch thanh toán tiền mua nguyên vật liệu. Trên cơ sở định mức nguyên vật liệu, chính sách dự trữ nguyên vật liệu, và số nguyên vật liệu còn trong kho, chính sách thanh toán doanh nghiệp tiến hành lập bảng dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và lịch thanh toán tiền mua nguyên vật liệu.

$$\begin{aligned}
 &\text{Lượng NVL cần cho sản xuất dự kiến} = \frac{\text{Số lượng SP cần cho sản xuất dự kiến}}{\text{Định mức lượng NVL trực tiếp}} \\
 &\text{Chi phí NVL trực tiếp dự kiến} = \frac{\text{Lượng NVL trực tiếp dự kiến}}{\text{Định mức giá NVL trực tiếp}} \\
 &\text{Lượng NVL cần mua dự kiến} = \text{Lượng NVL trực tiếp cần mua cho sản xuất đầu kỳ} + \text{Lượng NVL trực tiếp tồn kho cuối kỳ} - \text{Lượng NVL trực tiếp tồn kho đầu kỳ}
 \end{aligned}$$

2.3.4.2. Lập dự toán chi phí nhân công trực tiếp

Dự toán nhân công trực tiếp được lập dựa trên cơ sở dự toán sản xuất và định mức chi phí nhân công trực tiếp nhằm xác định thời gian lao động và chi phí nhân công cần thiết đảm bảo cho quá trình sản xuất.

Định mức thời gian lao động hao phí phản ánh mức độ sử dụng nhân công trực tiếp, được quyết định bởi mối quan hệ về mặt kỹ thuật giữa lao động và sản phẩm sản xuất ra. Để lập dự toán CPNCTT, doanh nghiệp cần dựa vào số lượng nhân công, trình độ tay nghề, quỹ lương, cách phân phối lương để xây dựng.

Đơn giá tiền lương, tiền công của một giờ lao động trực tiếp được xây dựng căn cứ vào thang lương, bậc lương hoặc hợp đồng lao động đã ký kết, trong đó đã gồm các khoản phụ cấp. Đơn giá tiền lương, tiền công tiêu chuẩn có thể tính bình quân mức lương trả cho toàn bộ công nhân trực tiếp sản xuất.

Dự toán chi phí nhân công trực tiếp được xác định:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Chi phí nhân} & & \text{Số lượng SP} & & \text{Định mức thời gian} & & \text{Đơn giá} \\ \text{công trực tiếp} & = & \text{cần sản xuất} & \times & \text{lao động tiêu hao} & & \text{tiền công} \\ \text{dự toán} & & \text{trong kỳ} & & \text{cho 1 đơn vị SP} & \times & \text{trên 1 giờ} \\ & & & & & & \text{lao động} \end{array}$$

2.3.4.3. Lập dự toán chi phí sản xuất chung

Lập dự toán CP SXC là việc xác định các chi phí sản xuất khác ngoài CP NVLTT và CP NCTT dự kiến phát sinh trong kỳ và dự kiến tiền thanh toán cho chi phí sản xuất chung.

Dự toán chi phí sản xuất chung bao gồm dự toán chi phí SXC biến đổi và dự toán chi phí SXC cố định, mục đích của dự toán CP SXC là chỉ ra mức độ dự kiến của tất cả các CPSX gián tiếp.

CP SXC gồm nhiều khoản chi phí có liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí. Khi lập dự toán cần phải tính toán riêng chi phí biến đổi, chi phí cố định sau đó tổng hợp lại.

$$\begin{array}{l} \text{Dự} \\ \text{toán} \\ \text{chi} \\ \text{phí} \\ \text{SXC} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Dự toán chi phí} \\ \text{SXC cố định} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Dự toán chi phí} \\ \text{SXC biến đổi} \end{array}$$

2.3.5. Phân tích biến động chi phí sản xuất nhằm mục đích quản trị

Đối với các nhà quản trị thì CP luôn là mối quan tâm hàng đầu bởi vì lợi nhuận thu được nhiều hay ít chịu sự ảnh hưởng trực tiếp của chi phí đã chi ra. Vì vậy, các nhà quản trị cần phải phân tích, hoạch định, kiểm soát CP để biết tình hình biến động của CP từ đó có những chính sách chi tiêu biến đổi cho phù hợp nhằm tiết kiệm CP, tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh. Phân tích biến động CP được thể hiện qua phân tích biến động của các khoản mục CP.

2.3.5.1. Biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Phân tích biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là so sánh giữa chi phí nguyên vật liệu trực tiếp kỳ này với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp kỳ dự toán và xác định các nguyên nhân biến động trên hai mặt giá và lượng đã tác động như thế nào đến biến động chung.

Biến động về lượng = Giá định mức x (Lượng thực tế - Lượng định mức)

Biến động về giá = Lượng thực tế x (Giá thực tế - Giá định mức)

Tổng biến động = Biến động về giá + Biến động về lượng

Trong trường hợp doanh nghiệp có sử dụng nhiều loại nguyên vật liệu khi xem xét biến động chi phí nguyên vật liệu phải xem xét biến động kết cấu và biến động lượng của chi phí nguyên vật liệu. Biến động cơ cấu nguyên vật liệu là chênh lệch giữa tổng lượng thực tế sử dụng trong cơ cấu tiêu chuẩn (dự toán) với các lượng thực tế trong cơ cấu thực tế tính theo giá tiêu chuẩn. Đây là thước đo phản ánh cơ cấu thực tế chi phí nguyên vật liệu cao hơn hay thấp hơn theo cơ cấu tiêu chuẩn. Biến động lượng của chi phí nguyên vật liệu chính là chênh lệch giữa lượng đầu vào thực tế với lượng đầu vào tiêu chuẩn (dự toán) theo cơ cấu tiêu chuẩn, tính theo giá tiêu chuẩn.

2.5.4.2. Biến động chi phí nhân công trực tiếp

Biến động chi phí nhân công trực tiếp là chênh lệch giữa chi phí nhân công thực tế thực hiện so với chi phí nhân công tiêu chuẩn. Phân tích biến

động chi phí nhân công được phân tích trên hai nguyên nhân biến động là biến động giá lao động và biến động năng suất lao động (biến động về lượng).

$$\begin{aligned} \text{Biến động về lượng} &= \text{Đơn giá tiền lương định mức} \times \left[\begin{array}{c} \text{Số giờ lao động thực tế} \\ - \text{Số giờ lao động định mức} \end{array} \right] \\ \text{Biến động về giá} &= \text{Số giờ lao động thực tế} \times \left[\begin{array}{c} \text{Đơn giá tiền lương thực tế} \\ - \text{Đơn giá tiền lương định mức} \end{array} \right] \end{aligned}$$

$$\text{Tổng biến động} = \text{Biến động về giá} + \text{Biến động về lượng}$$

Biến động năng suất lao động phản ánh chênh lệch giữa chi phí tiêu chuẩn của số giờ lao động thực tế tiêu hao với chi phí tiêu chuẩn của số giờ lao động đáng lẽ tiêu hao. Biến động giá lao động phản ánh chênh lệch giữa giá thực tế đã trả với giá đáng lẽ phải trả với kết quả thực hiện trong kỳ.

2.5.4.3. Biến động chi phí sản xuất chung

Phân tích biến động CPSXC là so sánh giữa CPSXC thực tế phát sinh với CPSXC tiêu chuẩn (dự toán). Phân tích biến động chi phí sản xuất chung phải phân tích trên hai yếu tố là CPSXC biến đổi và CPSXC cố định.

Phân tích biến động CPSXC biến đổi là việc so sánh giữa CPSXC biến đổi thực tế với CPSXC biến đổi tính theo định mức. Biến động CPSXC được chia thành biến động giá và biến động hiệu suất. Biến động giá CPSXC biến đổi là chênh lệch giữa CPSXC biến đổi tính theo định mức chi phí đối với mức hoạt động thực tế với chi phí biến đổi thực tế phát sinh ở mức hoạt động đó. Biến động hiệu suất CPSXC biến đổi là chênh lệch giữa chi phí biến đổi tiêu chuẩn tính theo định mức hoạt động đối với lượng sản phẩm sản xuất với

chi phí biến đổi tiêu chuẩn tính theo mức hoạt động thực tế.

$$\text{Biến động} \quad \text{Tỷ lệ phân bổ} \quad \times \quad \text{Lương cơ sở} \quad \text{Lượng cơ sở}$$

$$\begin{aligned} \text{về lượng} &= \text{theo dự toán} \left[\text{phân bổ thực tế} - \text{phân bổ dự toán} \right] \\ \text{Biến động} &= \text{Chi phí SXC biến} - \text{Chi phí SXC} \\ \text{về giá} &\quad \text{đổi thực tế} \quad \text{biến đổi dự toán} \end{aligned}$$

Tổng biến động = Biến động về giá + Biến động về lượng

Phân tích biến động chi phí sản xuất chung cố định là so sánh tổng chi phí SXC cố định thực hiện với tổng chi phí sản xuất chung cố định tính theo định mức (kế hoạch). Cách thực hiện như đối với chi phí SXC biến đổi.

2.3.6. Báo cáo kiểm soát chi phí phục vụ đánh giá trách nhiệm quản lý

Công cụ dùng để đánh giá trách nhiệm quản trị chi phí là báo cáo kiểm soát. Các nhà quản trị sử dụng dự toán chi phí để phân tích kết quả hoạt động, chỉ ra được số chênh lệch chi phí nào là do kiểm soát chi phí và số chênh lệch chi phí nào là do khối lượng sản xuất gây ra.

Báo cáo kiểm soát chi phí dùng để đánh giá trách nhiệm quản lý của bộ phận chỉ trình bày các chi phí có thể kiểm soát được ở bộ phận đó. Chi phí có thể kiểm soát được phân theo các yếu tố và theo chi tiết đủ để cung cấp thông tin hữu ích cho việc đánh giá trách nhiệm quản lý.

Đặc trưng của báo cáo kiểm soát chi phí là phải liên quan đến trách nhiệm cá nhân, kết quả thực tế phải được so sánh với chuẩn mực có sẵn tốt nhất, thông tin quan trọng phải được làm nổi bật.

2.3.6.1. Yêu cầu của báo cáo kế toán quản trị chi phí

Báo cáo kế toán QTCP phải đáp ứng được những yêu cầu: Tính thích hợp, tính kịp thời, tính hiệu quả.

Tính thích hợp của các báo cáo kế toán QTCP thể hiện trên hai khía cạnh: Sự phù hợp và đáng tin cậy.

Sự phù hợp thể hiện ở đặc thù hoạt động SXKD, yêu cầu thông tin quản lý và mục tiêu của nhà quản trị doanh nghiệp. Thông tin trên báo cáo được phân chia thành các chỉ tiêu phù hợp với tiêu chuẩn đánh giá thông tin trong

mỗi tình huống ra quyết định. Sự phù hợp của báo cáo kế toán QTCP còn được thể hiện ở quy mô doanh nghiệp: Với doanh nghiệp có quy mô nhỏ, quy

trình công nghệ giản đơn thì báo cáo kế toán QTCP cũng đơn giản hơn những doanh nghiệp có quy mô lớn, quy trình công nghệ phức tạp.

Tính đáng tin cậy thể hiện chất lượng của báo cáo nghĩa là số liệu trên báo cáo kế toán QTCP phải dựa trên cơ sở khách quan, đảm bảo có căn cứ để kiểm tra, kiểm soát. Mức độ chính xác của thông tin trên báo cáo kế toán QTCP sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả các quyết định của nhà quản trị.

Tính kịp thời các báo cáo kế toán QTCP thể hiện thời điểm lập và tần suất lập trong một thời kỳ. Quá trình SXKD của doanh nghiệp cần thông tin thường xuyên để ra quyết định quản lý có hiệu quả. Thông tin từ các báo cáo kế toán QTCP sẽ không có tác dụng nếu thiếu kịp thời, do vậy thời điểm lập các báo cáo kế toán QTCP rất quan trọng trong việc cung cấp thông tin cho nhà quản trị. Bên cạnh đó nếu tần suất lập báo cáo kế toán QTCP hợp lý sẽ là tiền đề cho nhà quản trị cập nhật thông tin thường xuyên, có hệ thống.

Tính hiệu quả của báo cáo kế toán QTCP thể hiện trong việc đáp ứng thông tin cần thiết cho nhà quản trị với chi phí bỏ ra cho công tác lập báo cáo kế toán QTCP là thấp nhất. Như vậy, báo cáo kế toán QTCP phải được lập khoa học, hợp lý, không có sự trùng lặp trong việc cung cấp thông tin.

2.3.6.2. Hệ thống báo cáo kế toán quản trị chi phí

Phân loại báo cáo theo nội dung của báo cáo kế toán QTCP: Nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho các nhà quản trị trong việc thực hiện chức năng quản trị doanh nghiệp, hệ thống báo cáo kế toán QTCP cần được xây dựng theo nội dung:

- Báo cáo quản trị định hướng hoạt động kinh doanh: Đây là hệ thống báo cáo nhằm cung cấp những thông tin định hướng cho tương lai của doanh nghiệp như dự toán, phương án kinh doanh,... nhằm phục vụ cho các quyết định kinh doanh cũng như chuẩn bị các điều kiện đảm bảo trên tất cả các

lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp. Loại báo cáo này thường bao gồm: (1)

Báo

cáo dự toán chi phí theo từng khoản mục chi cho từng đối tượng; (2) Báo cáo dự toán chi phí theo yếu tố cho từng đối tượng quản trị.

- Báo cáo quản trị phục vụ cho kiểm soát chi phí: Đây là hệ thống báo cáo nhằm cung cấp những thông tin về tình hình thực hiện các hoạt động SXKD để nhà quản trị kiểm soát chi phí, đánh giá hiệu quả hoạt động của từng bộ phận và toàn doanh nghiệp để có những biện pháp điều chỉnh phù hợp. Chỉ tiêu trong báo cáo phản ánh các thông tin chênh lệch giữa kết quả thực hiện với các thông tin định hướng. Do vậy, trên báo cáo cần thể hiện rõ tính so sánh được giữa thông tin kết quả và thông tin định hướng, giữa kỳ này và kỳ trước, đồng thời xác định được nguyên nhân cụ thể gây nên sự chênh lệch đó.

Báo cáo quản trị phục vụ cho kiểm soát chi phí gồm: Báo cáo sản xuất; Báo cáo chi phí sản xuất theo yếu tố; Báo cáo giá thành sản phẩm; Báo cáo phân tích tình hình thực hiện dự toán cho từng đối tượng quản trị.

- Báo cáo quản trị phục vụ cho việc ra quyết định: Để cung cấp thông tin cho việc ra quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp, kế toán quản trị chi phí sử dụng các báo cáo sau: Báo cáo phân tích thông tin thích hợp trong việc lựa chọn phương án; Báo cáo đánh giá kết quả bộ phận.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Chương 2 của luận văn đã nghiên cứu cơ sở lý luận của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị doanh nghiệp trong các doanh nghiệp sản xuất. Cụ thể đã nghiên cứu khái quát về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, phân loại chi phí, tập hợp chi phí sản xuất phục vụ tính giá thành, tính giá thành và báo cáo chi phí sản xuất phục vụ quản trị chi phí sản xuất nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị doanh nghiệp. Đây là cơ sở lý luận làm tiền đề cho công tác phân tích thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành phục vụ quản trị chi phí tại Công ty TNHH SH Tech Vina, từ đó đề xuất những giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành phục vụ quản trị doanh nghiệp tại Công ty TNHH SH Tech Vina.

CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ

TÍNH GIÁ THÀNH TẠI CÔNG TY TNHH SH TECH VINA

3.1. Tổng quan về Công ty TNHH SH Tech Vina

3.1.1. Thông tin chung về công ty

Tên công ty: Công ty TNHH SH Tech Vina

Tên tiếng Anh: SH Tech Vina Co.,Ltd

Trụ sở giao dịch và nhà máy sản xuất: Lô số 15, 17, Cụm Công nghiệp Nội Hoàng, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

Mã số thuế: 2400817537

Điện thoại: 0204.386.1668 / 0204.386.3668

Công ty TNHH SH Tech Vina được tổ chức theo hình thức trách nhiệm hữu hạn, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2400817537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang cấp ngày 28 tháng 6 năm 2017. Sau một thời gian đầu tư, đào tạo và thử nghiệm, công ty chính thức hoạt động vào tháng 9 năm 2017.

Công ty TNHH SH Tech Vina là doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài, hình thức sở hữu vốn là công ty TNHH một thành viên với số vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2018 là 11.340.000.000 VNĐ.

Công ty TNHH SH Tech Vina là đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu riêng, được mở tài khoản ngân hàng, hoạt động theo luật và điều lệ Công ty.

3.1.2. Đặc điểm sản phẩm và quy trình sản xuất sản phẩm của Công ty

Các sản phẩm của Công ty được làm chủ yếu từ kim loại và nhựa đặc thù; gia công cơ khí tự động hóa, xử lý và tráng phủ kim loại như khuôn uốn, khuôn dập, khuôn ép, JIG, đồ gá chuyên dụng của ngành công nghệ điện tử,...

Công ty còn nhận thiết kế, gia công, lắp ráp các sản phẩm điện dân dụng, điện tử theo yêu cầu của khách hàng.

Các sản phẩm thường không có sẵn, không có hàng mẫu trưng bày và không sản xuất hàng loạt. Máy móc, thiết bị, khuôn khay, đồ gá đều được thiết kế chuyên biệt, đáp ứng mục đích sử dụng của từng khách hàng.

Công suất sản xuất ước tính:

- Sản xuất, chế tạo đồ gá JIG bằng nhôm khoảng 4.000 sản phẩm/năm.
- Sản xuất, chế tạo đồ gá JIG bằng nhựa khoảng 3.000 sản phẩm/năm.
- Sản xuất các loại khuôn dùng để đúc khung, nắp, vỏ điện thoại di động khoảng 500 sản phẩm/năm, tương đương 3,7 tấn/năm.
- Sửa chữa các loại khuôn dùng để đúc khung, nắp, vỏ điện thoại di động khoảng 200 sản phẩm/năm tương đương 1,13 tấn/năm.

Để chế tạo ra sản phẩm cơ khí như trên cần trải qua một quá trình vô cùng phức tạp, khép kín và được lập trình sẵn bởi những kỹ sư có tay nghề. Thực chất, phương pháp gia công cơ khí kim loại là loại bỏ đi trên bề mặt phôi một lớp kim loại dư thừa, tạo cho chi tiết có hình dạng, kích thước, độ chính xác và độ bóng bề mặt đúng theo yêu cầu tiêu chuẩn trên các máy gia công cơ khí kim loại (máy tiện, phay, bào, khoan, doa, mài,...) nhờ có các dụng cụ cắt (dao tiện, phay, mũi khoan, đá mài,...).

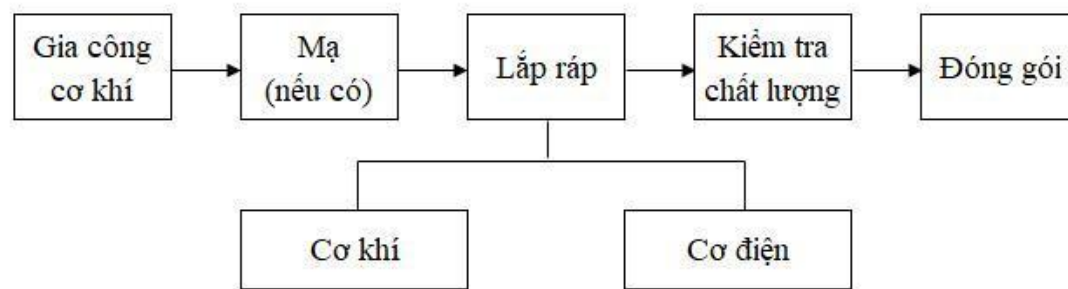
Gia công cơ khí thường là gia công để tạo cho chi tiết máy chính xác về hình dạng và kích thước. Khả năng chế tạo chi tiết máy chính xác hay không chính xác, tốt hay xấu là tùy thuộc vào trình độ kỹ thuật và khả năng của thiết bị gia công.

Tỷ trọng gia công bằng cắt gọt kim loại ở các xí nghiệp cơ khí chiếm tới 60% tổng số các hao phí để sản xuất và thiết bị máy móc. Trong các nhà máy cơ khí, phân xưởng gia công cơ khí thường là phân xưởng lớn có nhiều máy

công cụ. Trong các thiết bị của ngành gia công cơ khí, máy cắt kim loại chiếm một số lượng rất lớn và giữ một vị trí vô cùng quan trọng.

Máy cắt kim loại (máy công cụ) là thiết bị bao gồm các chuyển động theo những nguyên lý phù hợp với quá trình cắt. Các dụng cụ cắt, gá kẹp trên máy sẽ hoạt động theo những nguyên lý đó.

Quy trình sản xuất sản phẩm tại Công ty là quy trình bán tự động hóa, tiết kiệm phần lớn sức lao động của con người. Chu trình sản xuất được vận hành bằng những chiếc máy gia công trung tâm kim loại, hoàn toàn khép kín, nguyên vật liệu được đưa vào máy, sau khi quá trình vận hành kết thúc sẽ cho ra sản phẩm hoàn chỉnh, hoặc được chuyển sang chu trình tiếp theo với mục đích gia công khác. Sau đó, sản phẩm sẽ được kiểm tra chất lượng một cách cẩn thận trước khi đóng gói giao hàng và thực hiện thanh quyết toán. Có thể cụ thể hóa như sau:



Sơ đồ 3.1: Quy trình sản xuất sản phẩm

Gia công cơ khí: cắt, ghép nhôm, nhựa, inox theo thiết kế, sau đó nguyên vật liệu được đưa vào các máy gia công trung tâm kim loại để tiến hành gia công thô như khoét hình, khoét rãnh, khoan lỗ, khắc chữ. Sau đó, bán thành phẩm được chuyển sang công đoạn mạ.

Mạ: công đoạn này không bắt buộc, tùy theo yêu cầu của khách hàng. Hiện tại, doanh nghiệp không đầu tư công nghệ này nên các sản phẩm cần mạ như mạ cứng, mạ màu,... sẽ được thuê bên thứ ba tiến hành.

Lắp ráp: công đoạn này được chia thành hai bộ phận: lắp ráp cơ khí và lắp ráp cơ điện. Các bộ phận được gắn lại với nhau bằng ốc vít hoặc keo dán,

băng dán chuyên biệt. Sau khi hoàn thành lắp ráp về mặt cơ khí, sản phẩm sẽ được gắn các linh kiện điện tử và tiến hành chạy thử.

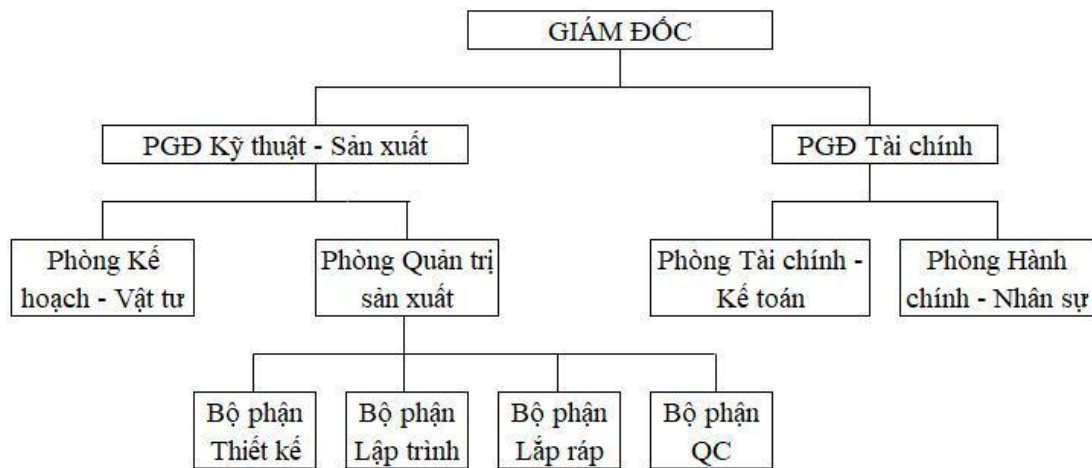
Kiểm tra chất lượng sản phẩm: tại công đoạn này, phát hiện sản phẩm có sai hỏng tùy mức độ và có các phương pháp xử lý phù hợp, kịp thời.

Đóng gói thành phẩm nhập kho/giao hàng: sản phẩm đạt tiêu chuẩn được đóng gói và nhập kho.

3.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty

Công ty TNHH SH Tech Vina là một công ty chuyên sản xuất, gia công các sản phẩm kim loại, nhựa phục vụ gia công đánh bóng mặt kính điện thoại và các thiết bị bán dẫn. Với diện tích dành cho sản xuất và hoạt động không lớn nên nhìn chung bộ máy cơ cấu tổ chức khá gọn nhẹ, bao gồm một số phòng ban chức năng và một phân xưởng sản xuất chính. Giám đốc luôn luôn phối hợp với tình hình rồi trực tiếp điều hành sản xuất cùng với các quản đốc phân xưởng. Các bộ phận, phòng ban luôn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau nhằm thực hiện đúng các kế hoạch đề ra, đảm bảo cho quá trình sản xuất được diễn ra liên tục và có hiệu quả.

Chức năng của các phòng ban:



Sơ đồ 3.2: Mô hình tổ chức bộ máy quản lý

- Phòng Kế hoạch - Vật tư: có nhiệm vụ nghiên cứu tình hình sản xuất thực tế cũng như tình hình trước đó do phòng kế toán chuyển sang, qua đó lập kế hoạch sản xuất cho từng kỳ (tháng, quý, năm). Phòng kế hoạch phải tạo mối quan hệ chặt chẽ với khách hàng, sẵn sàng cung ứng đủ số lượng, chất lượng sản phẩm cần thiết mà khách hàng đặt. Ngoài việc phải lập kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, phòng kế hoạch - vật tư còn phải tổ chức sản xuất, đảm bảo cung ứng nguồn vật tư cần thiết cho sản xuất, sửa chữa, nâng cấp. Phải tính toán lượng vật tư dự trữ, bảo hiểm cần thiết cho cả giai đoạn sản xuất trong kỳ. Phải lập kế hoạch chiến lược sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong thời gian tới. Tính toán dự kiến chi phí sản xuất, chi phí bán hàng, chi phí quản lý để từ đó xác định giá thành sản phẩm một cách tối ưu nhất.

- Phòng Tài chính - Kế toán: Thực hiện việc tổng kết, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong từng kỳ cụ thể. Phân tích, tính toán cụ thể, chi tiết mức độ hoàn thành kế hoạch của doanh nghiệp.

- Phòng Hành chính - Nhân sự: Thực hiện việc quản lý lao động. Cụ thể là về tiền lương, tiền thưởng và các đãi ngộ khác của lao động trực tiếp và gián tiếp trong kỳ. Theo dõi các vấn đề liên quan đến sự biến động nguồn nhân lực, thực hiện theo dõi số ngày công làm việc, số ngày phép của từng công nhân, nhân viên. Tính toán lương, bảo hiểm xã hội và đảm bảo các vấn đề liên quan đến việc an toàn lao động, đào tạo, huấn luyện, nâng bậc cho nhân viên, công nhân trong nhà máy. Bên cạnh đó, đóng vai trò như văn thư, tổ bảo vệ, công đoàn nhằm đảm bảo đời sống tinh thần và thể lực cho công nhân viên toàn công ty, giữ cho tình hình an ninh sản xuất của công ty được ổn định và tránh thất thoát tài sản.

- Phòng Quản trị sản xuất (bao gồm các bộ phận: Thiết kế, Lập trình, Lắp ráp và Kiểm tra chất lượng - QC): Có nhiệm vụ dựa vào các hợp đồng kinh tế, sản phẩm mẫu hoặc bản vẽ mẫu, tổ chức thiết kế mô hình, lập QTSX,

cài đặt hệ chương trình cho máy móc chạy tự động, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật về sản phẩm của đối tác. Xây dựng đội ngũ về chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ lâu dài cho công tác đảm bảo kỹ thuật. Quản lý chất lượng sản phẩm, quản lý máy móc thiết bị, dụng cụ đo lường, đề xuất với giám đốc các biện pháp sử dụng sao cho hợp lý và có hiệu quả. Đảm bảo kỹ thuật và khắc phục các lỗi sai hỏng kịp thời. Tham mưu cho Giám đốc về phương hướng duy trì, đẩy mạnh và phát triển công tác khoa học quản lý công nghệ, phục vụ cho mục tiêu sản xuất kinh doanh của đơn vị ngày càng tốt hơn.

3.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

Kế toán là công cụ quan trọng phục vụ điều hành quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, việc tổ chức kế toán một cách hợp lý, khoa học có vai trò rất quan trọng. Do đặc điểm SXKD nên bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức nửa tập trung, nửa phân tán. Theo hình thức này, tại các phân xưởng bố trí nhân viên kế toán nhưng không hạch toán ở các phân xưởng mà định kỳ tập hợp hóa đơn, chứng từ chuyển về phòng kế toán của công ty để hạch toán. Phòng kế toán tài chính là một trong những phòng chức năng trong công ty và thực hiện hai công tác chính là công tác kế toán thống kê và công tác quản trị tài chính.

Kế toán trưởng: giúp Giám đốc tổ chức bộ máy kế toán toàn Công ty, tổ chức hạch toán kinh doanh đảm bảo khoa học, tuân thủ Pháp luật và các chính sách, chế độ của Nhà nước. Tổ chức và thực hiện các công tác ghi sổ, lập Báo cáo tài chính, tính lương hàng ngày cho cán bộ công nhân viên và lập báo cáo nhanh theo yêu cầu quản trị của Giám đốc Công ty, tổ chức công tác lập, duyệt, luân chuyển và lưu trữ chứng từ, sổ sách, báo cáo kế toán. Hướng dẫn và phổ biến các chế độ tài chính kế toán hiện hành, các kỹ năng nghiệp vụ của từng phần hành kế toán mà các kế toán viên được phân công, đồng thời giám sát việc thực hiện.. Xây dựng kế hoạch tài chính, kế hoạch giá thành, kế hoạch

sử dụng vốn. Tính toán giá thành sản xuất và giá thành toàn bộ của từng mặt hàng, từng lĩnh vực SXKD hoặc từng thời kỳ theo biến động của thị trường. Tham mưu cho Giám đốc Công ty về công tác ký kết hợp đồng kinh tế, chiến lược phát triển SXKD nhằm đảm bảo tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận, ổn định và phát triển Công ty. Theo dõi tình hình sản xuất, quản lý sản xuất. Theo dõi, đôn đốc thu hồi công nợ phải thu, đối chiến và thanh quyết toán công nợ phải trả. Phân tích hoạt động kinh tế, xác định từng khoản tiết kiệm hoặc lãng phí về vật tư, và các chi phí đầu vào khác, tính toán, cân đối, xác định tỷ lệ lợi nhuận đối với từng mặt hàng, từng khách hàng. Lập kế hoạch sản xuất, tham mưu cho Giám đốc Công ty các lĩnh vực khác.

Kế toán tổng hợp: Có nhiệm vụ điều hành, kiểm tra các phần hành kế toán, chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về các phần hành kế toán trong phòng kế toán, có nhiệm vụ lập Báo cáo tài chính.

Kế toán tiền mặt kiêm kế toán ngân hàng: Có nhiệm vụ mở sổ, ghi chép, phản ánh tình hình thu, chi, tạm ứng, phản ánh số hiện có và số dư tiền mặt của công ty. Giao dịch với ngân hàng để giải quyết công tác mở tài khoản, vay tiền phục vụ cho SXKD, ghi sổ theo dõi, trực tiếp đi giao dịch với ngân hàng, vay vốn, trả nợ theo từng hợp đồng tín dụng, phản ánh tình hình biến động của các khoản tiền gửi ngân hàng và tiền vay chi tiết hàng ngày của Công ty theo từng phần hành, theo dõi công nợ phải thu của từng khách hàng.

Kế toán thuế: Có nhiệm vụ theo dõi, ghi chép, tập hợp hóa đơn thuế GTGT được khấu trừ đầu vào, đầu ra hàng tháng, hàng quý, hàng năm, quyết toán thuế, quyết toán hóa đơn hàng kỳ với cơ quan thuế chủ quản.

Kế toán vật tư, TSCĐ, chi phí, giá thành, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh: Có nhiệm vụ theo dõi tình hình biến động tăng, giảm TSCĐ của

Công ty, ghi chép tập hợp chi phí, giá thành theo từng đơn hàng, lập báo cáo nội bộ phục vụ yêu cầu quản trị chi phí và tính giá thành sản phẩm.

Kế toán kho: Có nhiệm vụ thực hiện việc tập hợp các chứng từ phát sinh, nhập xuất vật tư, thành phẩm, sau đó chuyển về phòng kế toán, để phòng kế toán thực hiện việc hạch toán các hoạt động kinh tế phát sinh tại các phân xưởng và lập báo cáo tài chính theo yêu cầu của luật kế toán.

3.1.5. Các chính sách kế toán hiện đang áp dụng tại Công ty

- Chế độ kế toán: Hiện nay, Công ty đang áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Tài khoản sử dụng liên quan đến kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm bao gồm:

TK 621 “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp” dùng để tập hợp chi phí về nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu,... phục vụ sản xuất sản phẩm.

TK 622 “Chi phí nhân công trực tiếp” dùng để tập hợp các chi phí liên quan đến nhân công như tiền lương, phụ cấp lương và các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm.

TK 627 “Chi phí sản xuất chung” dùng để tập hợp các chi phí sản xuất của từng phân xưởng như lương của nhân viên quản lý phân xưởng, các chi phí văn phòng của phân xưởng.

TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” dùng để tập hợp chi phí.

- Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

- Kỳ kế toán: Quý

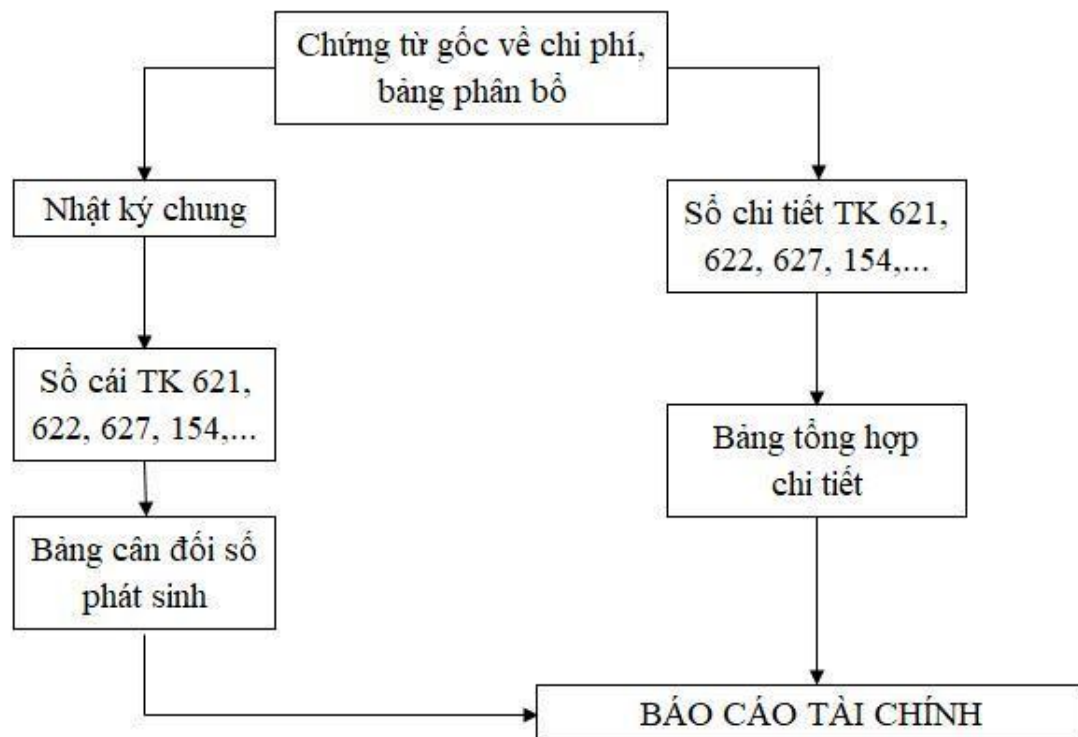
- Đơn vị tiền tệ sử dụng ghi sổ: Đồng Việt Nam (VNĐ)

- Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp kế toán HTK: phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính giá trị hàng xuất kho: phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.
- Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang: theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ: được ghi nhận theo giá gốc, trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng, thời gian khấu hao được áp dụng theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính, được sửa đổi bằng Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính.
- Tỷ giá ngoại tệ ghi sổ theo tỷ giá giao dịch tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh Bắc Giang, nơi Công ty mở tài khoản giao dịch chính, vào thời điểm phát sinh nghiệp vụ.



Sơ đồ 3.3: Trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty TNHH SH Tech Vina

- Hình thức kế toán: Sử dụng phần mềm kế toán và áp dụng hình thức Nhật ký chung. Công ty TNHH SH Tech Vina đang sử dụng phần mềm kế toán G9 Accounting. Phần mềm tuy nhỏ gọn, nhưng có nhiều tính năng ưu

việt, được xây dựng và thiết kế chuẩn, đầy đủ với các loại sổ, chứng từ kết cấu theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành. Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán làm căn cứ ghi sổ, nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm. Cuối tháng, kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa các số liệu tổng hợp và chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo các thông tin đã nhập trong kỳ. Sổ kế toán tổng hợp và chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định.

3.2. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty dưới góc độ kế toán tài chính

3.2.1. Thực trạng phân loại chi phí

Để giúp việc tính giá thành sản phẩm và phân tích cơ cấu chi phí sản xuất trong giá thành sản phẩm, Công ty đã thực hiện phân loại chi phí theo khoản mục chi phí. Theo cách này, chi phí sản xuất kinh doanh được chia thành ba khoản mục chính: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: là tất cả những chi phí nguyên vật liệu để cấu thành nên sản phẩm như vật liệu chính (nhôm, nhựa, inox,...), vật liệu phụ (sơn mạ, ốc vít,...) và những vật kết cấu nên giá trị sản phẩm (bảng mạch, chip, camera và các linh kiện điện tử khác,...)
- Chi phí nhân công trực tiếp: là toàn bộ tiền lương chính, phụ cấp và các khoản có tính chất lương của công nhân trực tiếp tham gia sản xuất bao gồm tiền làm thêm giờ, tiền thưởng hiệu suất,... Khoản mục này không bao gồm các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp sản xuất, lương và các khoản trích theo lương của công nhân gián tiếp.

- Chi phí sản xuất chung bao gồm:

Tiền lương nhân viên quản lý, các khoản trích theo lương được tính theo tỷ lệ quy định trên tiền lương phải trả công nhân trực tiếp sản xuất và nhân viên quản lý đội.

Chi phí nguyên vật liệu sử dụng cho việc quản lý sản xuất chung của phân xưởng.

Chi phí công cụ sản xuất phục vụ sản xuất và quản lý phân xưởng.

Chi phí khấu hao TSCĐ như thiết bị, máy móc, dây chuyền dùng cho quản lý phân xưởng.

Chi phí dịch vụ mua ngoài như tiền điện, tiền nước, tiền cước điện thoại, tiền internet, cước chuyển phát thư tín,...

Chi phí bằng tiền khác liên quan đến hoạt động của phân xưởng.

3.2.2. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất

Sản phẩm của Công ty thường cung cấp cho các doanh nghiệp khác ngành cơ khí điện tử và chủ yếu là ngành dọc cung cầu của hãng điện tử Samsung. Tất cả đều được đặt hàng trước và sản xuất theo đơn đặt hàng đó, vì vậy, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty là theo đơn đặt hàng.

Công ty không xây dựng định mức nguyên vật liệu cụ thể cho sản phẩm vì sản phẩm tại mỗi đơn hàng có số lượng giới hạn mà không phải sản xuất hàng loạt, hoàn toàn khác nhau về mẫu mã, kích thước, chất liệu tùy theo công dụng của sản phẩm, thiết kế kỹ thuật, yêu cầu chủ quan của bên đặt hàng. Để phục vụ yêu cầu lập kế hoạch chi phí, so sánh đối chiếu giữa việc tổ chức thực hiện chi phí và kế hoạch đề ra thì quản trị Công ty buộc phải giám sát trực tiếp, liên tục quá trình thực hiện sản xuất để thu thập được số liệu chính xác nhất.

Đối với chi phí nhân công trực tiếp, hầu hết đơn đặt hàng của Công ty với tất cả các sản phẩm do Công ty sản xuất đều do công nhân chính thức tại

Công ty thực hiện, hoặc thuê các doanh nghiệp ngoài gia công đối với những chức năng mà Công ty không có như tiện trục tròn inox, khoét lỗ ren kích thước lớn, mạ,... hoặc với mục đích đẩy nhanh tiến độ. Hình thức trả lương của Công ty là theo thời gian, tức là lương tính theo ngày công, đối với những đơn hàng cần đẩy nhanh tiến độ thì công nhân được yêu cầu tăng ca. Do đó, theo yêu cầu quản lý của kế toán đối với chi phí nhân công trực tiếp chủ yếu là việc tập hợp, phân bổ và tính toán chính xác chi phí nhân công trực tiếp của từng đơn hàng.

Đối với CPSXC, theo báo cáo tham mưu của kế toán với Giám đốc thì yêu cầu đặt ra là cần phải có một tiêu thức phân bổ chi phí sản xuất phù hợp với thực tế để có thông tin chính xác về chi phí cho từng đơn đặt hàng nhằm giúp nhà quản trị kiểm soát được chi phí phát sinh phù hợp với kế hoạch định mức. Đồng thời, giúp cho việc ghi chép phản ánh vào sổ sách kế toán các chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện được đơn giản, gọn nhẹ hơn.

Để minh họa cho quy trình hạch toán chi phí sản xuất tại công ty, luận văn lấy ví dụ về hạch toán chi phí sản xuất sản phẩm Máy uốn 3D cho đơn hàng Bending JIG.

3.2.2. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Tại Công ty TNHH SH Tech Vina, CPNVLT thường chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, khoảng 30-40%. Vì vậy, hạch toán chính xác, đầy đủ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp có tầm quan trọng trong việc xác định mức tiêu hao nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất, đảm bảo giá thành ở mức thấp nhất, có thể cạnh tranh với các công ty cùng ngành nội địa và nước ngoài. Chi phí nguyên vật liệu chính của Công ty bao gồm:

Nguyên vật liệu chính: nhôm AL5052, nhôm AL6061, nhựa PEEK, nhựa Bakelite, Inox SUS303, Inox SUS304,...

Nhiên liệu: dầu chạy máy CNC, dầu làm mát động cơ,...

Khi nhận đơn hàng, căn cứ vào yêu cầu kỹ thuật (số lượng, chất lượng sản phẩm), bộ phận kế hoạch lập dự toán chi phí sản xuất.

Chứng từ kế toán sử dụng:

Để hạch toán chi phí NVL trực tiếp, kế toán sử dụng hai chứng từ chính là Giấy yêu cầu vật tư và Phiếu xuất kho vật tư dùng cho sản xuất. Trên các chứng từ này, xưởng sản xuất ghi rõ yêu cầu cấp vật tư cho sản xuất đơn hàng nào. Đây là cơ sở để kế toán hạch toán chi phí vật liệu cho từng đơn hàng.

Tài khoản kế toán:

Để tập hợp CP NVLTT, kế toán sử dụng TK 621 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Tài khoản này được mở chi chi tiết cho từng đơn hàng.

Quy trình kế toán:

Chủng loại vật tư trong Công ty không quá đa dạng, với những đơn đặt hàng được thiết kế hoàn thành, nguyên vật liệu trực tiếp cho sản xuất được đặt mua và chuyển thẳng vào quy trình sản xuất, hay được gọi là xuất dùng không qua kho, tạo thuận lợi cho việc sản xuất nhanh chóng, phù hợp với tiến độ sản xuất của đơn hàng. Với tính chất sản xuất này, NVL thường không có sẵn và lượng NVL tồn kho là rất nhỏ hoặc bằng 0.

Ngày 05/8, sau khi hoàn thành thiết kế, căn cứ vào yêu cầu đơn đặt hàng, bản thiết kế chi tiết do bộ phận thiết kế chuyển sang và tình hình sử dụng vật tư của phân xưởng, nhân viên tại bộ phận Vật tư lập Phiếu yêu cầu mua hàng trình trưởng phòng hoặc PGĐ phụ trách xem xét và ký duyệt. Sau khi được sự chấp thuận của trưởng phòng hoặc PGĐ, bộ phận Vật tư tiến hành mua vật tư và chuyển thẳng tới bộ phận sản xuất.

Các chứng từ có liên quan là các hóa đơn GTGT, chứng từ phản ánh chi phí thu mua, chi phí vận chuyển và biên bản giao nhận vật tư đối với bộ phận sử dụng.

Ngày 17/8, khi phân xưởng sản xuất đã sử dụng hết NVL được cung cấp trước đó cho cùng đơn hàng, quản lý phân xưởng lập Phiếu yêu cầu vật tư và gửi cho bộ phận Vật tư. Các bước thu thập chứng từ như trên.

Đối với vật liệu phụ, nhiên liệu và linh kiện đính kèm thường chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng chi phí NVL, khoảng 10-15%, nên kế toán không xác định được mức chi phí cho từng đối tượng riêng biệt khi phát sinh. Khi đó, kế toán tập hợp chung cho các đơn hàng có cùng nhu cầu, sau đó, phân bổ theo tiêu thức NVL chính cho từng đơn hàng.

Ngoài ra, các khoản chi phí phát sinh có liên quan đến khoản mục CP NVLTT như chi phí đánh bóng bề mặt, chi phí mạ, chi phí tiện trục,... thường được công ty thuê ngoài gia công. Các chi phí này được tính riêng cho từng đơn đặt hàng nên khi phát sinh kế toán sẽ căn cứ vào hóa đơn để nhập liệu và hạch toán chi phí cho từng đơn đặt hàng.

Căn cứ vào các chứng từ nhận được, kế toán nhập dữ liệu, phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào máy. Sau khi nhập chứng từ, phần mềm sẽ tự động chuyển dữ liệu vào các sổ của hình thức Nhật ký chung bao gồm sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 621, sổ chi tiết tài khoản 154, sổ chi tiết tài khoản

621 (Phụ lục 05), sổ tổng hợp tài khoản 154. Khi cần thiết, kế toán tiến hành in các sổ kế toán để làm căn cứ đối chiếu và sử dụng làm tài liệu lưu trữ.

Như vậy, thông tin kế toán đã đáp ứng được yêu cầu quản lý về cung cấp thông tin cho nhà quản trị. Chi phí phát sinh được tập hợp trực tiếp cho từng đơn đặt hàng theo giá thực tế mua là hợp lý. Dựa vào bảng tổng hợp chi phí nguyên vật liệu mà nhà quản trị có thể có được những thông tin về nguyên vật liệu trực tiếp thực tế phát sinh cụ thể ở từng đơn đặt hàng, từ đó, đánh giá được tình hình sử dụng, tìm ra biện pháp hiệu quả nhất để tránh thất thoát, tiết kiệm

nguyên vật liệu, đồng thời đi vào phân tích, đối chiếu với dự toán, xác định chênh lệch để đưa ra quyết định phù hợp với tình hình thực tế.

3.2.3. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí NCTT chiếm một tỷ lệ không nhỏ trong CPSX của công ty, khoảng 25-35%, bao gồm tiền lương, tiền thưởng, tiền làm thêm giờ và các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp sản xuất tại phân xưởng.

Xuất phát từ đặc điểm tổ chức sản xuất, đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất và yêu cầu công tác quản lý, Công ty TNHH SH Tech Vina áp dụng hình thức trả lương theo thời gian. Cách tính lương đối với công nhân sản

xuất như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng} & & \text{Lương} & & \text{Lương} & & \text{Tiền tăng ca} \\ & & \text{thời gian} & + & \text{Phụ cấp} & + & \\ \text{lương} & = & & & \text{phép} & & \text{(nếu có)} \end{array}$$

Các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN theo chế độ hiện hành.

BHXH trích 25,5% theo tiền lương cơ bản trong đó 17,5% được tính vào CPSX, 8% khấu trừ vào thu nhập của công nhân.

BHYT trích 4,5% vào lương cơ bản trong đó 3% được tính vào CPSX, 1,5% khấu trừ vào thu nhập của công nhân.

BHTN trích 2% vào lương cơ bản trong đó 1% được tính vào CPSX, 1% khấu trừ vào thu nhập của công nhân.

KPCĐ trích 2% được tính toán bộ vào CPSX trong kỳ.

Chứng từ kế toán sử dụng:

Để theo dõi chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng các chứng từ như bảng chấm công, bảng tính và phân bổ tiền lương, bảng thanh toán tiền lương và các khoản trích theo lương, và các chứng từ có liên quan khác.

Tài khoản sử dụng:

Để phản ánh toàn bộ chi phí nhân công trực tiếp của Công ty, kế toán sử dụng TK 622 - Chi phí nhân công trực tiếp, được mở chi tiết cho từng đơn đặt

hàng. Bên cạnh đó là các tài khoản đối ứng như TK 334 - Phải trả người lao động và TK 338 - Phải trả, phải nộp khác và các tài khoản đối ứng liên quan.

Quy trình kế toán:

Tổ trưởng thực hiện chấm công cho các thành viên trong bộ phận thông qua Bảng chấm công (Phụ lục 06). Trên cơ sở bảng chấm công, kế toán lập bảng tính và phân bổ tiền lương (Phụ lục 07) và trích bảo hiểm xã hội. Dựa vào bảng chấm công và bảng phân bổ tiền lương, kế toán xác định số phải trả cho công nhân trong kỳ.

Căn cứ vào bảng tính và phân bổ tiền lương, kế toán chi phí nhân công trực tiếp ghi sổ Nhật ký chung, Sổ cái và ghi sổ Chi tiết chi phí nhân công trực tiếp (Phụ lục 08).

Chi phí nhân công trực tiếp được tập hợp chi tiết cho từng đơn đặt hàng sẽ giúp nhà quản trị có được thông tin chi phí nhân công hợp lý hơn cho việc kiểm soát chi phí của công ty. Tuy nhiên, việc ghi nhận chi phí nhân công trực tiếp như vậy chưa tuân theo nguyên tắc ghi nhận chi phí.

3.2.4. Kế toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung của Công ty là những khoản chi phí phát sinh trong phạm vi phân xưởng, phục vụ cho quá trình sản xuất sản phẩm, bộ phận, tổ đội sản xuất. Tuy nhiên, theo định hướng phát triển của công ty trong tương lai thì xu hướng CP khấu hao TSCĐ sẽ ngày càng tăng do công ty đầu tư mua sắm thêm trang thiết bị hiện đại.

Chi phí sản xuất chung của Công ty bao gồm:

Chi phí nguyên vật liệu: bao gồm chi phí vật liệu dùng cho phân xưởng sản xuất với mục đích quản lý như dầu chạy máy, các chi tiết kim khí, linh kiện, phụ kiện dùng trong quá trình lắp ráp,...

Chi phí dụng cụ sản xuất: là những loại chi phí dùng chung cho phân xưởng như cân điện tử, dụng cụ bảo hộ lao động, mũi khoan, lưỡi cắt, dao phay

dùng cho máy tự động hóa CNC, vòng bi, trục inox, khuôn đúc,... Loại này thường chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng chi phí sản xuất.

Chi phí khấu hao TSCĐ: Công ty sử dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng. Căn cứ vào nguyên giá tài sản, năm sử dụngm tỉ lệ khấu hao, kế toán lập bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Phụ lục 07). Thời gian khấu hao được tính như sau:

- Máy móc, thiết bị: 5-10 năm.
- Phương tiện vận tải: 8-10 năm.
- Thiết bị, dụng cụ quản lý: 5-6 năm.

TSCĐ trích khấu hao trong kỳ bao gồm cả TSCĐ chưa trích khấu hao hết từ kỳ trước chuyển sang và các TSCĐ tăng trong kỳ. Việc tính chi phí khấu hao theo đường thẳng tuy đơn giản nhưng không phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị. Do sản phẩm sản xuất của công ty chủ yếu dựa vào dây chuyền công nghệ, do đó, độ hao mòn của máy móc thiết bị là khác nhau nếu công suất sử dụng là khác nhau.

Đối với chi phí thiệt hại về sản phẩm hỏng, sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng, kế toán hạch toán toàn bộ chi phí về thiệt hại này vào chi phí SXKD trong kỳ để tính giá thành.

Chi phí dịch vụ mua ngoài: là những chi phí mua ngoài phục vụ chung cho sản xuất và quản lý phân xưởng như tiền điện, tiền nước, chi phí thuê nhà xưởng, chi phí thuê ngoài gia công,... Có loại đã nằm trong định mức ở mục chi phí nhiên liệu, vật liệu của phân xưởng, nhưng có những loại nằm ngoài định mức thì kế toán sẽ hạch toán thẳng vào chi phí SXC. Nếu chi phí phát sinh ngoài định mức thì kế toán sẽ hạch toán các khoản chi phí cũng tuân theo quy trình thanh toán của các loại chi phí khác.

Chi phí bằng tiền khác: là các khoản CP nằm ngoài các khoản chi phí kể trên như chi phí tiếp khách, họp ban quản lý, hội nghị tổng kết,... thì thủ tục kế

toán và thanh toán các khoản chi phí này cũng tuân theo quy trình như các loại chi phí khác.

Chứng từ kế toán sử dụng

Đề tập hợp chi phí sản xuất chung, kế toán sử dụng các chứng từ như bảng tính và phân bổ CCDC, bảng trích khấu hao TSCĐ, hóa đơn thương mại, phiếu chi,...

Tài khoản kế toán sử dụng

Đề tập hợp chi phí sản xuất chung của giai đoạn này kế toán sử dụng TK
627 “Chi phí sản xuất chung”. Tài khoản này được mở 5 tài khoản cấp 2:

TK 6271 “Chi phí nhân viên phân xưởng”

TK 6272 “Chi phí vật liệu”

TK 6273 “Chi phí dụng cụ sản xuất”

TK 6274 “Chi phí khấu hao TSCĐ”

TK 6277 “Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6278 “Chi phí bằng tiền khác”

Quy trình kế toán

Chi phí sản xuất chung có nhiều yếu tố khác nhau, mỗi yếu tố khi phát sinh có chứng từ phản ánh cụ thể và việc tập hợp chúng được thực hiện theo những trình tự nhất định.

Chi phí nhân viên quản lý phân xưởng bao gồm tiền lương chính, tiền lương phụ, phụ cấp lương, tiền thưởng của nhân viên quản lý và nhân viên phục vụ phân xưởng, các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý,...

được hạch toán vào TK 6271. Chứng từ ban đầu để hạch toán tiền lương nhân viên phân xưởng là bảng chấm công theo hình thức trả lương dựa vào thời gian, theo đó, tiền lương phải trả cho bộ phận này được tính căn cứ vào số ngày công theo công thức:

Tiền lương phải	Số ngày công thực	Đơn giá một
-----------------	-------------------	-------------

trả trong tháng = tế trong tháng x ngày công

Trên cơ sở bảng chấm công do tổ trưởng phân xưởng gửi lên, kế toán công ty lập bảng thanh toán lương cho bộ phận gián tiếp.

Chi phí NVL, CCDC dùng cho quản lý sản xuất: chi phí sản xuất chung về nguyên vật liệu của Công ty bao gồm các loại nguyên vật liệu như xăng, dầu chạy máy móc, keo dán, quần áo bảo hộ lao động,... Khi phát sinh nhu cầu sử dụng vật liệu cho sản xuất chung, thủ kho căn cứ vào phiếu yêu cầu đề xuất. Cuối tháng, kế toán tổng hợp lại để lập bảng tổng hợp xuất vật tư.

Chi phí khấu hao TSCĐ: Việc trích khấu hao ở Công ty hiện nay được thực hiện theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. TSCĐ của Công ty bao gồm những tài sản có giá trị lớn như máy móc, thiết bị, dây chuyền,... Mỗi tài sản được mở thẻ chi tiết và được theo dõi trên sổ chi tiết TSCĐ về nguyên giá, giá trị hao mòn, ngày bắt đầu tính khấu hao, kỳ tính khấu hao,... Hiện nay, TSCĐ tại Công ty đang được sử dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng. Hàng tháng nếu có phát sinh tăng hoặc giảm TSCĐ thì kế toán căn cứ vào chứng từ liên quan để cập nhật số liệu vào máy. Khi đó, trên cơ sở những TSCĐ có từ trước và những TSCĐ mới tăng hoặc giảm trong tháng và tùy thuộc tài sản đó thuộc bộ phận nào thì chương trình phần mềm kế toán sẽ tự tập hợp vào các tài khoản chi phí tương ứng. Việc tính khấu hao TSCĐ hàng tháng được kế toán tính toán và lập Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ (Phụ lục 09), sau đó, ghi sổ chi tiết TK 6274 “Chi phí khấu hao TSCĐ”.

Chi phí dịch vụ mua ngoài: Chi phí này bao gồm các chi phí như tiền điện, tiền nước, tiền thuê nhà xưởng, thuê ngoài sửa chữa máy móc, thuê ngoài vận chuyển, thuê ngoài gia công và các dịch vụ thuê ngoài khác. Kế toán căn cứ vào các hóa đơn GTGT, hợp đồng kinh tế để ghi sổ kế toán.

Chi phí bằng tiền khác: Chi phí này bao gồm chi phí an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy,...

3.2.5. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp, tính và kết chuyển giá thành sản phẩm

Do đặc điểm của từng sản phẩm và từng quy trình công nghệ, tổ chức sản xuất và yêu cầu quản lý của công ty, Công ty xác định đối tượng tính giá thành là đơn hàng sản xuất hoàn thành. Xuất phát từ nhu cầu sản xuất, kế toán xác định kỳ tính giá thành là từng đơn hàng sản xuất theo tháng.

Cuối tháng, căn cứ vào CPSX đã được tập hợp được ở từng phân xưởng cho từng đơn hàng trong sổ kế toán chi phí sản xuất để ghi vào bảng tính giá thành có liên quan. Khi sản phẩm hoàn thành thì toàn bộ chi phí được tập hợp cho đơn hàng đó sẽ là tổng giá thành của đơn hàng đó. Trong trường hợp đơn hàng nào chưa hoàn thành thì giá trị SPDD của đơn hàng là tổng các chi phí phát sinh trong quan hệ đối ứng Nợ TK 154 với Có TK 621, 622, 627 của từng đơn hàng đó vào thời điểm cuối tháng.

Việc tính giá thành sẽ chỉ được hình thành khi tất cả số sản phẩm theo đơn hàng đó đã hoàn thành. Tổng giá trị SPDD của tất cả các đơn hàng ở các phân xưởng là tổng giá trị sản phẩm dở dang của toàn công ty trong tháng.

Tài khoản sử dụng

Cuối kỳ, toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ của Công ty được hạch toán vào TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và được hạch toán chi tiết theo từng đơn đặt hàng.

Quy trình kế toán

Định kỳ vào thời điểm cuối tháng sau khi chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ đã tập hợp được, kế toán tổng hợp tiến hành kết chuyển chi phí từ các TK

621, TK 622, TK 627 sang TK 154. Kế toán ghi sổ chi tiết TK 154 và sổ cái TK 154 (Phụ lục 11).

Đánh giá sản phẩm dở dang

Do đặc thù của hoạt động sản xuất của Công ty là sản xuất theo đơn đặt hàng nên cuối kỳ kế toán, nếu đơn hàng chưa hoàn thành thì toàn bộ chi phí SXKD tính từ khi bắt đầu thực hiện đơn hàng cho đến thời điểm cuối mỗi kỳ kế toán đều là giá trị sản phẩm dở dang. Tại Công ty, mặc dù hàng tuần bộ phận phân xưởng báo cáo tiến độ thực hiện các đơn hàng nhưng công tác đánh giá sản phẩm dở dang lại được tiến hành khi kết thúc kỳ kế toán.

Tính giá thành sản phẩm

Do quy trình công nghệ sản xuất liên tục, khép kín nên đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành ở giai đoạn cuối cùng nên Công ty đã áp dụng phương pháp tính giá thành giản đơn.

Quy trình tính giá thành: Căn cứ vào sản phẩm dở dang đầu kỳ, chi phí sản xuất tập hợp được trong kỳ, sản lượng hoàn thành trong kỳ và chi phí sản phẩm dở dang cuối kỳ. Chi phí sản xuất chung được phân bổ theo nguyên vật liệu trực tiếp sản xuất của đơn hàng Bending JIG như sau:

$$\frac{241.033.780}{176.500.400} \times 88.974.340 = 121.505.795 \text{ (Việt Nam đồng)}$$

Bảng 3.1 : Bảng tổng hợp chi phí sản xuất đơn hàng Bending JIG

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Yếu tố chi phí	Số tiền
I- Chi phí trực tiếp	154.273.340
1. Chi phí nguyên vật liệu	88.974.340
- Vật liệu chính	67.774.040
- Vật liệu phụ	21.200.300
2. Chi phí nhân công	67.928.300

II-Chi phí chung	121.505.795
Tổng cộng	275.779.135

3.3. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty dưới góc độ kế toán quản trị

3.3.1. Phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

Công tác phân loại chi phí ở Công ty mới chỉ thực hiện phân loại chi phí theo khoản mục chi phí, theo nội dung kinh tế của chi phí và theo khả năng quy nạp chi phí. Cách phân loại này về cơ bản mới chỉ phục vụ cho kế toán tài chính, chưa có phân loại theo cách ứng xử chi phí, thẩm quyền ra quyết định, các loại chi phí trong lựa chọn các phương án đầu tư.

Như vậy, việc phân loại chi phí chưa đáp ứng được yêu cầu phân tích chi phí để phân tích hòa vốn, lập dự toán và ra quyết định kinh doanh, điều này chứng tỏ doanh nghiệp chưa thấy hết tầm quan trọng của việc ứng dụng thông tin của cách phân loại chi phí trong việc lập các báo cáo cung cấp thông tin, dẫn đến các doanh nghiệp sẽ không có cơ sở dữ liệu khoa học và sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc lựa chọn phương án sản xuất có hiệu quả, lựa chọn đơn đặt hàng có lợi, định giá bán sản phẩm thích hợp.

3.3.2. Tổ chức lập dự toán chi phí

Cũng giống như các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp khác, Công ty TNHH SH Tech Vina cũng sử dụng phương pháp lập dự toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm cho từng đơn hàng cụ thể để quản lý chi phí một cách hiệu quả hơn.

Phương pháp lập dự toán chi phí sản xuất

Mỗi đơn đặt hàng sản xuất đều được căn cứ trên khối lượng công việc hoàn thành để tiến hành lập dự toán sản xuất theo từng tháng, quý, năm. Phòng kế toán sẽ phối hợp cùng phòng kỹ thuật tiến hành lập kế hoạch chi phí. Kế hoạch chi phí sản xuất được lập cho từng đơn đặt hàng theo từng tháng hoặc

từng quý, trên cơ sở khối lượng công việc dự kiến hoàn thành trong quý hoặc tháng.

3.3.3. Tổ chức báo cáo chi phí

Báo cáo chi phí có thể xem như một bảng tổng hợp về tình hình chi phí phát sinh trong kỳ. Các báo cáo chi phí được lập nhằm mục đích cung cấp thông tin cho lãnh đạo Công ty về tình hình chi phí phát sinh trong kỳ, từ đó phục vụ đắc lực cho lãnh đạo công ty trong việc kiểm soát, đánh giá và ra các quyết định phù hợp, kịp thời, đảm bảo duy trì và nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Để lập báo cáo chi phí, kế toán cần căn cứ vào sổ chi tiết các khoản mục chi phí phát sinh trong kỳ, từ đó tiến hành liệt kê từng khoản mục hay yếu tố chi phí theo số tiền thực tế phát sinh.

Công ty vẫn chưa lập các báo cáo phục vụ cho kế toán quản trị chi phí và giá thành. Do vậy, không có số liệu so sánh, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành, tiết kiệm chi phí trong Công ty.

3.4. Đánh giá thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty TNHH SH Tech Vina

3.4.1. Những ưu điểm đạt được

Về phân loại chi phí:

Công ty đã phân loại chi phí theo nội dung và tính chất kinh tế của chi phí để cung cấp thông tin phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm và tập hợp chi phí theo từng chức năng hoạt động cũng như để cung cấp thông tin cho việc lập báo cáo theo các mặt hoạt động phù hợp.

Về phương pháp tập hợp chi phí sản xuất:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp đều được tập hợp đầy đủ chi tiết theo từng đơn đặt hàng. Đồng thời, kế toán vật tư cũng sẽ theo dõi khối lượng vật tư thực tế dùng cho đơn đặt hàng

dựa vào chứng từ được cung cấp bởi kế toán kho. Việc xác định chi phí phát sinh trong kỳ dựa vào báo cáo hàng tháng về khối lượng công việc hoàn thành

là tuân thủ theo đúng nguyên tắc phù hợp. Phương pháp tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, cung cấp thông tin có độ chính xác cao và kịp thời cho nhà quản trị có thể có được những thông tin để thấy được tình hình sử dụng và phát sinh cụ thể ở từng đơn đặt hàng đi vào phân tích để đưa ra quyết định kinh tế phù hợp với tình hình thực tế.

Chi phí nhân công trực tiếp: Công ty đã mở sổ kế toán theo dõi chi tiết tập hợp chi phí nhân công trực tiếp theo từng đơn đặt hàng, cho phép đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi phí cũng như giá thành cho từng đơn đặt hàng, từ đó tạo điều kiện cho doanh nghiệp quản lý chi phí và giá thành ngày càng tốt hơn.

Chi phí sản xuất chung: Do không tập hợp riêng cho từng đơn hàng nên Công ty đã phân bổ chi phí này cho từng đơn hàng theo tỷ lệ quy định.

Về phương pháp tính giá thành:

Phương pháp tính giá thành được Công ty sử dụng phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty theo đơn đặt hàng. Phương pháp này đã cung cấp cho nhà quản trị thông tin hợp lý về các chi phí thực tế phát sinh trong kỳ theo từng đơn đặt hàng là phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty.

3.4.2. Các bất cập trong hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm theo yêu cầu quản trị doanh nghiệp tại Công ty

3.4.2.1. Dưới góc độ kế toán tài chính

Về công tác phân loại chi phí:

Việc nhận diện, phân loại chi phí vẫn đứng trên góc độ kế toán tài chính nhằm thực hiện cung cấp thông tin cho kế toán tài chính. Công ty chỉ tiến hành phân loại theo yếu tố chi phí và khoản mục giá thành, không phân loại theo

cách ứng xử của chi phí. Như vậy, việc phân loại chi phí chưa đáp ứng được yêu cầu phân tích chi phí để phân tích hoàn vốn, lập dự toán, và ra quyết

định kinh doanh. Điều này chứng tỏ doanh nghiệp chưa thấy hết tầm quan trọng của việc ứng dụng thông tin của cách phân loại chi phí trong việc lập báo cáo cung cấp thông tin cho quá trình ra quyết định của Giám đốc. Do vậy, Giám đốc không thể có được thông tin về chi phí cố định, chi phí chìm, chi phí biến đổi, chi phí hỗn hợp,... từ đó mà các doanh nghiệp nói chung sẽ không có cơ sở khoa học và sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc lựa chọn phương án sản xuất có hiệu quả, lựa chọn đơn đặt hàng có lợi, định giá bán sản phẩm thích hợp.

Về luân chuyển chứng từ

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Vì vậy có nhiều hạn chế trong việc thu thập số liệu, chứng từ đôi khi còn chậm so với yêu cầu. Điều này gây ra sự thiếu chính xác, kịp thời trong quá trình hạch toán chi phí phát sinh trong kỳ và ảnh hưởng tới việc tham mưu cho lãnh đạo về vấn đề tài chính cũng như vấn đề phân tích hiệu quả kinh tế vào cuối kỳ, cuối năm.

Về kế toán chi phí sản xuất:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Công ty chưa phân tích tình hình quản lý sử dụng nguyên vật liệu. Trong khi đó nguyên vật liệu tại Công ty dùng vào sản xuất gồm nhiều loại: nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu, linh kiện,... chúng tham gia một lần vào chu kỳ sản xuất kinh doanh và cấu thành lên thực thể sản phẩm. Khi phát sinh nghiệp vụ xuất hay nhập nguyên vật liệu sản xuất trong kỳ, kế toán không phản ánh vào sổ kế toán ngay tại thời điểm phát sinh mà cuối tháng tập hợp rồi nhập số liệu vào sổ kế toán. Điều này không chỉ làm cho các nghiệp vụ phát sinh không được phản ánh một cách khách quan mà còn có thể dẫn đến làm mất hay bỏ sót chứng từ trong quá trình tập hợp.

Chi phí nhân công trực tiếp: Chi phí nhân này được giao khoán cho bộ phận xưởng nên có thể gian lận bằng cách kê khống nhân công hoặc Công ty không kiểm soát được thời gian làm việc, nghỉ ngơi hay tăng ca làm việc ngoài giờ. Công tác kế toán ở Công ty được thực hiện khá đầy đủ nhưng chưa theo dõi chi tiết tiền lương cho từng nhân viên.

Chi phí sản xuất chung: Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ đều kết chuyển hết trong kỳ. Mặt khác, Công ty không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, một hoạt động tất yếu xảy ra trong năm, đòi hỏi một khoản chi phí lớn, nhất là đối với những doanh nghiệp sản xuất vận hành liên tục như Công ty TNHH SH Tech Vina. Không trích trước khoản chi phí này sẽ gây ra biến động về chi phí sản xuất khi nó phát sinh, từ đó dẫn đến biến động về giá thành sản phẩm.

Toàn bộ chi phí khấu hao TSCĐ được phân bổ hết vào CPSXC trong kỳ mà không quan tâm đến mức sản xuất thực tế so với công suất bình thường.

Về công tác tính giá thành sản phẩm

Kế toán Công ty đang đồng nhất giá thành của thành phẩm sản xuất hoàn thành với giá thành của sản phẩm nhập kho. Thực tế, sản phẩm nhập kho phải tính thêm phần chi phí về đóng gói.

Báo cáo chi phí sản xuất và tính giá thành phục vụ cho việc quản trị doanh nghiệp đánh giá hiệu quả kinh tế và thành quả quản lý tại Công ty.

Hiện nay, Công ty chỉ thực hiện các báo cáo kế toán tài chính mà chưa thực hiện báo cáo kế toán quản trị. Công ty chưa có các báo cáo kiểm soát chi phí phục vụ cho việc đánh giá hiệu quả kinh tế và đánh giá trách nhiệm quản lý tại các bộ phận của Công ty. Công ty cũng chưa lập báo cáo bộ phận, chưa xây dựng các báo cáo phân tích sự biến động của biến phí và định phí; chưa đi vào

đánh giá, so sánh, phân tích các khoản mục chi phí thực tế phát sinh so với định mức nên không phát hiện được các nhân tố ảnh hưởng dẫn đến sự biến

động của các khoản mục chi phí này để đưa ra các biện pháp quản trị chi phí thích hợp.

3.4.2.2. Dưới góc độ kế toán quản trị

Hiện nay, Công ty vẫn chỉ chú trọng đến kế toán tài chính, chưa quan tâm đến lĩnh vực kế toán quản trị để cung cấp thông tin cho các nhà quản lý. Bộ máy kế toán cả Công ty chỉ đảm nhận chức năng của kế toán tài chính, không có bộ phận chuyên trách thực hiện chức năng của kế toán quản trị. Kế toán chi tiết tại Công ty cũng chỉ dừng lại ở việc cung cấp thông tin để lập các báo cáo tài chính. Hệ thống thu thập thông tin của Công ty cũng chỉ đáp ứng được như cầu cung cấp thông tin cho kế toán tài chính, chưa đáp ứng đủ nhu cầu thông tin cho kế toán quản trị.

Về cách phân loại chi phí phục vụ kế toán quản trị, công tác phân loại chi phí chưa đáp ứng được yêu cầu kế toán quản trị chi phí. Sở dĩ, công tác tổ chức kế toán quản trị chưa được quan tâm một cách đúng mức nên những ứng dụng kế toán quản trị vào kế toán chi phí chưa thực sự có ý nghĩa, cũng như chưa cung cấp một cách đầy đủ những thông tin cần thiết phục vụ cho việc ra quyết định quản trị của Giám đốc Công ty.

Về việc lập dự toán hầu như chưa được đề cập đến rõ ràng.

Về ứng dụng mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận trong khâu xác định giá bán sản phẩm sản xuất, hiện nay vẫn do phòng Kế hoạch - Vật tư xác định trên cơ sở thiết kế mà chưa căn cứ vào điều kiện và khả năng sản xuất hiện tại của Công ty.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Trong chương này, Luận văn đã nêu được tổng quát về đặc điểm hoạt động kinh doanh, về cơ cấu tổ chức quản lý, cũng như tình hình thực hiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH SH Tech Vina. Công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty được thể hiện qua việc phân loại chi phí, đặc điểm quản trị chi phí tại Công ty, thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Thực tế cho thấy hệ thống quản trị chi phí đã được thiết lập khá đủ yếu tố theo trình tự, nội dung kiểm soát của từng loại chi phí. Với tổ chức bộ máy quản lý sản xuất tương đối đầy đủ, rõ ràng trách nhiệm và quyền hạn, tổ chức hệ thống sổ sách, chứng từ, báo cáo, các thủ tục kiểm soát chặt chẽ, sát hợp với mô hình tổ chức quản lý, điều hành và đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, thực trạng hệ thống quản trị chi phí sản xuất của Công ty còn một số hạn chế, do đó, không cho phép phân tích biến động chi phí và quản trị chi phí. Luận văn đi vào phân tích, đánh giá ưu điểm và những bất cập còn tồn tại trong công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty, điều này là cơ sở để đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị chi phí tại Công ty TNHH SH Tech Vina. Qua nghiên cứu kế toán chi phí của đơn vị, vận dụng lý luận và những nghiên cứu trước, có thể rút ra những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung hoặc xây dựng mới nhằm giúp doanh nghiệp hoàn thiện hệ thống kế toán chi phí.

CHƯƠNG 4: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TẠI CÔNG TY TNHH SH TECH VINA

4.1. Nguyên tắc và yêu cầu hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị tại Công ty TNHH SH Tech Vina

4.1.1. Nguyên tắc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm phục vụ quản trị doanh nghiệp

Để đảm bảo yêu cầu của việc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty TNHH SH Tech Vina thì phải thực hiện quán triệt những nguyên tắc sau:

- Phù hợp với định hướng phát triển của doanh nghiệp
- Không làm xáo trộn về mặt tổ chức, nên dựa vào tổ chức bộ máy quản lý hiện tại để sắp xếp, bổ sung, điều chỉnh nội dung công việc cho phù hợp.
- Bảo đảm cho bộ máy kế toán hoạt động và vận hành bao quát được tất cả nội dung của kế toán tài chính và kế toán quản trị. Bộ phận kế toán tài chính đáp ứng yêu cầu của cơ quan chủ quản, thực hiện đúng nguyên tắc, chuẩn mực kế toán,... Bộ phận kế toán quản trị đáp ứng như cầu thông tin phục vụ cho việc điều hành, quản trị nội bộ doanh nghiệp.
- Cung cấp đầy đủ kịp thời, nhanh chóng các thông tin cần thiết cho các nhà quản lý doanh nghiệp điều hành quản lý và ra quyết định.
- Đảm bảo tính khả thi với doanh nghiệp, đảm bảo hài hòa giữa chi phí bỏ ra và lợi ích đem lại, đồng thời phải có khả năng áp dụng các công nghệ hiện đại.

4.1.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện

Việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH SH Tech Vina là rất cần thiết, song việc hoàn thành đó phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Nội dung hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị doanh nghiệp phải phù hợp với luật kế toán, chuẩn mực kế toán trong nước và quốc tế, tuân thủ các quy định của chế độ kế toán hiện hành.
- Nội dung hoàn thiện phải phù hợp với điều kiện hiện tại và sự phát triển của Công ty trong tương lai, trình độ chuyên môn, năng lực của cấp quản lý, nhân viên kế toán, cơ sở vật chất, định hướng và phát triển của Công ty.
- Nội dung hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời cho nhà quản lý đưa ra các quyết định điều hành sản xuất kinh doanh.
- Nội dung hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị doanh nghiệp phải đơn giản, khoa học, dễ thực hiện đối với người làm công tác kế toán, dễ hiểu đối với người sử dụng thông tin, dựa trên cơ sở kế thừa có chọn lọc những nội dung đã có để xây dựng những nội dung mới cho phù hợp.
- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận nhằm phản ánh một cách đầy đủ, khách quan tình hình kinh tế tài chính của Công ty. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, nền kinh tế Việt Nam đang trong quá trình hội nhập thế giới, hàng loạt chính sách kinh tế đang được hoàn chỉnh, bổ sung và sửa đổi. Trong điều kiện đó, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị doanh nghiệp, ngoài việc đảm bảo tính đặc thù của nền kinh tế Việt Nam còn phải đảm bảo phù hợp với các thông lệ, chuẩn mực quốc tế.
- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất quy trình công nghệ và quy mô của Công ty. Mỗi ngành nghề sản xuất, kinh doanh đều

có đặc điểm riêng về quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm, có những sản phẩm riêng biệt. Điều đó ảnh hưởng tới kết cấu của chi phí sản xuất cũng như đối

tượng của kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm. Vì vậy, hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH SH Tech Vina cần căn cứ vào đặc điểm của sản phẩm để xác định tính chất, nội dung, phương pháp tập hợp chi phí và tính giá thành cho phù hợp, nhằm nâng cao hiệu quả của công tác kế toán.

- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu hiệu quả và mang tính khả thi. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đề ra bất kỳ một phương án cụ thể đều phải quán triệt nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả kinh tế cao. Vì vậy, hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở Công ty TNHH SH Tech Vina cần căn cứ vào đặc điểm cụ thể của đơn vị để đưa ra những giải pháp hoàn thiện hợp lý và khoa học nhằm tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả, cũng như đảm bảo tính khả thi của phương án đề xuất.

4.2. Một số giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phục vụ quản trị doanh nghiệp

4.2.1. Dưới góc độ kế toán tài chính

4.2.1.1. Hoàn thiện về kế toán chi phí sản xuất

Hoàn thiện lập dự toán chi phí sản xuất

Lập dự toán chi phí sản xuất là việc dự toán chi tiết theo định kỳ và được biểu diễn theo hệ thống yêu cầu quản lý cụ thể. Dự toán phải được lập trên nguồn thông tin từ nhiều phía, sử dụng một cách đồng bộ cùng khả năng phân tích, dự đoán của người lập dự toán. Thông qua dự toán chi phí sản xuất sẽ xác định được chi phí bỏ ra cho một thành phẩm là bao nhiêu, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch vật tư, tiền vốn, nhân công,... phục vụ cho quá trình sản xuất. Để có thể lập dự toán chi phí sản xuất để so sánh kế hoạch với chi phí thực tế phát sinh trong quá trình sản xuất.

Về chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Công ty cần thường xuyên thực hiện việc phân tích quản lý và sử dụng nguyên vật liệu. Thông qua việc phân tích tình hình về tổng thể khối lượng nguyên vật liệu, phân tích tình hình cung cấp các loại nguyên vật liệu chủ yếu sẽ giúp Công ty thấy rõ được ưu điểm, nhược điểm trong công tác cung cấp nguyên vật liệu, có biện pháp đảm bảo cung cấp đầy đủ kịp thời, đúng chủng loại, quy cách, phẩm chất tránh tình trạng cung cấp thiếu nguyên vật liệu làm gián đoạn sản xuất hoặc thừa nguyên vật liệu gây ứ đọng vốn.

Công ty cần xây dựng kế hoạch sản xuất và thu mua nguyên vật liệu, trong đó xác định được chủng loại nguyên vật liệu chủ yếu như nhôm, nhựa các loại,... về số lượng và chất lượng. Từ đó có thể chủ động nguyên vật liệu cho nhu cầu của khách hàng.

Khi phát sinh nghiệp vụ xuất hay nhập nguyên vật liệu dùng cho sản xuất thì kế toán nên phản ánh vào sổ kế toán ngay tại thời điểm phát sinh, không nên để tình trạng các phiếu nhập xuất nguyên vật liệu trong tháng được tập hợp lại và cuối tháng thủ kho chuyển lên cho kế toán để tiến hành phản ánh vào sổ, tránh tình trạng làm mất hay bỏ sót chứng từ.

Chi phí nhân công trực tiếp

Quản đốc phân xưởng phải thường xuyên kiểm tra việc chấm công hàng ngày. Cuối mỗi tháng, bảng chấm công được chuyển lên để kiểm tra tính chính xác, hợp lệ rồi chuyển về phòng kế toán Công ty kiểm tra lại và lập bảng thanh toán tiền lương cho công nhân. Bảng thanh toán tiền lương được chuyển cho quản đốc phân xưởng kiểm tra, ký duyệt rồi tiến hành thanh toán.

Công ty đang áp dụng hình thức trả lương theo thời gian khiến cho người lao động còn tìm nhiều cách để gian lận về thời gian làm việc, do đó, để sản

xuất đạt hiệu quả cao hơn Công ty nên áp dụng hình thức lương theo sản phẩm hoặc khoán theo từng đơn đặt hàng.

Chi phí sản xuất chung

Chi phí khấu hao TSCĐ là khoản chi phí chung cố định, vì vậy, chi phí này phải được phân bổ cho mỗi đơn vị sản phẩm dựa trên công suất bình thường của máy móc, thiết bị. Trường hợp mức sản phẩm thực tế sản xuất thấp hơn mức công suất bình thường, phần chi phí không được phân bổ theo mức công suất bình thường thì chỉ được phân bổ theo mức công suất bình thường, phần chi phí không được phân bổ được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ (ghi nhận vào giá vốn hàng bán).

Theo đó, để khắc phục tình trạng phân bổ chi phí sản xuất chung không phù hợp với tình hình vận hành thực tế của máy móc thiết bị, Công ty nên thay thế bằng cách hạch toán khác. Xuất phát từ đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất và công tác kế toán chi phí khấu hao TSCĐ. Công ty có thể thực hiện tính khấu hao TSCĐ vào chi phí sản xuất, căn cứ vào công suất hoạt động thực tế của máy móc, thiết bị. Cụ thể như sau:

Cuối tháng, sau khi tổng hợp toàn bộ chi phí sản xuất chung, kế toán không phân bổ chi phí khấu hao ngay mà căn cứ vào công suất hoạt động thực tế của máy móc, thiết bị trong tháng để tính ra phần chi phí khấu hao TSCĐ phân bổ vào chi phí sản xuất sản phẩm và phần chi phí khấu hao vượt trên mức bình thường sẽ được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo công thức:

$$\begin{array}{lcl}
 \begin{array}{l} \text{Chi phí khấu hao} \\ \text{TSCĐ tính vào chi phí} \\ \text{sản xuất sản phẩm} \end{array} & = & \begin{array}{l} \text{Tổng chi phí khấu} \\ \text{hao TSCĐ của sản} \\ \text{phẩm i trong tháng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Công suất hoạt động} \\ \text{thực tế của máy móc} \\ \text{sản xuất sản phẩm i} \end{array} \\
 \begin{array}{l} \text{Chi phí khấu hao của tài sản} \\ \text{i không được tính vào chi} \\ \text{phí sản xuất sản phẩm} \end{array} & = & \begin{array}{l} \text{Tổng chi phí khấu} \\ \text{hao của sản phẩm i} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí khấu hao tính} \\ \text{vào chi phí chế biến} \\ \text{sản phẩm i} \end{array}
 \end{array}$$

Sau đó, tính chi phí sản xuất chung được phân bổ vào chi phí sản xuất sản phẩm trong tháng:

Chi phí sản xuất chung được tính vào chi phí = sản xuất sản phẩm	Tổng chi phí sản xuất chung trong tháng	Tổng chi phí khấu hao - không được tính vào chi phí sản xuất sản phẩm
--	--	---

Kế toán sử dụng kết quả về chi phí khấu hao và chi phí sản xuất chung được phân bổ vào chi phí chế biến để phân bổ cho từng loại sản phẩm theo như trình tự mà Công ty đang thực hiện. Đối với chi phí sửa chữa lớn TSCĐ

Khi phát sinh chi phí, kế toán ghi:

Nợ TK 2413

Nợ TK 1332 (nếu có)

Có TK 111, 112, 331,...

Khi sửa chữa lớn hoàn thành, kế toán phải tính giá thành thực tế của từng công trình sửa chữa lớn để quyết toán số chi phí này theo các trường hợp sau:

- Trường hợp chi phí sửa chữa lớn TSCĐ có giá trị nhỏ, kết chuyển toàn bộ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Nợ TK 627 Có

TK 2413

- Trường hợp sửa chữa lớn TSCĐ có giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, khi công việc sửa chữa lớn hoàn thành thì tiến hành phân bổ vào tài khoản chi phí trả trước để phân bổ dần.

Nợ TK 242 Có

TK 2413

- Trường hợp sửa chữa lớn hoặc cải tạo, nâng cấp thỏa mãn điều kiện ghi tăng nguyên giá TSCĐ.

Nợ TK 211 Có

TK 2413

4.2.1.2. Hoàn thiện về phân bổ chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung gồm hai loại là chi phí cố định và chi phí biến đổi. Trong trường hợp không xác định được chi phí sản xuất chung cho từng đơn hàng, Công ty cần phân bổ chi phí sản xuất chung cho các đơn hàng theo phương pháp hạch toán chi phí theo hoạt động (phương pháp ABC). Theo phương pháp này, các hoạt động phục vụ sản xuất làm phát sinh chi phí sản xuất chung gồm các hoạt động: thiết kế đơn đặt hàng, mua vật tư, chế tạo sản phẩm, kiểm tra sản phẩm, đóng gói và vận chuyển sản phẩm. Các chi phí sản xuất chung cần hạch toán theo từng hoạt động và phân bổ cho các đơn hàng theo số lượng các hoạt động sử dụng cho mỗi đơn hàng.

Bảng 4.1: Bảng đề xuất tiêu thức phân bổ theo hoạt động

TT	Hoạt động	Tiêu thức phân bổ
1	Thiết kế đơn hàng	Số lượng đơn
2	Mua vật tư	Số lần mua
3	Chế tạo sản phẩm	Giờ máy chạy
4	Kiểm tra sản phẩm	Số sản phẩm được kiểm tra
5	Đóng gói và vận chuyển	Số lần vận chuyển

4.2.1.3. Hoàn thiện về tính giá thành sản phẩm

Khi sản xuất sản tạo ra thành phẩm nhập kho kế toán xác định giá thành, nhưng thực chất sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng đã được đóng gói cẩn thận, vì vậy khi tính giá thành sản phẩm phải bao gồm chi phí đóng gói, mà không phải như hiện tại Công ty đưa vào chi phí bán hàng.

Hiện tại, Công ty chỉ tính giá thành phục vụ cho lập báo cáo tài chính theo phương pháp hạch toán chi phí đầy đủ. Để phục vụ cho quản trị doanh nghiệp,

Công ty cần áp dụng phương pháp tính giá thành theo chi phí biến đổi. Theo phương pháp này, giá thành sản phẩm chỉ bao gồm các chi phí biến

đổi như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung biến đổi. Đây là những thông tin quan trọng để lập báo cáo thu nhập theo lãi gộp cho các loại sản phẩm và theo từng bộ phận sản xuất.

4.2.2. Dưới góc độ kế toán quản trị

4.2.2.1. Hoàn thiện về phân loại chi phí

Việc phân loại chi phí phải hướng tới đáp ứng nhu cầu thông tin của nhà quản trị, không chỉ đơn thuần phục vụ kiểm tra, giám sát chi phí mà còn phải hướng tới việc ra quyết định của nhà quản trị.

Như đã phân tích ở chương 3, hiện nay Công ty phân loại chi phí theo ba khoản mục chi phí, đó là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung. Để phục vụ cho yêu cầu quản lý chi phí, Công ty cần bổ sung thêm một số cách phân loại như sau:

- Phân loại theo mối quan hệ với đối tượng chịu chi phí (chi phí trực tiếp, chi phí gián tiếp). Cách phân loại này sẽ giúp nhà quản trị nhận dạng được chi phí gián tiếp để có tiêu thức phân bổ thích hợp tạo cơ sở cho việc tính giá thành được chính xác. Ngoài ra, nhà quản trị có thể kiểm soát chi phí tốt hơn.

Các chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất sản phẩm hoặc thực hiện các đơn đặt hàng và do vậy có thể tính trực tiếp cho từng loại sản phẩm hay từng đơn đặt hàng thì được gọi là chi phí trực tiếp. Ngược lại, các chi phí phát sinh do mục đích phục vụ và quản lý chung, liên quan đến việc sản xuất và tiêu thụ nhiều loại sản phẩm, nhiều đơn đặt hàng cần tiến hành phân bổ cho các đối tượng sử dụng chi phí theo các tiêu thức phân bổ được gọi là chi phí gián tiếp.

- Phân loại chi phí kiểm soát được và chi phí không kiểm soát được. Cách phân loại này được sử dụng để đánh giá thành quả quản lý của từng trung

tâm chi phí tại Công ty, những chi phí kiểm soát được tại trung tâm chi phí sẽ được đưa vào báo cáo kiểm soát thành quả quản lý tại trung tâm đó.

Bảng 4.2: Bảng đề xuất phân loại chi phí tại Công ty

TT	Các khoản chi phí	Tài khoản	Theo mối quan hệ với đối tượng chịu chi phí		Chi phí kiểm soát được và không kiểm soát được	
			Chi phí trực tiếp	Chi phí gián tiếp	Kiểm soát được	Không kiểm soát được
I	Chi phí NVL trực tiếp	621	x		x	x
II	Chi phí nhân công trực tiếp	622	x		x	x
III	Chi phí sản xuất chung	627		x		
1	Chi phí nhân viên quản lý	6271		x	x	
2	Khấu hao TSCĐ	6272		x	x	
3	Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ	6273		x	x	x
4	Chi phí CCDC	6274		x	x	
5	Chi phí thuê văn phòng	6275		x	x	
6	Chi phí dịch vụ mua ngoài	6277		x	x	
7	Chi phí bằng tiền khác	6278		x	x	x

Đây là một phương pháp phân loại chi phí có thể hữu ích trong việc kiểm soát chi phí. Phương pháp phân loại này dựa trên khả năng kiểm soát chi phí đối với các nhà quản lý. Nếu một nhà quản lý có thể kiểm soát hoặc quyết định về một loại chi phí, thì chi phí ấy được gọi là chi phí kiểm soát được bởi nhà quản lý đó. Ngược lại, chi phí mà nhà quản lý không có khả năng kiểm soát hoặc gây ảnh hưởng lớn lên nó thì được phân loại là chi phí không kiểm soát được đối với nhà quản lý đó.

Ngoài các phương pháp phân loại trên công ty cần phân loại các chi phí phát sinh theo từng hợp đồng thành chi phí cố định và chi phí biến đổi để thuận tiện cho việc lập dự toán, phân tích chi phí, xác định điểm hòa vốn, quyết định giá bán và lựa chọn phương án kinh doanh tối ưu. Theo phương

pháp phân loại chi phí này, các chi phí vật liệu trực tiếp và nhân công trực tiếp thay đổi tỷ lệ thuận với số lượng sản phẩm sản xuất của từng đơn hàng sẽ được phân loại là chi phí biến đổi. Các chi phí không thay đổi tỷ lệ với số lượng sản phẩm sản xuất của từng đơn đặt hàng là các chi phí cố định. Công ty cũng cần phân loại các chi phí cố định trực tiếp và chi phí cố định chung để lập báo cáo bộ phận phục vụ cho đánh giá hiệu quả hoạt động của các bộ phận trong Công ty. Theo đó, những chi phí phát sinh không phụ thuộc vào đơn hàng có được thực hiện hay không là chi phí cố định chung, các chi phí cố định phát sinh gắn liền với việc thực hiện các đơn hàng là chi phí cố định trực tiếp. Đối với chi phí sản xuất chung, nếu không xác định được các chi phí là chi phí biến đổi hay chi phí cố định thì có thể hạch toán chung, sau đó sử dụng một trong các phương pháp là phương pháp cực đại – cực tiểu hoặc phương pháp bình phương bé nhất để phân tích thành chi phí cố định và chi phí biến đổi. Theo cách phân loại này, các chi phí sản xuất trong Công ty sẽ được phân loại như sau:

Bảng 4.3: Bảng phân loại chi phí sản xuất trong Công ty

TT	Chi phí	Chi phí biến đổi	Chi phí cố định	Chi phí hỗn hợp
I	Chi phí NVL trực tiếp	x		
II	Chi phí nhân công trực tiếp	x		
III	Chi phí sản xuất chung			
1	Chi phí nhân viên quản lý			x
2	Khấu hao TSCĐ		x	
3	Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ	x		
4	Chi phí CCDC	x		
5	Chi phí thuê văn phòng			x
6	Chi phí dịch vụ mua ngoài	x		
7	Chi phí bằng tiền khác	x		



4.2.2.2. Báo cáo kiểm soát chi phí

- Mỗi bộ phận phát sinh chi phí sẽ được lập một báo cáo kiểm soát.
- Các chi phí được đưa vào báo cáo là toàn bộ chi phí phát sinh tại bộ phận cần kiểm soát chi phí.
- Thời kỳ lập báo cáo là thời kỳ ngắn nhất mà nhà quản trị có thể can thiệp một cách hữu ích vào các chi phí phát sinh tại bộ phận đó, không nhất thiết là tháng, quý hay năm.

Báo cáo kiểm soát chi phí nguyên vật liệu

Việc mua nguyên vật liệu của Công ty do phòng kế toán đảm nhận, để kiểm soát nguyên vật liệu mua vào nhằm kiểm soát số lượng, giá trị nguyên vật liệu mua vào trong kỳ để đánh giá trách nhiệm của bộ phận thu mua và bộ phận tiếp nhận.

Bảng 4.4: Bảng tổng hợp đề xuất các báo cáo kiểm soát chi phí nguyên vật liệu chủ yếu tại Công ty.

TT	Loại báo cáo	Bộ phận lập	Trách nhiệm bộ phận liên quan
1	Bảng kê NVL mua	Kế toán kho, bộ phận vật tư	Phòng Kế hoạch – Vật tư, Đội sản xuất
2	Bảng định mức NVL	Phòng Kỹ thuật	Đội sản xuất, Phòng Thiết kế, Phòng Kế hoạch – Vật tư
3	Giấy đề nghị mua vật tư	Kế toán kho	Đội Sản xuất, Phòng Kế hoạch – Vật tư
4	Hóa đơn mua vật tư	Phòng Kế hoạch – Vật tư	Kế toán kho, Đội sản xuất

Hàng ngày, căn cứ trên kế hoạch sản xuất và định mức tiêu hao nguyên vật liệu, kế toán kho lập giấy đề nghị mua vật tư và chuyển đến bộ phận kế

hoạch – vật tư. Để đánh giá tình hình thực hiện định mức tiêu hao nguyên vật liệu, đánh giá chất lượng nguyên vật liệu mua vào, trình độ tay nghề của công

nhân và ý thức tiết kiệm hay lãng phí nguyên vật liệu của bộ phận sản xuất thì cuối tháng phòng kế hoạch – vật tư lập báo cáo tình hình thực hiện định mức nguyên vật liệu.

Báo cáo kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp

Để kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty nên kiểm soát thời gian làm việc của từng người lao động qua bảng chấm công, kiểm soát năng suất lao động của từng lao động thông qua báo cáo kết quả sản xuất, kiểm soát chi phí tiền lương thông qua bảng thanh toán lương.

Bảng 4.5: Bảng tổng hợp đề xuất các báo cáo kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp chủ yếu tại Công ty.

TT	Loại báo cáo	Bộ phận lập	Nội dung kiểm soát
1	Bảng chấm công	Đội sản xuất	Kiểm soát ngày công lao động trong tháng
2	Báo cáo kết quả SX	Phòng Kỹ thuật	Kiểm soát năng suất lao động của đội sản xuất
3	Bảng thanh toán lương	Phòng Kế toán	Kiểm soát chi phí tiền lương ở từng bộ phận

Báo cáo kiểm soát chi phí sản xuất chung

Đối với hoạt động sản xuất, chi phí sản xuất chung là chi phí phục vụ đội ngũ quản lý phân xưởng bao gồm lương nhân viên quản lý phân xưởng, phụ cấp hàng tháng cho các nhân viên, các khoản trích theo lương, chi phí khấu hao TSCĐ cho hoạt động sản xuất, chi phí sửa chữa, chi phí thuê ngoài, chi phí điện nước,...

Công ty nên lập bảng tổng hợp các báo cáo để kiểm soát chi phí cho hiệu quả hơn. Từ bảng tổng hợp Công ty có thể tập hợp được nhanh chóng các báo

cáo có thể kiểm soát chi phí để cung cấp thông tin cho nhà quản trị phục vụ việc quản trị chi phí hợp lý hiệu quả, phù hợp với điều kiện của Công ty.

Bảng 4.6: Bảng tổng hợp đề xuất các báo cáo kiểm soát chi phí sản xuất chung chủ yếu tại Công ty

TT	Loại báo cáo	Bộ phận lập	Nội dung kiểm soát
1	Bảng chấm công	Phòng kế toán	Kiểm soát ngày công lao động trong tháng của nhân viên quản lý phân xưởng
2	Báo cáo chi phí dịch vụ mua ngoài	Phòng Kế hoạch – Vật tư	Kiểm soát chi phí mua ngoài sử dụng cho đội sản xuất
3	Báo cáo chi phí sửa chữa thiết bị	Phòng Kế hoạch – Vật tư	Kiểm soát chi phí sửa chữa máy móc, thiết bị của đội sản xuất
4	Bảng tổng hợp khấu hao	Phòng Kế toán	Kiểm soát chi phí khấu hao tại phân xưởng

4.2.2.3. Báo cáo phân tích, đánh giá việc thực hiện chi phí phục vụ quản trị chi phí

Báo cáo chi phí được lập với mục đích nhằm giúp các nhà quản trị kiểm soát tình hình thực hiện dự toán cho phí trong kỳ, đánh giá trách nhiệm của các bộ phận liên quan, đồng thời cũng là cơ sở để lập dự toán cho kỳ tới. Tuy nhiên, tại công ty, việc lập báo cáo chi phí vẫn chưa nêu rõ chiều hướng biến động của các chi phí và nguyên nhân của các biến động, chưa gắn được trách nhiệm quản lý với yêu cầu kiểm soát chi phí. Vì vậy, tại công ty nên lập báo cáo phân tích, đánh giá chi phí để phục vụ yêu cầu của nhà quản trị.

Dựa theo yêu cầu cung cấp thông tin của nhà quản trị mà kế toán chi phí lập các báo cáo chi phí theo mức độ chi tiết hay tổng hợp khác nhau. Có thể lập các báo cáo chi phí cho từng xưởng, bộ phận, phòng ban, từng loại hoặc nhóm sản phẩm. Các báo cáo phân tích, đánh giá chi phí bao gồm báo cáo về chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung. Báo cáo phân tích chi phí được thiết kế gồm ba yếu tố: (1) Chỉ tiêu chi

phí cần kiểm soát; (2) Cơ sở để so sánh bao gồm kỳ gốc là chi phí dự toán và kỳ phân tích là kỳ thực tế; (3) Kết quả so sánh là phần chênh lệch giữ chi phí thực tế so với dự toán.

Báo cáo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Để kiểm soát chi phí nguyên vật liệu, bộ phận sản xuất cần lập và báo cáo về tình hình sử dụng nguyên vật liệu tại Công ty. Nhà quản trị căn cứ vào báo cáo của các phân xưởng sản xuất tiến hành lập báo cáo về tình hình thực hiện chi phí nguyên vật liệu trực tiếp nhằm xác định mức biến động nguyên vật liệu. Từ đó xác định nguyên nhân và có biện pháp xử lý kịp thời.

Báo cáo chi phí nhân công trực tiếp sản xuất

Công ty phải thường xuyên theo dõi về khối lượng thực hiện, chất lượng và tay nghề của công nhân nhằm đảm bảo chất lượng của sản phẩm, kế hoạch sản xuất và tránh được sự lãng phí về nguyên vật liệu do trình độ tay nghề của công nhân thấp. Công ty cần thiết lập báo cáo tình hình thực hiện chi phí nhân công trực tiếp để đánh giá sự biến động của chi phí nhân công trực tiếp để đánh giá sự biến động, qua đó kiểm tra tính hợp lý của việc tuyển dụng và sử dụng lao động. Ngoài ra, qua báo cáo này sẽ đánh giá được việc chi trả lương cho người lao động có hiệu quả so với kế hoạch, có đảm bảo kết hợp lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của người lao động, từ đó tìm ra các nguyên nhân gây nên sự biến động của chi phí nhân công trực tiếp và có các biện pháp kiểm soát thích hợp.

Báo cáo chi phí sản xuất chung

Căn cứ và số liệu thực tế của chi phí sản xuất chung và số liệu kế hoạch để lập báo cáo tình hình thực hiện chi phí sản xuất chung nhằm giúp nhà quản trị kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện loại chi phí này. Mỗi yếu tố có biến

động đều được xem xét sự ảnh hưởng của các nhân tố, từ đó tìm ra nguyên nhân của các biến động và có biện pháp quản lý thích hợp.

Báo cáo so sánh giá thành thực tế và giá thành dự toán

Căn cứ vào giá thành thực tế của công trình và số liệu dự toán định mức nhằm giúp nhà quản trị kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các loại chi phí phát sinh. Mỗi yếu tố có biến động đều được xem xét sự ảnh hưởng của các nhân tố, từ đó tìm ra nguyên nhân của các biến động và có biện pháp quản lý thích hợp.

Giá thành dự toán là mục tiêu phấn đấu của doanh nghiệp, là căn cứ để so sánh, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện hạ giá thành sản phẩm của doanh nghiệp. Giá thành thực tế lại là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh kết quả phấn đấu của doanh nghiệp trong việc tổ chức và áp dụng các giải pháp đó, và cũng là cơ sở để xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước.

Báo cáo tình hình chi phí theo cách phân loại chi phí mới

Công ty nên lập bảng phân loại chi phí theo cách phân loại mới mà tác giả đề xuất để có thể phục vụ tốt hơn cho công tác quản trị chi phí.

Bảng phân tích chi phí sản xuất theo cách phân loại chi phí gián tiếp và trực tiếp; chi phí kiểm soát được và không kiểm soát được cung cấp cho nhà quản trị những thông tin cụ thể hơn về chi phí, giúp nhà quản trị có thể biết được chi phí nào có thể kiểm soát được, chi phí nào không thể kiểm soát được, từ đó có biện pháp phù hợp hơn để kiểm soát những chi phí này.

4.3. Kiến nghị

4.3.1. Kiến nghị với Nhà nước

Một là, Nhà nước cần hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh tế, tài chính, hoàn thiện chế độ kế toán hiện hành sao cho vừa phù hợp với nền kinh tế thị

trường trong điều kiện Việt Nam, vừa phù hợp với các thông lệ, chuẩn mực kế toán quốc tế.

Đối với kế toán tài chính: Đến nay luật kế toán, hệ thống chuẩn mực kế toán, thông tư hướng dẫn chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp đã được ban hành tương đối đầy đủ và cụ thể. Tuy nhiên, có thể nói, chuẩn mực kế toán vẫn chưa được các doanh nghiệp tuân thủ đầy đủ trong thực tế vì đa phần các chuẩn mực đều rất trừu tượng, khó hiểu. Vì vậy, ngoài những Thông tư hướng dẫn, Nhà nước nên ban hành những tài liệu hướng dẫn cụ thể hơn, đặc biệt có các ví dụ minh họa cụ thể để doanh nghiệp hiểu và vận dụng vào thực tế của đơn vị mình một cách chính xác hơn.

Đối với kế toán quản trị: Nhà nước cần cho doanh nghiệp thấy được vai trò quan trọng của kế toán quản trị, đặc biệt là kế toán quản trị chi phí - giá thành, phân tích tình hình tài chính trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong xu hướng toàn cầu hóa hiện nay.

Hai là, cần có sự thống nhất về quan điểm, nội dung, chương trình giảng dạy về kế toán tại các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp. Cập nhật kiến thức, kinh nghiệm tổ chức kế toán của các doanh nghiệp thực tế vào chương trình giảng dạy, nhằm cung cấp những kiến thức bổ ích cho nguồn nhân lực làm công tác kế toán trong tương lai.

Ba là, khuyến khích phát triển các dịch vụ tư vấn về kế toán. Đối với doanh nghiệp có đội ngũ kế toán chưa đủ trình độ thì việc tư vấn của các tổ chức dịch vụ là chìa khóa để doanh nghiệp tháo gỡ những vướng mắc và tổ chức công tác kế toán tốt hơn.

Bốn là, Nhà nước nên tạo điều kiện cho các doanh nghiệp giao lưu với các doanh nghiệp của các nước trong khu vực và trên thế giới để học hỏi và tiếp thu kinh nghiệm tiên tiến về tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp để từ đó nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ kế toán trong doanh nghiệp.

4.3.2. Kiến nghị đối với doanh nghiệp

Một là, trên cơ sở hệ thống kế toán Nhà nước đã ban hành, Công ty cần căn cứ vào đặc điểm cụ thể về loại hình sản xuất kinh doanh của mình để lập quy trình thực hiện công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm cho phù hợp, đồng thời phải quy định đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể của từng bộ phận.

Hai là, đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là cán bộ kế toán. Công ty cần thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ kế toán, đồng thời cập nhật chính sách, chế độ mới cho đội ngũ kế toán. Đặc biệt, tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin trong kế toán nhằm nâng cao năng suất lao động trong công việc kế toán và cung cấp thông tin kế toán đầy đủ, kịp thời, chính xác, phục vụ cho yêu cầu quản trị của Công ty.

Ba là, về vấn đề quản lý. Tăng cường hơn nữa công tác quản lý tài chính kế toán ở từng bộ phận, phân xưởng của Công ty. Định kỳ phòng kế toán của Công ty phải kiểm tra quá trình tập hợp chi phí của từng phân xưởng, phòng ban. Đồng thời, nhân viên kế toán phụ trách phân hành chi phí và tính giá thành sản phẩm phải thường xuyên kiểm tra, đối chiếu tài liệu thực tế để đảm bảo tính chính xác của số liệu.

Bốn là, về cơ sở vật chất và công cụ. Ngoài việc tăng cường cơ sở vật chất phục vụ cho công tác kế toán như máy tính, mạng thông tin,... cần xây dựng và áp dụng một phần mềm kế toán thống nhất trong Công ty. Từ đó, tùy theo tình hình sản xuất và đặc thù của Công ty để thiết kế các điều khoản, tài khoản, sổ chi tiết liên quan nhằm theo dõi chi tiết về giá vốn, trị giá hàng tồn kho,... từ đó giúp cho kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành hiệu quả hơn.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 4

Với thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH SH Tech Vina, đề tài đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện và khắc phục các hạn chế của mảng kế toán này. Công ty cần hoàn thiện các vấn đề sau: hoàn thiện phân loại chi phí; hoàn thiện phương pháp tổng hợp chi phí, tính giá thành; và hoàn thiện báo cáo chi phí sản xuất và tính giá thành phục vụ quản trị chi phí. Cụ thể, kế toán chi phí tại Công ty cần lựa chọn tiêu thức phân loại chi phí sản xuất thích hợp làm cơ sở cho việc tổng hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm. Hoàn thiện hệ thống báo cáo kiểm soát chi phí để đánh giá thành quả hoạt động của các bộ phận trong Công ty.

Hoàn thiện hệ thống kế toán chi phí và tính giá thành là cần thiết bởi tính quan trọng của nó, nhưng để phát huy hiệu quả còn phụ thuộc vào thái độ của các cấp quản lý. Hiện nay, với các giải pháp hoàn thiện mà tác giả đưa ra là cơ sở cho Giám đốc Công ty trong việc kiểm soát và cắt giảm chi phí trong điều kiện gia nhập kinh tế quốc tế như hiện nay, chịu áp lực cạnh tranh rất mạnh về giá.

KẾT LUẬN

Trong xu thế toàn cầu hóa, cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ, các doanh nghiệp Việt Nam đứng trước yêu cầu phải nâng cao năng lực hiệu quả quản lý, tiết kiệm chi phí để tồn tại, đứng vững và phát triển trước sự cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế thị trường. Kế toán chi phí và tính giá thành đóng vai trò hết sức quan trọng, ngoài việc doanh nghiệp cạnh tranh về mặt chất lượng thì chiến lược về giá cũng quyết định sự thành bại của doanh nghiệp. Điều này đòi hỏi thông tin kế toán chi phí và tính giá thành phải ngày càng nhanh chóng, kịp thời và đáng tin cậy.

Tuy nhiên, công tác kế toán chi phí và tính giá thành tại Công ty TNHH SH Tech Vina hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế, chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu quản trị chi phí. Do đó, hệ thống kế toán chi phí và tính giá thành tại Công ty cần được khắc phục những hạn chế để đáp ứng điều kiện kinh doanh hiện nay.

Trước những yêu cầu thực tế khách quan cùng với việc áp dụng các biện pháp nghiên cứu linh hoạt, tác giả đã hoàn thành đề tài “Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty TNHH SH Tech Vina” với các nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, luận văn nghiên cứu, khái quát những cơ sở lý thuyết về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất nói chung bao gồm: bản chất, nội dung, các cách phân loại chi phí, giá thành, đối tượng tập hợp chi phí, đối tượng tính giá thành, phương pháp tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm trong kế toán tài chính, sự chi phối của các chuẩn mực tới chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Thứ hai, luận văn nghiên cứu thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty, trên cơ sở đó đi sâu phân tích và đánh giá thực trạng, tìm ra những ưu điểm và những tồn tại cơ bản mà Công ty cần khắc phục và

hoàn thiện trong quá trình thực hiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty nhằm nâng cao hiệu quả việc quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Thứ ba, trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận văn đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nhằm phục vụ quản trị doanh nghiệp tại Công ty TNHH SH Tech Vina vừa mang tính khái quát, vừa mang tính cụ thể.

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất là một đề tài có phạm vi rộng và hết sức quan trọng. Do vậy, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ngày càng phải được quan tâm và hoàn thiện hơn nữa. Mặt khác, luận văn này mới chỉ đi sâu vào phương diện kế toán tài chính, và phần nào chạm tới phương diện kế toán quản trị. Mặc dù đã có nhiều cố gắng, tuy nhiên trong quá trình nghiên cứu, hoàn thiện luận văn, không thể tránh khỏi những sai sót, tồn tại nhất định.

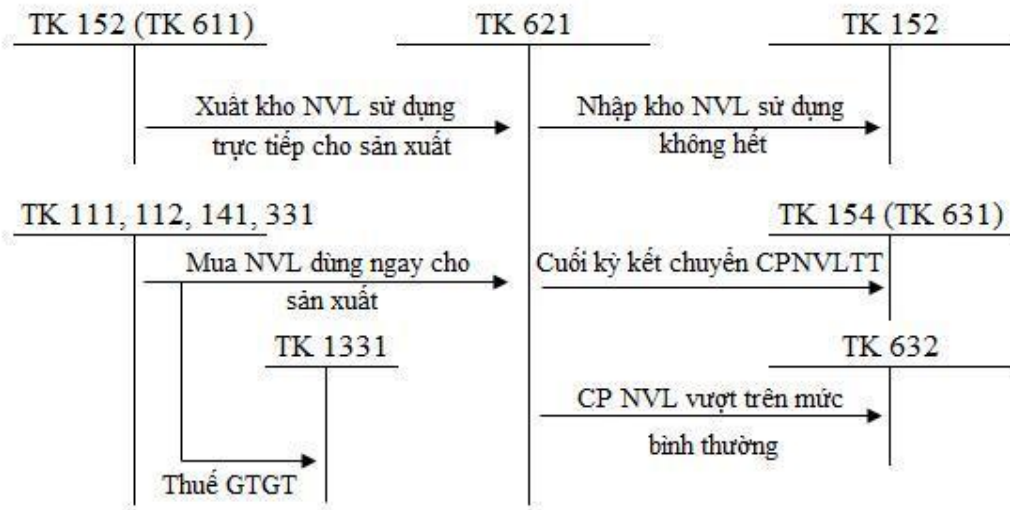
Tác giả hy vọng rằng, luận văn này phần nào sẽ giúp Công ty nâng cao hơn nữa chất lượng công tác kế toán chi phí và tính giá thành để thực sự trở thành công cụ hỗ trợ đắc lực cho bộ máy quản trị chi phí tại Công ty. Tác giả cũng rất mong nhận được sự giúp đỡ, hướng dẫn của các thầy cô giáo, các nhà khoa học để luận văn được hoàn thiện và có giá trị về mặt lý luận và thực tiễn cao hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

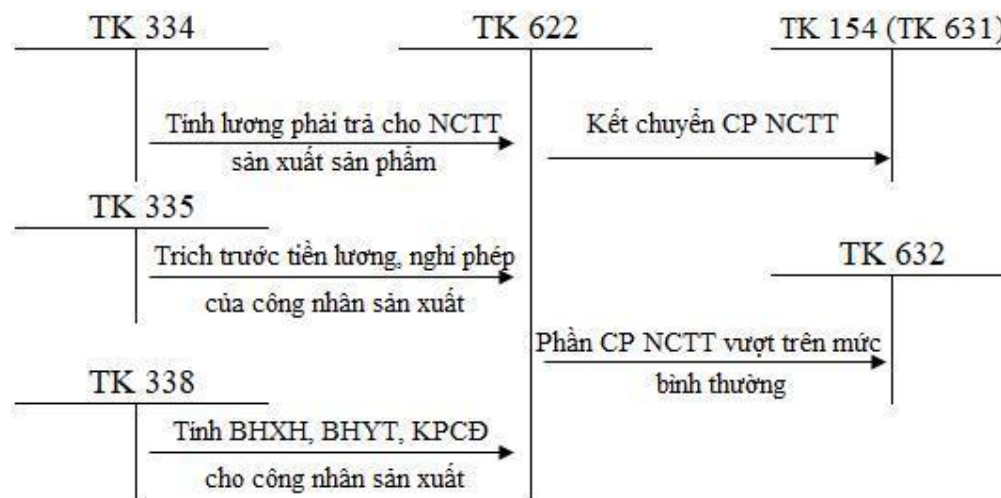
1. Quốc hội Việt Nam (khóa XI), Luật Kế toán 2015, ngày 20/11/2015
2. Bộ Tài chính (2006), Chế độ kế toán doanh nghiệp, NXB Tài chính
3. Bộ Tài chính (2014), Quyết định 200/2014, ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.
4. Nghiêm Văn Lợi (2007), Giáo trình kế toán tài chính, NXB Tài chính.
5. Học viện Tài chính (2008), Giáo trình kế toán quản trị, NXB Tài chính.
6. Nội dung và hướng dẫn 26 Chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính.
7. Tài liệu, hệ thống sổ sách kế toán và báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty TNHH SH Tech Vina.
8. Võ Văn Nhị (2010), Kế toán doanh nghiệp, NXB Tài chính.
9. Một số Luận văn thạc sỹ tại Trường Đại học Lao động - Xã hội
10. Một số trang web và diễn đàn kế toán.
11. Các tài liệu tham khảo khác.

PHỤ LỤC

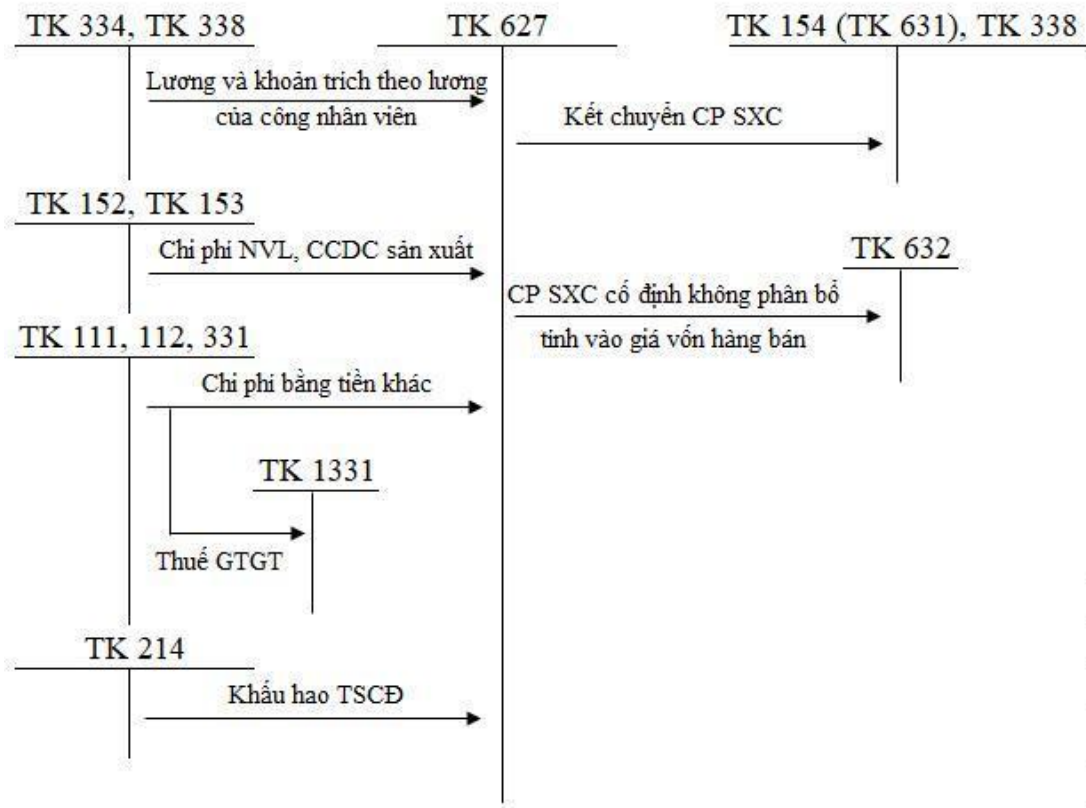
Phụ lục 01: Sơ đồ hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp



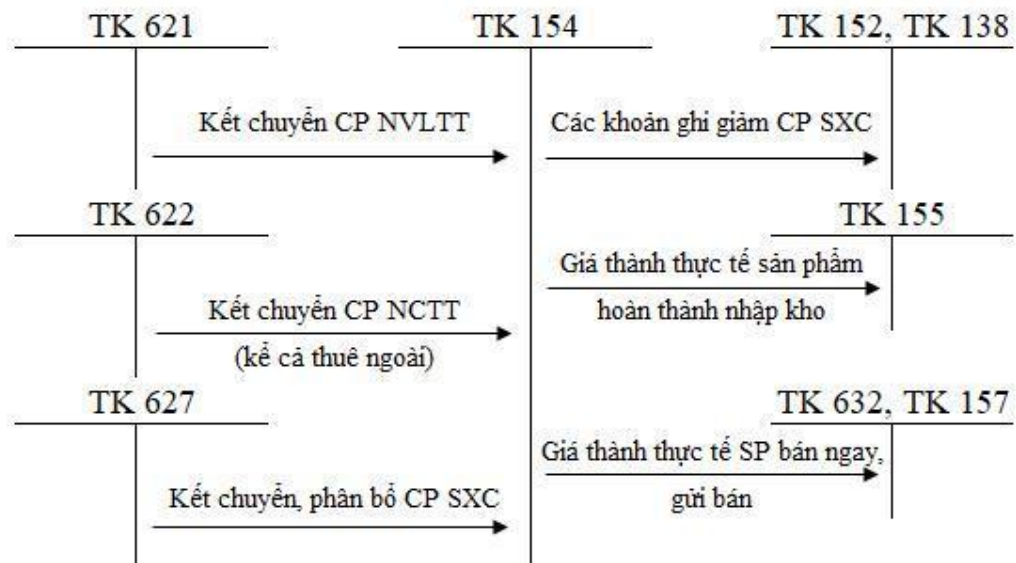
Phụ lục 02: Sơ đồ hạch toán chi phí nhân công trực tiếp



Phụ lục 03: Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất chung



Phụ lục 04: Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang



Phụ lục 08: Sổ chi tiết tài khoản 622 - Chi phí NCTT tháng 8/2018

CÔNG TY TNHH SH TECH VINA

Lô số 15, 17 CCN Nội Hoàng - Xã Nội Hoàng – Huyện Yên Dũng – Tỉnh Bắc Giang

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tháng 8 Năm 2018

Tài khoản: 622 - Chi phí nhân công trực tiếp

Tên sản phẩm: Máy uốn 3D - Bending JIG

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	2	3
11/8/2018	NGC112	11/8/2018	Thuê ngoài gia công sản phẩm	331	2,440,000	
20/8/2018	NGC118	20/8/2018	Thuê ngoài gia công sản phẩm	331	11,200,300	
24/8/2018	NVK090	24/09/2018	Lương và các khoản phải trả	334	54,288,000	
31/8/2018	NVK108	30/09/2018	Kết chuyển chi phí đến ngày 31/8/2018	154		67,928,300
			-Cộng phát sinh		67,928,300	67,928,300
			-Số dư cuối kỳ			

Trang: 1

Sổ này có 1 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 01

Ngày mở sổ: 01/01/2018

Ngày tháng ... năm.....

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Phụ lục 09: Trích bảng tính khấu hao TSCĐ tháng 8/2018

CÔNG TY TNHH SH TECH VINA

Lô số 15, 17 CCN Nội Hoàng - Xã Nội Hoàng – Huyện Yên Dũng – Tỉnh Bắc Giang

BẢNG KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI NƠI SỬ DỤNG

Tháng 8 Năm 2018

Mã Tài sản	Tên tài sản	Ghi tăng		Giá trị khấu hao	Đã phân bổ	Còn lại	
		Thời gian Sử dụng	Nguyên giá			Thời gian Sử dụng	Giá trị
A	B	1	2	3	4	5	6
Phòng ban: PX - Phân xưởng							
CNC	Máy gia công trung tâm kim loại	120.00	5,109,074,294	42,575,620	553,483,060	107.00	4,555,591,234
MAYNEN01	Máy nén khí ép dầu BP250	72.00	42,000,000	583,340	7,583,420	59.00	34,416,580
MAYNEN02	Máy nén khí trục vít TMPM30A	72.00	64,000,000	888,890	7,111,120	64.00	56,888,880
Tổng cộng			5,215,074,294	44,047,850	568,177,600		4,646,896,694

- Số này có 1 trang, từ trang 01 đến trang 1

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 10: Trích sổ chi tiết tài khoản 627 tháng 8/2018

CÔNG TY TNHH SH TECH VINA

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tháng 8 năm 2018

Tài khoản: 627 - Chi phí sản xuất chung

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
6/8/2018	PC148	6/8/2018	Thuê ngoài mạ khuôn nhôm	1111	6,000,000	
11/8/2018	PN140	11/8/2018	Mua CCDC cho sản xuất	1111	420,000	
12/8/2018	PN143	12/8/2018	Mua CCDC cho sản xuất	331	2,755,000	
19/8/2018	NVK078	19/8/2018	Thuê ngoài gia công xử lý nhiệt	331	28,059,503	
23/8/2018	PC151	23/8/2018	Điện SX T8/2018	1111	20,551,040	
31/8/2018	KH08	31/8/2018	Trích khấu hao TSCĐ T8/2018	2141	44,047,850	
31/8/2018	PB08	31/8/2018	Tính phân bổ CCDC T8/2018	242	5,985,302	
31/8/2018	NVK080	31/8/2018	Tính lương cho công nhân viên T8/2018	3341	13,678,090	
31/8/2018	NVK081	31/8/2018	Các khoản trích theo lương BHXH, BHYT, BHTN T8/2018	338	1,260,000	
31/8/2018	NVK093	31/8/2018	Kết chuyển chi phí đến ngày 31/8/2018	154		241,033,780

Sổ này có 3 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 3

Ngày mở sổ: 01/01/2018

Ngày tháng ... năm.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Phụ lục 11: Trích sổ cái tài khoản 154 - Chi phí SXKD dở dang tháng 8/2018

CÔNG TY TNHH SH TECH VINA

Lô số 15, 17 CCN Nội Hoàng - Xã Nội Hoàng – Huyện Yên Dũng – Tỉnh Bắc

Mẫu số: S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tháng 8 Năm 2018

Tài khoản: 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
31/08/2018	NVK094	31/08/2018	Kết chuyển chi phí đến ngày 31/8/2018			622	56,357,933	
31/08/2018	NVK094	31/08/2018	Kết chuyển chi phí đến ngày 31/8/2018			6271	15,796,000	
31/08/2018	NVK094	31/08/2018	Kết chuyển chi phí đến ngày 31/8/2018			6274	44,047,850	
31/08/2018	NVK094	31/08/2018	Kết chuyển chi phí đến ngày 31/8/2018			6273	4,875,000	
31/08/2018	NVK094	31/08/2018	Kết chuyển chi phí đến ngày 31/8/2018			621	88,974,340	
31/08/2018	NVK094	31/08/2018	Kết chuyển chi phí đến ngày 31/8/2018			6278	2,850,000	
			Cộng phát sinh				212,901,123	212,901,123

Sổ này có 2 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 2

Ngày mở sổ: 01/01/2018

Ngày tháng năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)